

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TRƯỜNG MẦM NON TÂN LỢI

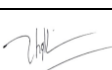
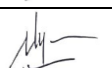
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

BÌNH PHƯỚC – NĂM 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TRƯỜNG MẦM NON TÂN LỢI

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lê Thị Lan	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Nguyễn Thị Hiếu	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Lê Thị Thanh	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
4	Nguyễn Thị Trang	Chủ tịch công đoàn	Thư ký hội đồng	
5	Hoàng Thị Nguyệt	Bí thư chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
6	Vũ Thị Hoài Giang	TKT tổ Mầm – Chồi	Ủy viên hội đồng	
7	Đỗ Trường Giang	TKT tổ VP	Ủy viên hội đồng	
8	Đàm Thị Hải	Thanh tra	Ủy viên hội đồng	
9	Phạm Thúy Quyên	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
10	Nguyễn Thị Thảo Ly	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
11	Nguyễn Thị Đào	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3	17
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	18
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	20
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	23
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	26
Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	30
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	32
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	35
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	38
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	40
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	42
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	46
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	48
Mở đầu	48
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	48

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	51
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	53
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	57
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	58
Mở đầu	58
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT	58
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn CSVC tối thiểu đối với trường MN theo quy định của Bộ GD&ĐT	63
Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn CSVC tối thiểu đối với trường MN theo quy định của Bộ GD&ĐT	68
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	71
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	72
Mở đầu	72
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	72
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;	75
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	78
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	79
Mở đầu	79
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	79
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	83
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	87
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	91
Kết luận tiêu chuẩn 5	94
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	95
Tiêu chí 1: Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện	95

của nhà trường, văn hóa địa phương.	
Tiêu chí 2: Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	96
Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.	97
Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.	97
Tiêu chí 5: Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	98
Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.	99
Kết luận đánh giá tiêu chí Mức 4	99
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	100
Phần IV. PHỤ LỤC	102

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	VIẾT TẮT	CHÚ THÍCH
1	ANTT	An ninh trật tự
2	BCH	Ban chấp hành
3	BGH	Ban giám hiệu
4	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
5	CĐSPMN	Cao đẳng sư phạm mầm non
6	CMT	Cha mẹ trẻ
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CSVC	Cơ sở vật chất
9	BĐDCMTE	Ban đại diện cha mẹ trẻ em
10	ĐHSPMN	Đại học sư phạm mầm non
11	ĐDĐC	Đồ dùng đồ chơi
12	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
13	GV	Giáo viên
14	GDMN	Giáo dục mầm non
15	LĐLĐ	Liên đoàn Lao động
16	LLCT	Lý luận chính trị
17	MN	Mầm non
18	ND, CS&GD	Nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ
19	PTNN	Phát triển ngôn ngữ
20	PTNT	Phát triển nhận thức
21	PTTM	Phát triển thẩm mỹ
22	PTTC	Phát triển thể chất
23	PTTC - KNXH	Phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội
24	PCCC	Phòng cháy chữa cháy

25	SPMN	Sư phạm mầm non
26	SDD	Suy dinh dưỡng
27	TCSPMN	Trung cấp Sư phạm mầm non
28	TH	Tiểu học
29	THCS	Trung học cơ sở
30	THPT	Trung học phổ thông
31	TNCSHCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
32	TNTT	Tai nạn thương tích
33	TTND	Thanh tra nhân dân
34	TTYT	Trung tâm Y tế
35	UBND	Ủy ban nhân dân
36	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
37	VCNLĐ	Viên chức người lao động

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả tự đánh giá			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
1		x	
2		x	
3	x		
4		x	
5		x	
6		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2.Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non Tân Lợi

Tên trước đây (nếu có): Không

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Đồng Phú

Tỉnh	Bình Phước	Họ và tên hiệu trưởng	Lê Thị Lan
Huyện	Đồng Phú	Điện Thoại	02713. 502.839
Xã	Tân Lợi	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia		Website	mntanloi@dongphu.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2004	Số điểm trường	1
Công lập	Có	Loại hình khác (ghi rõ):	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	2	2	1	1	1

Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	2	2	2	1	1
Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	2	2	2	2	2
Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	3	2	2	3	3
Cộng	9	8	7	7	7

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 - 2025	Ghi chú
I	Khối phòng hành chính quản trị	5	5	5	6	6	Bao gồm: 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng PHT; 01 phòng dành cho NV; 01 văn phòng; 01 phòng bảo vệ (không tính nhà vệ sinh và khu để xe)
1	Phòng kiên cố	5	5	5	6	6	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em	11	11	10	10	10	
1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em	9	9	8	7	7	(05 phòng ở điểm chính và 02 phòng ở điểm lẻ)
a	Phòng kiên cố	8	8	8	7	7	
b	Phòng bán kiên cố						
c	Phòng tạm	1	1	0	0	0	
2	Phòng giáo dục thể chất, giáo dục	2	2	2	2	2	01 phòng giáo dục thể chất và 01 phòng giáo

	nghệ thuật						dục nghệ thuật
a	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Thư viện	0	0	0	1	1	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	1	1	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
4	Phòng làm quen tin học, ngoại ngữ	0	0	0	0	0	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng tổ chức ăn	2	2	2	4	4	02 nhà bếp và 02 kho bếp (bếp điểm lẻ chưa có kho bếp)
1	Phòng kiên cố	2	2	2	4	4	
2	Phòng bán kiên cố						
3	Phòng tạm						
IV	Khối phụ trợ	3	3	3	4	4	Bao gồm: 01 phòng họp, 01 phòng y tế, 01 nhà kho điểm chính, 1 kho điểm lẻ.
1	Phòng kiên cố	3	3	3	4	4	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	1	1	1	1	1	Phòng kế toán, văn thư
1	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
	Cộng	22	22	21	25	25	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá.

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	16	16	5	0	5	11	
Nhân viên	10	8	2	9		1	
Cộng	29	27	7	9	5	15	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

Stt	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số giáo viên	15	15	15	14	16
2	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	31/3 (10,3)	15/3 (5)	19/3 (6,3)	20/2 (10)	21/3 (7)
3	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo	9/1 (9)	0	0	0	0

	không có trẻ bán trú)					
4	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	197/12 (16,4)	148/12 (12,3)	207/12 (17,3A)	189/12 (15,8)	181/13 (13,9)
5	Tổng số GV dạy giỏi cấp huyện trở lên (nếu có)	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi	6	Không tổ chức thi	8
6	Tổng số GV dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi	2	Không tổ chức thi	Không tổ chức thi
7	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	

4. Trẻ em.

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em.	237	163	226	209	202	
	- Nữ	116	79	116	112	103	
	- Dân tộc thiểu số	122	101	135	125	124	
2	Đối tượng chính sách	148	2	5	4	1	
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới	79	49	139	76	74	
5	Học 2b/ ngày	227	163	226	209	202	
6	Bán trú	227	163	226	209	202	
7	Tỉ lệ trẻ em/ lớp.	206/7 (29,4)	148/6 (24,7)	207/6 (34,5)	189/6 (31,5)	181/6 (30,16)	
8	Tỉ lệ trẻ em/ nhóm	31/2 (15,5)	15/2 (7,5)	19/1 (19)	20/1 (20)	21/1 (21)	

	<i>Trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi</i>	0	0	0	0	0	
	<i>Trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi</i>	0	0	0	0	0	
	<i>Trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi</i>	31	15	19	20	21	
	<i>Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi</i>	50	33	51	30	25	
	<i>Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi</i>	73	41	70	64	60	
	<i>Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi</i>	83	74	86	95	96	
9	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Xã Tân Lợi nằm ở phía Đông của huyện Đồng Phú cách trung tâm huyện Đồng Phú khoảng 13 km, Phía đông giáp huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai, phía tây giáp xã Tân Tiến và thị trấn Tân Phú, phía Bắc giáp xã Tân Hưng, phía Nam giáp xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú. Với diện tích tự nhiên là 12.353,1ha, địa bàn rộng, dân cư sống thưa thớt; Xã có 4 ấp, tính đến thời điểm ngày 12 tháng 11 năm 2024 dân số toàn xã có 1.027 hộ; 4.099 nhân khẩu (trong đó dân tộc thiểu số 507 hộ với 2.083 khẩu chiếm 51,8%) có 15 dân tộc anh em sinh sống gồm: Kinh, Khơme, Hoa, Nùng, Tày, Sánđiù, Mường, Thái, Chăm, X'tiêng, Châu Ro, Êđê, H'Mông, Dao, Bana; có 04 tôn giáo gồm: Cao đài, Công giáo, Phật giáo, Tin lành; phát triển kinh tế đời sống nhân dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp chiếm trên 80%.

Trường Mầm non Tân Lợi là đơn vị sự nghiệp giáo dục trực tiếp chịu sự quản lý của UBND huyện Đồng Phú; Phòng GD&ĐT quản lý về chuyên môn. Năm 2004, trường được thành lập theo Quyết định số 13/2004/QĐ-UBND ngày 20/8/2004 của Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú; với tổng diện tích đất là 14,648m², bình quân 70m²/1 trẻ. Trường có điểm chính tại ấp Đồng Bia xã Tân Lợi, và một điểm lẻ tại ấp Thạch Màng xã Tân Lợi, điểm chính và điểm lẻ của trường đều ngay trung tâm của dân cư nên thuận tiện cho phụ huynh đưa đón con em tới trường học tập. Nhà trường đủ các khối phòng hành chính quản trị ; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn; khối phụ trợ đảm bảo theo Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Trang thiết bị dạy học đồ dùng, đồ chơi; đồ chơi ngoài trời được trang bị theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 ban hành Danh mục đồ dùng - đồ chơi thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non; Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14/9/2012 ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non nhằm đáp ứng được nhu cầu dạy và học của giáo viên cùng các cháu học sinh toàn trường trong việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới hiện hành tuy nhiên vẫn chưa đầy đủ.

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã từng bước hoàn thiện về các mặt giáo dục, cơ sở vật chất. Nhà trường đã khắc phục những khó khăn, đóng góp không nhỏ cho sự nghiệp giáo dục của xã Tân Lợi về số lượng và chất lượng, Trường Mầm non Tân Lợi đã tổ chức tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quy định của ngành, tuyển sinh trẻ trong độ tuổi trên địa bàn xã Tân Lợi và vùng lân cận, là nơi nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ có uy tín, tạo được sự tin tưởng của cha mẹ trẻ và cộng đồng, qua đó góp phần vào việc phát triển kinh tế - văn hóa, giáo dục của xã Tân Lợi nói riêng và sự nghiệp giáo dục chung của huyện Đồng Phú.

Để có được những kết quả trên, trong thời gian qua tập thể CBQL, GV, NV trong trường không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn cho bản thân, tiếp tục học tập nâng cao trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. CBQL, GV, NV cùng nhau xây dựng môi trường sư phạm ngày càng hoàn thiện hơn. Bên cạnh đó, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, toàn thể địa phương trong mọi hoạt động. Đặc

biệt, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đồng Phú luôn chỉ đạo sát sao trực tiếp về các hoạt động chuyên môn của ngành.

Nhà trường làm tốt công tác phối kết hợp cùng Ban đại diện cha mẹ trẻ trong năm học, luôn hỗ trợ về tinh thần, vật chất giúp trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ CBQL, GV, NV toàn trường tương đối đảm bảo về số lượng và chất lượng theo qui định tại Điều lệ trường mầm non ban hành. Đội ngũ CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng, kiên định với mục tiêu lý tưởng cách mạng. Đội ngũ giáo viên luôn năng động, sáng tạo trong công tác hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chất lượng giáo dục hàng năm được nâng cao, số lượng giáo viên giỏi, dạy giỏi ngày càng tăng về số lượng, chất lượng, năm sau cao hơn năm trước. Nhà trường làm tốt công tác phối kết hợp cùng ban đại diện cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, giáo dục. Hàng năm, BDDCMTE luôn hỗ trợ về tinh thần, vật chất giúp trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ CBQL, GV, NV toàn trường tương đối đảm bảo về số lượng và chất lượng theo qui định tại Điều lệ trường mầm non ban hành. Đội ngũ CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng, kiên định với mục tiêu lý tưởng cách mạng.

Đội ngũ giáo viên luôn năng động, sáng tạo trong công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chất lượng giáo dục hàng năm được nâng cao, số lượng giáo viên dạy giỏi và các cháu đạt danh hiệu bé khỏe bé ngoan ngày càng tăng về số lượng, chất lượng, năm sau cao hơn năm trước. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp huyện hàng năm, năm sau cao hơn năm trước cụ thể: Năm học 2019 - 2020 đạt 5 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, tỷ lệ 31,25%, (không tổ chức thi cấp tỉnh); Năm học 2022 - 2023 có 6 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện đạt 42,85%, có 2 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đạt 13,33% phong trào viết sáng kiến áp dụng trong công tác giảng dạy luôn được phát động và chú trọng. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng theo quy định của điều lệ trường mầm non và hoạt động theo đúng quy chế, chức năng, nhiệm vụ. Trường có Chi bộ độc lập gồm 11 Đảng viên chính thức, hàng năm đều được đánh giá đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, nhiều năm liền Chi bộ đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh. Tổ chức Công đoàn với tổng số 25 công đoàn viên hàng năm đều được công nhận là Công đoàn cơ sở vững mạnh. Đoàn thanh niên là lực lượng nòng cốt của Đảng, trẻ, khỏe, nhiệt huyết với phong trào thi đua phong trào bề nổi của nhà trường, đoàn viên giáo viên biết kết hợp giữa việc truyền thụ kiến thức văn hóa với việc rèn luyện chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng các cháu. Hàng năm, lực lượng đoàn viên giáo viên tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp huyện đều đạt tỷ lệ cao, nhiều năm liền đạt Chi đoàn vững mạnh.

Nhà trường luôn chấp hành và triển khai thực hiện tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường ngày càng được nâng cao, đã và đang từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, khẳng định được uy tín của nhà trường với phụ huynh và Nhân dân.

2. Mục đích Tự đánh giá.

Nhà trường xác định trường mầm non đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em của nhà trường. Từ đó, nhà trường thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường, để cơ quan nhà nước đánh giá công nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng.

Thông qua kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể CBQL, GV, NV nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó tiếp tục phát huy và có biện pháp khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp

theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của CBQL, GV, NV về công tác đảm bảo và hoàn thiện chất lượng được thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và hiệu quả. Công tác tự đánh giá sẽ giúp nhà trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ quá trình hoạt động của nhà trường theo từng năm học và từng giai đoạn. Mỗi cá nhân sẽ nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục, để cơ quan nhà nước công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động Tự đánh giá.

Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục, gồm 11 thành viên với đầy đủ các thành phần: Chi bộ, cán bộ quản lý, tổ chuyên môn và phụ trách các tổ chức đoàn thể trong trường. Hội đồng đã triển khai thực hiện Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường MN và Đào tạo và công văn số 5942/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non. Trường Mầm non Tân Lợi tiến hành tự đánh giá chất lượng theo các tiêu chuẩn để so sánh, đối chiếu, xác định rõ chất lượng của đơn vị. Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên theo chức năng, năng lực mỗi người để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công tác tự đánh giá của nhà trường đảm bảo thực hiện theo quy trình gồm các bước sau:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá các mức độ đạt theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá đảm bảo theo quy định. Trong suốt thời gian tiến hành công tác tự đánh giá, BGH nhà trường tranh thủ sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT, sự tham gia của BDDCMTE, đồng thời đã huy động toàn thể đội ngũ CBQL, GV, NV nhà trường tham gia công tác kiểm định chất lượng giáo dục, dành nhiều thời gian ngoài giờ hành chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Để công tác tự đánh giá được tiến hành thuận lợi và có hiệu quả, Hội đồng tự đánh giá của trường đã xác định rõ các nguồn nhân lực, nguồn tài chính cần huy động, cơ sở vật chất hiện có, công việc thu thập các thông tin minh chứng cho từng tiêu chí được hội đồng thực hiện đúng kế hoạch, do đó tiến độ và chất lượng công việc được đảm bảo. Sau khi hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí, lập bảng mã hóa và hợp thông tin minh

chứng, Hội đồng tự đánh giá đã hoàn thiện báo cáo đúng thời gian dự kiến trong kế hoạch.

Báo cáo tự đánh giá được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn, mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể hiện trạng của nhà trường cần đạt được trong mỗi tiêu chí. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo tự đánh giá xác định những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và xây dựng kế hoạch cải tiến, phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu, ngắn gọn, rõ ràng và có tính khả thi.

Với sự nỗ lực, cố gắng, quyết tâm và trách nhiệm của các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, báo cáo tự đánh giá của trường đã cơ bản hoàn thành, đó là sự cố gắng tập trung sức mạnh của tập thể, đã đánh dấu bước quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường, là nền tảng vững chắc để nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và công nhận lại trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025. Trường Mầm non Tân Lợi có xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật Giáo dục, đảm bảo tốt cho các hoạt động của nhà trường và chất lượng giáo dục; được sự quan tâm của các cấp, các ngành và địa phương, nhà trường thực hiện định hướng phát triển chất lượng giáo dục theo từng giai đoạn đảm bảo được các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra; Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 -2025 được công bố trên bảng tin của trường; Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập và luôn hoạt động thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có Chi bộ độc lập, có tổ chức Đoàn TNCSHCM, Công đoàn. Trong năm học 2024-2025 trường có đầy đủ hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng. Các tổ chuyên môn và văn phòng được thành lập và hoạt động theo đúng quy định. Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, tạo môi trường trong và ngoài lớp học đa dạng và phong phú, chú trọng việc giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm”.

Nhà trường luôn chú trọng công tác quản lý trong mọi lĩnh vực đảm bảo tổ chức khoa học, thường xuyên, đánh giá một cách chính xác, công bằng, công khai và dân chủ. Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng độ tuổi đúng theo Chương trình GDMN quy định, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Hồ sơ của nhà trường cũng được lưu trữ đầy đủ như: Hồ sơ về tài chính, tài sản và công khai minh bạch rõ ràng theo định kỳ. Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phân công sử dụng đội ngũ hợp lý, có hiệu quả và đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động. Trường tổ chức thực hiện tốt các hoạt động giáo dục theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường mầm non và sự chỉ đạo của các cấp. Trong năm 2024-2025, nhà trường luôn đảm bảo các

điều kiện về an ninh trật tự, an toàn cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục Mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (Nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tân Lợi đã xây dựng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non [H1-1.1-01]. Kế hoạch này đã xác định mục tiêu GDMN phù hợp theo Điều 23 Luật Giáo dục 2019, đó là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng ủy xã Tân Lợi theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Tân Lợi khóa 12 nhiệm kỳ 2025 - 2030. Ngoài ra, nhà trường còn căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị về CSVC, về kinh phí, về nguồn lực, về đội ngũ CBQL-GV-NV, ... để từ đó đưa ra các mục tiêu phù hợp nhằm thực hiện tốt công tác ND, CS&GD trẻ trong nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

b) Phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường đã được UBND huyện Đồng Phú ủy quyền cho Phòng GD&ĐT huyện Đồng Phú phê duyệt trực tiếp vào phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường ngày /2025 [H1-1.1- 01].

c) Kế hoạch, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhà trường công bố công khai bằng nhiều hình thức như thông qua cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.1-04], qua cuộc họp cha mẹ trẻ toàn trường [H1-1.1-05], được niêm yết bằng văn bản tại văn phòng nhà trường [H1-1.1-06].

Mức 2:

Hàng năm, các thành viên Hội đồng nhà trường nhiệm kỳ 2024 - 2029 của Trường Mầm non Tân Lợi, đã thực hiện tốt việc giám sát quá trình thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo kế hoạch đã đề ra [H1-1.1-07]. Hội đồng trường hàng kỳ tổ chức họp, đánh giá cụ thể những nội dung đã đạt được và nội dung còn hạn chế từ đó đưa ra giải pháp khắc phục, điều chỉnh theo kế hoạch từng năm học [H1-1.1-08]. Đồng thời Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường cũng đưa nội dung giám sát việc thực hiện kế hoạch, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 vào trong phương hướng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân (TTND) hàng tháng, năm [H1-1.1-09].

Mức 3:

Kế hoạch, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 định kỳ được Hội đồng trường tổ chức họp rà soát, đánh giá những việc đã làm được, những mặt còn hạn chế và điều chỉnh, bổ sung nội dung các văn bản, chỉ tiêu...cho phù hợp với từng năm, từng giai đoạn, phù hợp tình hình thực tế tại đơn vị [H1-1.1-08]. Để kế hoạch, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 mang tính khả thi cao, nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến tham gia của thành viên Hội đồng trường, CBQL-GV-NV, cha mẹ trẻ và cộng đồng qua việc lồng ghép trong các cuộc họp Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm, gửi công văn xin ý kiến đóng góp của cấp ủy Đảng, đoàn thể địa phương, BDDCMTE ,Hội Phụ nữ xã Tân Lợi [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05], [H1-1.1-10].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã thành lập được Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024 - 2029 thực hiện việc giám sát thực hiện kế hoạch chiến lược nhà trường.

Hàng năm nhà trường rà soát kế hoạch chiến lược, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng chi tiết, phù hợp mục tiêu giáo dục của ngành, với điều kiện của trường, với thực tế của UBND xã Tân Lợi và đã được Phòng GD&ĐT huyện Đồng Phú phê duyệt. Chiến lược phát triển nhà trường được công khai rộng rãi trong các buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường, đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh qua bảng tin nhà trường.

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025, được rà soát, đánh giá và có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Quá trình xây dựng các kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường có sự tham gia đóng góp ý kiến của các thành viên trong Hội đồng trường; của CBQL, GV, NV trong toàn trường; CMT.

3. Điểm yếu

Trong quá trình giám sát kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường, một số thành viên trong Hội đồng trường chưa phát huy hết tinh thần tự giác, chưa sâu sát và chặt chẽ trong quá trình giám sát, chưa đưa ra các giải pháp thiết thực để thực hiện tốt việc giám sát. Khi xây dựng các Kế hoạch phát triển giáo dục chưa có sự tham gia của cộng đồng. Các Kế hoạch phát triển giáo dục chưa được đăng tải trên các phương tiện

thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng GD&ĐT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026, hiệu trưởng tiếp tục tổ chức thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025.

Từ năm học 2025 – 2026 và các năm học sau, chủ tịch Hội đồng trường phân công các thành viên trong Hội đồng trường trách nhiệm cụ thể, gắn trách nhiệm từng cá nhân với nhiệm vụ giám sát. Định kỳ trong các cuộc họp Hội đồng trường, chủ tịch Hội đồng trường yêu cầu các thành viên được phân công nhiệm vụ giám sát và báo cáo kết quả cụ thể, cũng như đưa ra các giải pháp giám sát trong thời gian tới. Ngoài ra, chủ tịch Hội đồng trường thường xuyên động viên, tuyên truyền các thành viên Hội đồng trường chủ động tích cực học hỏi nâng cao nhận thức về tư tưởng, chính trị, đạo đức, tinh thần trách nhiệm; chủ động cùng với các tổ chức liên quan để thực hiện quyền hạn chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ đã quy định; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra. Bên cạnh đó, trong các cuộc họp định kỳ, chủ tịch Hội đồng trường duy trì việc tổ chức đánh giá, rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 phù hợp với tình hình thực tế theo từng năm học, đánh giá khách quan, thiết thực nhằm thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả của công tác giám sát đối với việc thực hiện Kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2020 - 2025; chỉ rõ cho các thành viên trong Hội đồng trường và Ban TTND thấy được công tác giám sát là nội dung quan trọng trong các hoạt động của Hội đồng trường, các thành viên được phân công trong Hội đồng trường và Ban TTND phải phát huy hết tinh thần tự giác, tinh thần trách nhiệm, sâu sát và chặt chẽ trong quá trình giám sát để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2020 - 2025. Đồng thời, thông qua các cuộc họp Hội đồng trường định kỳ hàng năm, chủ tịch Hội đồng trường chú trọng việc triển khai, hướng dẫn cho các thành viên trong Hội đồng trường rà soát, đánh giá một cách cụ thể, chi tiết các nội dung, chỉ tiêu mà phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường và kế hoạch các năm học đã đề ra để bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

Khi xây dựng Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn mới, hiệu trưởng nhà trường sẽ lấy ý kiến tham gia đóng góp của cộng đồng ở địa phương.

Đến năm 2026, khi xây dựng phương hướng chiến lược phát triển của giai đoạn 2025-2030, Hiệu trưởng phối hợp với các khu dân cư, đoàn thể tại địa phương (cộng đồng) để lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo phương hướng chiến lược phát triển của giai đoạn 2025-2030.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định.
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo nhiệm kỳ 5 năm, được UBND huyện Đồng Phú ký Quyết định số 270/QĐ-PGDĐT ngày 24/01/2024 công nhận Hội đồng Trường Mầm non Tân Lợi nhiệm kỳ năm 2024 - 2029 với số lượng 11 thành viên, Thành phần Hội đồng trường gồm: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, bí thư đoàn TNCSHCM; đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ văn phòng; Hội đồng trường có chủ tịch, thư ký và các thành viên khác. Hội đồng tuyển sinh gồm: Hiệu trưởng làm Chủ tịch hội đồng, phó hiệu trưởng làm phó chủ tịch hội đồng, thành viên và thư ký là một số GV và nhân viên[H1-1.2-01]. Hội đồng tuyển sinh được thành lập hàng năm, có từ 9 đến 11 thành viên do hiệu trưởng làm chủ tịch hội đồng, phó hiệu trưởng làm phó chủ tịch hội đồng, các thành viên là các tổ trưởng, tổ phó và các bộ phận liên quan [H1-1.2-02.]. Trường có Hội đồng thi đua khen thưởng do hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập vào đầu mỗi năm học với số lượng từ 9 và 11 thành viên bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là hiệu trưởng, thư ký là thư ký hội đồng sư phạm, phó chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Công đoàn và ủy viên là tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, bí thư Đoàn TNCSHCM và các phó Hiệu trưởng[H1-1.2-03]. Hội đồng sáng kiến được Hiệu trưởng thành lập hàng năm vào tháng 1 hoặc tháng 2 tùy vào tình hình thực tế của năm học, Chủ tịch hội đồng là Hiệu trưởng, thư ký là thư ký Hội đồng nhà trường, các thành viên của Hội đồng gồm: 02 phó hiệu trưởng và GV cốt cán có nhiều kinh nghiệm[H1-1.2-04]; Hội đồng tự đánh giá gồm có 11 thành viên, trong đó: Hiệu trưởng làm Chủ tịch hội đồng; phó hiệu trưởng làm phó Chủ tịch Hội đồng; Một số tổ trưởng, tổ phó làm thành viên và các bộ phận liên quan làm thư ký [H1-1.2-05].

b) Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 18 Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường MN: quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch đầu tư và phát triển của nhà trường, nhà trẻ trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường, nhà trẻ; giới thiệu người để bổ nhiệm làm hiệu trưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; giám sát các hoạt động của nhà trường, nhà trẻ; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường, nhà trẻ và theo Điều 9 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường MN: xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường theo quy định của pháp luật; quyết nghị thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường khi cần thiết; phê duyệt dự toán, quyết toán tài chính hằng năm và giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; phê duyệt phương án chung về tổ chức bộ máy và những vấn đề liên quan đến tổ chức, nhân sự của nhà trường; đề cử và đề nghị công nhận hoặc hủy bỏ việc công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ra quyết định

công nhận; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát hiệu trưởng và kế toán trưởng trong việc chấp hành các quy định**[H1-1.2-06]**.

Hội đồng thi đua khen thưởng thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều 19 Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ GD&ĐT và Điều 11 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường MN: giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CBQL-GV-NV trong nhà trường. Tổ chức phong trào thi đua, xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua tham gia bình xét, phân loại thi đua, khen thưởng và đề nghị danh sách khen thưởng đối với CBQL-GV- NV **[H1-1.2-07];[H1-1.2-08]**. Hội đồng sáng kiến: Nghiên cứu, duyệt và đánh giá sáng kiến, kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh Bình Phước và Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Quyết định số 268/2025/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành quy định về đánh giá , công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước **[H1-1.2-09]**. Hội đồng tuyển sinh thực hiện theo các nội dung kế hoạch tuyển sinh và thực hiện nhiệm vụ đã được phân công **[H1-1.2-10]**; Hội đồng tự đánh giá, xây dựng kế hoạch tự đánh giá **[H1-1.2-11]**, thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí, viết báo cáo tự đánh giá, bổ sung, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, công bố báo cáo tự đánh giá, lưu trữ cơ sở dữ liệu về tự đánh giá **[H1-1.2-12]**.

c) Các hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác định kỳ rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm, cụ thể: Hội đồng trường tổ chức họp thường kỳ từ 2 đến 3 lần/ năm và họp bất thường để giải quyết có những vấn đề phát sinh trong nhà trường; Đồng thời đánh giá cụ thể những việc đã làm được và chưa được, qua đó có rút kinh nghiệm, bổ sung kịp thời những vấn đề phát sinh mới vào Nghị quyết của Hội đồng trường **[H1-1.1-08];[H1-1.2-06]**; các Nghị quyết của Hội đồng trường được công khai tại văn phòng nhà trường **[H1-1.2-13]**. Hội đồng thi đua khen thưởng họp đầu năm học, cuối học kỳ, cuối năm học và họp đột xuất khi có yêu cầu công việc **[H1-1.2-08]**. Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng sáng kiến, Hội đồng tự đánh giá, hàng năm theo định kì đều tiến hành họp để đánh giá các hoạt động, đồng thời đối chiếu với các chỉ tiêu đã đề ra để điều chỉnh chỉ tiêu hoặc đưa ra những giải pháp thực hiện hiệu quả hơn, từ đó, có các giải pháp điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả hoạt động của các hội đồng **[H1-1.2-09]; [H1-1.2-14]; H1-1.2-15]**. Công tác giám sát của Hội đồng trường đôi lúc chưa kịp thời, vì ngoài các thành viên của Hội đồng trường là CBQL, GV, NV trong trường thì còn có cả chính quyền địa phương và Ban ĐDCMTE.

Mức 2:

Qua việc tổng kết đánh giá các hoạt động hàng năm nhìn chung các hội đồng hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường cụ thể: Hội đồng trường hoạt động tích cực họp 2 đến 3 lần/năm, các thành viên trong Hội đồng nêu cao tinh thần trách nhiệm, thường xuyên giám sát các hoạt động, đôn đốc

báo cáo Chủ tịch Hội đồng trường, có những ý kiến góp ý điều chỉnh kế hoạch của nhà trường nhằm thực hiện tốt chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra hàng năm, qua đó góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.1-08]. Hội đồng thi đua khen thưởng tích cực hoạt động, đi đầu trong công tác thi đua, thực hiện tốt vai trò của mình từ đó động viên, đôn đốc các thành viên trong các tổ chuyên môn thi đua dạy tốt - học tốt [H1-1.2-08]. Hội đồng sáng kiến là những người nắm vững chuyên môn, đồng thời có kinh nghiệm về việc viết và áp dụng sáng kiến; các thành viên trong Hội đồng tích cực nghiên cứu, góp ý, đưa ra nhiều ý tưởng, giải pháp hay giúp tác giả khắc phục điểm yếu, đưa ra nhiều giải pháp, sáng tạo và có tính mới [H1-1.2-09]. Mỗi thành viên trong Hội đồng tuyên sinh đều nâng cao tinh thần trách nhiệm, hoạt động đúng theo kế hoạch đã phân công, tuyển sinh đúng kế hoạch đề ra, tuyển sinh đúng độ tuổi, đúng số lượng, hoàn thành hồ sơ tuyển sinh kịp thời giúp nhà trường đạt được kết quả tuyển sinh theo đúng kế hoạch biên chế đã được Phòng GD&ĐT huyện Đồng Phú phê duyệt hàng năm [H1-1.2-10]. Hội đồng tự đánh giá, thực hiện nhiệm vụ đúng theo kế hoạch đề ra, các thành viên hiểu nội hàm, xác định được nội dung mình chứng từ đó mô tả đảm bảo nội dung, mang lại hiệu quả cao cho báo cáo tự đánh giá từ đó góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường năm sau cao hơn năm trước [H1-1.2-15]. Nhà trường tạo được uy tín với cha mẹ trẻ và cộng đồng, cha mẹ trẻ phối hợp với nhà trường, qua đó góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ như: Tỷ lệ trẻ ra lớp đạt chỉ tiêu giao, sáng kiến công nhận cấp huyện từ năm học 2024-2025 có nhiều sáng kiến [H1-1.2-16]. Hoạt động của các hội đồng đạt hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như: Tỷ lệ trẻ ra lớp đạt chỉ tiêu giao hằng năm, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng hằng năm giảm xuống còn dưới 2%;

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập theo quy định tại Điều lệ trường MN và các hội đồng khác, như: Hội đồng sáng kiến, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo các văn bản quy định hiện hành. Các hội đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của từng hội đồng. Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường được định kỳ rà soát, đánh giá để điều chỉnh và có giải pháp thực hiện hiệu quả. Tất cả các hội đồng hoạt động có hiệu quả, phối hợp với nhà trường trong các hoạt động, đa số các thành viên trong các hội đồng là những người có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm, nêu cao tinh thần trách nhiệm, đề xuất các giải pháp tích cực, thường xuyên giám sát các hoạt động; vì vậy giúp cho các hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường.

3. Điểm yếu:

Công tác giám sát của Hội đồng trường đôi lúc chưa kịp thời, vì ngoài các thành viên của Hội đồng trường là CBQL, GV, NV trong trường thì còn có cả chính quyền địa phương và Ban ĐDCMTE.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng củng cố và duy trì các hội đồng theo quy định; Tiếp tục tham mưu các cấp quản lý bổ sung, thay thế số lượng thành phần Hội đồng trường theo quy định (Nếu có sự thay đổi); Đồng thời, tham mưu cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng trường khi kết thúc nhiệm kỳ. Hiệu trưởng tiếp tục thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng khác đảm bảo theo quy

định tại Điều lệ trường MN, theo các văn bản hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Hàng năm vào đầu các năm học, chủ tịch Hội đồng trường và các hội đồng khác căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong các hội đồng và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên. Từng thành viên trong các hội đồng tiếp tục rà soát, đánh giá các hoạt động để điều chỉnh, bổ sung và có những giải pháp thực hiện phù hợp vào mỗi cuộc họp định kỳ, Chủ tịch các hội đồng khuyến khích các thành viên cần chủ động, mạnh dạn trong việc đóng góp ý kiến và đề xuất ít nhất một giải pháp để xây dựng kế hoạch, góp phần nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ trong nhà trường. Đồng thời, tổ chức đánh giá quá trình hoạt động của các thành viên để từng cá nhân phát huy những điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Đối với hội đồng sáng kiến, chủ tịch hội đồng tổ chức hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, cách xét duyệt sáng kiến có chất lượng cho các thành viên trong hội đồng.

Hội đồng trường xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch giám sát các hoạt động của nhà trường; Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường. Đồng thời, cán bộ quản lý nhà trường bố trí sắp xếp công việc hợp lý để các thành viên Hội đồng trường có đủ quỹ thời gian thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định.

Năm học 2025 - 2026 hội đồng trường rà soát bám sát vào kế hoạch phát triển chiến lược nhà trường theo từng giai đoạn và phân đầu trong năm học đạt thành tích cao trong các năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định.
- b) Hoạt động theo quy định.
- c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định cụ thể: Công đoàn Trường Mầm non Tân Lợi được tiếp nhận trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện Đồng Phú theo quyết định số 41/QĐ-LĐLĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ và được Liên đoàn Lao động huyện công nhận và ra quyết định chuẩn y ban chấp hành và chức danh chủ tịch, phó chủ tịch. Tổ chức Công đoàn với 29 Công đoàn viên, chủ tịch Công đoàn là GV có thâm niên giảng dạy 10 năm **[H1-1.3-01]**. Đoàn TNCSHCM được tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ mỗi năm một lần và được Ban chấp hành Đoàn xã Tân Lợi - huyện Đồng Phú ban hành Quyết định chuẩn y quyết định số 01/QĐ-ĐTN ngày 01 tháng 10 năm 2024, quyết định về việc chuẩn y kết quả bầu ủy viên Ban Chấp hành, chức danh Bí thư chi Đoàn trường Mầm non Tân Lợi nhiệm kỳ 2024-2025 Chi đoàn có 13 đoàn viên. Bí thư Chi đoàn là GV trẻ có thời gian giảng dạy là 9 năm **[H1-1.3-02]**.

b) Tổ chức Công đoàn và Đoàn TNCSHCM hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của từng tổ chức giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục cụ thể: Tổ chức Công đoàn hoạt động theo sự chỉ đạo của Liên đoàn Lao động huyện Đồng Phú thực hiện đúng theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam, phối kết hợp nhà trường tổ chức, phát động phong trào thi đua, hoạt động của ngành, của trường, các ngày hội, lễ... **[H1-1.3-03]**. Chi đoàn hoạt động theo đúng điều lệ Đoàn TNCSHCM, hoạt động theo sự lãnh đạo của Chi bộ, phối kết hợp nhà trường tuyên truyền các hoạt động như: ATGT, ANTT, phòng chống xâm hại, bạo hành trẻ em, tai nạn thương tích, đuối nước, tổ chức ngày chủ nhật xanh... Ngoài ra Chi đoàn nhà trường phối hợp cùng Đoàn xã tổ chức và tham gia các phong trào, các buổi tình nguyện xanh. **[H1-1.3-04]**.

c) Các hoạt động Công đoàn, Đoàn TNCSHCM của nhà trường, hàng năm đều tổ chức rà soát, đánh giá cụ thể: Công đoàn nhà trường hàng tháng tổ chức họp đánh giá kết quả hoạt động của các công đoàn viên, hoạt động của các tổ công đoàn, nhận định những ưu điểm, khuyết điểm quá trình thực hiện kế hoạch và việc tham gia các phong trào trong tháng, qua đó triển khai kế hoạch hoạt động của tháng tới công đoàn viên **[H1-1.3-05]**; Đối với Đoàn TNCSHCM đều tổ chức họp đánh giá kết quả đạt được trong tháng. Từ đó, đánh giá được ưu điểm, khuyết điểm và đưa ra biện pháp khắc phục các hoạt động nhằm giúp nhà trường hoàn thành tốt các nội dung kế hoạch đã đề ra, tuy nhiên kế hoạch xây thực hiện của Đoàn TNCSHCM trong tháng chưa cụ thể, lý do bí thư đoàn thay đổi nên chưa có kinh nghiệm, Đoàn viên là con nhỏ, nghỉ sản **[H1-1.3-06]; [H1-1.1-03]**.

Mức 2,3

Chỉ báo a mức 2 và chỉ báo a mức 3

Trường Mầm non Tân Lợi có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, được Đảng ủy xã Tân Lợi thành lập theo Quyết định số 163-QĐ/ĐU ngày 23/01/2025 của Đảng ủy xã Tân Lợi về Chuẩn y kết quả bầu Chi ủy, Chi bộ và chức danh Chi bộ Trường Mầm non Tân Lợi nhiệm kỳ 2025 - 2027; Có ban Chi ủy gồm 03 đảng viên (Trong đó 01 bí thư, 01 phó bí thư và 01 ủy viên) Chi bộ độc lập bao gồm 11 Đảng viên (Trong đó, chính thức 11 Đảng viên và dự bị là 01 Đảng viên) **[H1-1.3-07]**. Tổ chức Đảng hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các văn bản hướng dẫn của ban chấp hành Trung ương **[H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]**. Trong năm học 2024- Chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chi bộ đều đạt Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. **[H1-1.3-10]; [H1-1.3-11]**.

Chỉ báo b mức 2 và chỉ báo b mức 3

Trong các năm qua các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCSHCM của nhà trường luôn hoạt động có hiệu quả cao cụ thể: Công đoàn hỗ trợ về vật chất và tinh thần cho CBQL-GV-NV, động viên, thăm hỏi kịp thời, động viên khích lệ, tinh thần khi có cá nhân, tập thể tham gia các hội thi, động viên công đoàn viên gặp khó khăn trong cuộc sống, trong công tác, để công đoàn viên cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ, duy trì và phát huy phong trào thi đua của nhà trường, của ngành; Ngoài ra, Công đoàn còn tích cực đóng góp các phong trào tại địa phương, cũng như công đoàn vận động công đoàn viên đóng góp các loại quỹ ủng hộ như: Quỹ vì người nghèo; Quỹ lũ lụt; Quỹ tiếp bước đến trường... Công đoàn viên trong nhà trường luôn tiên phong trong các phong trào hiến máu tình nguyện, tham gia tốt các phong trào hoạt động tình nguyện tại địa phương, **[H1-1.3-12];[H1-1.3-13]**. Đoàn TNCSHCM cùng nhà trường tham gia tích cực các phong trào do Đoàn trường phát động như giúp người dân trên địa bàn đăng ký tài khoản dịch vụ công trực tuyến, cài đặt Bluezone, tuyên truyền công tác bầu cử và tổ chức các phong trào “Ngày chủ nhật xanh”, công trình thanh niên “Chăm sóc vườn cây của bé”, lao động vệ sinh...Góp phần quyết định đến chất lượng giáo dục của nhà trường và cộng đồng. Tuy nhiên trong quá trình Đoàn thanh niên tổ chức họp có một vài đoàn thanh niên chưa tham gia đầy đủ và làm công trình chủ nhật xanh đạt kết quả chưa cao, do đoàn thanh niên điều có con nhỏ, mang thai. **[H1-1.3-14];[H1-1.3-15];[H1-1.3-16]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Chi bộ Đảng, có các tổ chức đoàn thể gồm: Công đoàn, Đoàn TNCSHCM các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội trên được cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng theo quy định nhằm góp phần cùng nhà trường đạt được mục tiêu giáo dục đề ra.

Hàng năm, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, đều có kiểm tra rà soát các hoạt động, từ đó đánh giá được ưu điểm, khuyết điểm và đưa ra biện pháp khắc phục các hoạt động nhằm giúp nhà trường thực hiện đạt mục tiêu giáo dục đề ra.

Hàng năm, các đoàn thể đã có nhiều đóng góp có hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng. Năm 2024: Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu:

Chi đoàn còn gặp một số khó khăn khi huy động các đoàn viên tham gia phong trào, do 100% đoàn viên trong Chi đoàn là nữ và đang tuổi sinh đẻ, nên có một số đoàn viên mang thai, nghỉ thai sản và có con nhỏ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo, qua các kỳ đại hội của Công đoàn và Chi đoàn, tập thể nhà trường tiếp tục lựa chọn những người có uy tín, có tâm huyết vào BCH, đẩy mạnh hơn nữa hoạt động của BCH Công đoàn và Chi đoàn, dành nhiều thời gian đầu tư cho các phong trào để thu hút được sự tham gia nhiệt tình hơn nữa của công đoàn viên.

Hiệu trưởng phối hợp với chủ tịch Công đoàn và tạo điều kiện cho Công đoàn tham gia thêm nhiều hoạt động, phong trào thi đua do LĐLĐ cấp trên phát động.

Hàng năm, Chi bộ nhà trường lãnh đạo và chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường phối hợp cùng với nhà trường một cách hiệu quả nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Đồng thời, phát

hiện những nhân tố tích cực để bồi dưỡng, phát triển Đảng, phấn đấu mỗi nhiệm kỳ kết nạp 01 đến 02 đảng viên. Hàng năm, phấn đấu Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chi bộ phân công đảng viên luôn theo sát, ủng hộ và có kế hoạch giúp đỡ Công đoàn và Chi đoàn sắp xếp, phân công cho các đoàn viên một cách hợp lý để tham gia tốt các hoạt động phong trào của nhà trường và địa phương.

Năm học 2025 - 2026, BCH Chi đoàn xây dựng kế hoạch với các hoạt động thiết thực, bổ ích, sinh động để khuyến khích đoàn viên tham gia tích cực và đầy đủ, lựa chọn thời gian sinh hoạt phù hợp, nội dung sinh hoạt trọng tâm, ngắn gọn, tiết kiệm thời gian để không ảnh hưởng đến đoàn viên có con nhỏ. Đồng thời, BCH Chi đoàn tham mưu với Đoàn xã Bình Thắng, phối kết hợp tốt với lực lượng Chi đoàn ở xã cùng tham gia hỗ trợ các phong trào cho nhà trường, nhằm phát huy sức mạnh các tổ chức đoàn thể để đóng góp có hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định.
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (Một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng đủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2023/TT-BGDĐT-BNV ngày 30/10/2023 Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Hiệu trưởng là bà: Lê Thị Lan được bổ nhiệm theo Quyết định số 3477/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của UBND huyện Đồng Phú **[H1-1.4-01]**. 01 phó Hiệu trưởng phụ trách bán trú bà: Nguyễn Thị Hiếu được bổ nhiệm theo Quyết định số 3004/QĐ- UBND ngày 05/07/2024 của UBND huyện Đồng Phú **[H1-1.4-02]** và 01 phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn bà: Lê Thị Thanh được bổ nhiệm theo Quyết định số 3901/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND huyện Đồng Phú **[H1-1.4-03]**.

b) Hàng năm vào đầu năm học, căn cứ Điều lệ trường mầm non, hiệu trưởng ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Nhà trường có 04 tổ chuyên môn: Tổ lá – nhà trẻ, tổ mầm – chồi, tổ nuôi, tổ văn phòng các tổ chuyên môn có cơ cấu tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ trường mầm non được ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 04/VBHN–BGDDT ngày 24/12/2015 và khoản 1 Điều 13 quy định tại Điều lệ trường Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT–BGDDT ngày 31/12/ 2020 **[H1-1.4-04]**. Tổ Văn phòng có cơ cấu tổ chức theo khoản 1 Điều 15 được ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 04/VBHN–BGDDT ngày 24/12/2015 và khoản 1 Điều 14, quy định tại Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT–BGDDT ngày 31/12/2020**[H1-1.4-05]**. Sau khi thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng, hiệu trưởng xét phẩm chất, năng lực của giáo viên, nhân viên ra quyết định bổ nhiệm tổ trưởng và tổ phó đúng theo quy định **[H1-1.4-06];[H1-1.4-07]**.

c) Tổ chuyên môn, có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Điều lệ trường mầm non được ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 04/VBHN–BGDDT ngày 24/12/2015 và khoản 2, khoản 3 Điều 13 quy định tại Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT–BGDDT ngày 31/12/2020 cụ thể: Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo năm, tháng, tuần nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; Đề xuất khen thưởng, Kỷ luật GV; Tham gia đánh giá, xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp GV mầm non; sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn. Tuy nhiên các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chưa được cụ thể hạn chế và việc sử dụng đồ, đồ chơi trang thiết bị còn hạn chế, **[H1-1.4-08]**. Tổ văn phòng, hàng năm đều xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Điều lệ trường Mầm non được ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 04/VBHN–BGDDT ngày 24/12/2015 và khoản 2, khoản 3 Điều 14 quy định tại Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT–BGDDT ngày 31/12/2020 cụ thể: Tổ văn phòng thực hiện các hoạt động giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên; tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần. **[H1-1.4-09];[H1-1.4-10];[H1-1.4-11]**. Tuy nhiên một số thành viên trong tổ chuyên môn khi tham gia sinh hoạt chuyên môn chưa mạnh dạn đề ra giải pháp nâng cao chất lượng của tổ và tham gia đóng góp ý kiến thảo luận đến nội dung sinh hoạt chuyên môn đạt hiệu quả cao hơn.

Mức 2:

a) Ngoài việc thực hiện tốt chuyên đề “Xây dựng trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm” và chuyên đề “Phòng chống bạo hành trẻ trong cơ sở giáo dục Mầm non” Đồng thời hàng năm, các tổ chuyên môn đề xuất một số chuyên đề như PTNN, PTTM, PTNT, các tổ khối chuyên môn đã xây dựng được các chuyên đề phù hợp với từng độ tuổi **[H1-1.4-12]**. Từ khi thực hiện chuyên đề nhà trường tạo môi trường đa dạng để trẻ được vui chơi, học tập, trải nghiệm, tạo môi trường thân thiện, không có bạo hành trẻ. Hàng năm GV thường xuyên làm đồ dùng bổ sung đồ chơi các góc chơi ngoài trời, nhà chòi... các tổ đã thực hiện có hiệu quả các chuyên đề tổ mình đề xuất và các chuyên đề mà nhà trường đã

chỉ đạo từ đó nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ tại đơn vị ngày càng cao;[H1-1.4-13].

b) Hàng tháng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức rà soát các hoạt động theo định kỳ để đánh giá điều chỉnh, cụ thể:

Tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt ít nhất 02 lần vào mỗi tháng, nhằm rà soát, đánh giá những ưu điểm, những mặt đã đạt được trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch ND, CS&GD trẻ và các hoạt động khác; đồng thời, trong quá trình sinh hoạt, các thành viên trong tổ cùng rà soát lại và tìm ra những hoạt động còn tồn tại, hạn chế để khắc phục và tìm giải pháp để điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh và tình hình thực tế của trường, lớp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác ND, CS&GD trẻ [H1-1.4-09]. Tuy nhiên, một số thành viên của các tổ khi tham gia sinh hoạt chuyên môn chưa mạnh dạn trao đổi, tham gia đóng góp ý kiến thảo luận để nội dung sinh hoạt chuyên môn đạt hiệu quả hơn.

Tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng từ 01 đến 02 lần nhằm rà soát, đánh giá chất lượng hoạt động của tổ, nhận định những việc đã làm được và những việc chưa làm được theo kế hoạch đã đề ra trong tháng, từ đó có sự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm nâng cao việc quản lý tài chính, tài sản và lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-10].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng luôn hoạt động có hiệu quả, thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn, giúp đỡ GV qua tổ chức các hoạt động thao giảng, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, chú trọng cho hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở các nhóm lớp, động viên, giúp đỡ GV tham gia tốt các hội thi GV giỏi các cấp, viết và áp dụng sáng kiến, làm và quản lý ĐDDC. Tham gia hội thi “Làm đồ dùng dạy học” cấp trường. Tham gia thi chuyên đề trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm cấp huyện đạt giải ba (Năm học 2024 - 2025). [H1-1.4-14].... vận dụng các phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, tổ chức các hoạt động ngoại khóa lồng ghép giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện cho trẻ. Tổ văn phòng luôn giúp hiệu trưởng quản lý tốt tài sản, tài chính, lưu giữ tốt hồ sơ của nhà trường, luôn giúp đỡ, khuyến khích các thành viên trong tổ thực hiện xuất sắc nhiệm vụ mình được giao, hàng năm có hai đến ba thành viên trong tổ có sáng kiến công nhận cấp huyện, cấp tỉnh. Thực hiện tốt công tác hành chính, văn phòng đảm bảo theo quy định. Không để tình trạng mất mát tài sản xảy ra tại đơn vị... Với kết quả trên các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. [H1-1.1-03]

b) Các tổ chuyên môn đều thực hiện hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021 - 2025 và chuyên đề “Phòng chống bạo hành trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non”. Các tổ chuyên môn cùng nhà trường tạo môi trường ngoài lớp học đa dạng, để trẻ được vui chơi, học tập, trải nghiệm, tạo môi trường thân thiện, không có bạo hành. Các tổ chuyên môn đưa nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn của từng chuyên đề vào thực tế, áp dụng trong công tác soạn giảng chú trọng việc “Dạy học lấy trẻ làm trung tâm”, lồng ghép giáo dục phòng chống bạo hành, dạy trẻ kỹ năng sống. Chính vì vậy việc tổ chức các hoạt động của GV ngày càng linh hoạt, sáng tạo nhiều hơn, trẻ hứng thú đi học và tham gia tích cực các hoạt động. Số GV được công nhận GV dạy giỏi ngày càng nâng cao môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học ngày càng được chú trọng đầu tư nên khung trang, đẹp mắt, môi trường bên ngoài có nhiều khu vực cho trẻ

vui chơi, vận động, trải nghiệm. Mọi hoạt động giáo dục trong nhà trường đều hướng đến “Lấy trẻ làm trung tâm” đều dựa trên nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ, chú trọng dạy trẻ kỹ năng sống, chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho trẻ vào lớp 1. Từ khi thực hiện các chuyên đề trên chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường ngày càng nâng cao. Tạo môi trường xanh - sạch - đẹp khang trang, không có tình trạng bạo hành trong nhà trường. Thu hút trẻ đến trường ngày càng đông, tạo sự tin tưởng cho cha mẹ học sinh, từ đó cha mẹ sẵn sàng tham gia hiệu quả vào công tác chăm sóc - giáo dục trẻ, hoạt động của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị.**[H1-1.1-03]**.

Nhà trường có đủ hiệu trưởng và số lượng các phó hiệu trưởng theo quy định. Hàng năm, nhà trường đều thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng, các tổ có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường MN. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ đúng theo quy định. Hàng năm, các tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện hiệu quả các chuyên đề trong năm có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Định kỳ hàng tháng, các tổ có tổ chức sinh hoạt chuyên môn nhằm rà soát, đánh giá các hoạt động của tổ, từ đó điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, của tổ. Hoạt động của các tổ thiết thực, phù hợp và sáng tạo nên có nhiều đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ hiệu trưởng và số lượng các phó hiệu trưởng theo quy định. Hàng năm, nhà trường điều thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ đúng theo quy định, hiệu quả giúp nhà trường nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Hàng năm, các tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện hiệu quả các chuyên đề trong năm. Định kỳ hàng tháng, các tổ có tổ chức họp rà soát, đánh giá từ đó điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường nên hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Hoạt động của các tổ trong nhà trường luôn được đẩy mạnh, có nhiều đóng góp thiết thực góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại trường.

3. Điểm yếu

Một số thành viên của các tổ chuyên môn khi tham gia sinh hoạt chuyên môn chưa mạnh dạn đề ra giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động của tổ và tham gia đóng góp ý kiến thảo luận để nội dung sinh hoạt chuyên môn đạt hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026, nhà trường thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đúng cơ cấu, số lượng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non đồng thời bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó theo quy định. Xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/ 2020. Rà soát, đánh giá nhằm rút ra kinh nghiệm, đưa ra hướng khắc phục và thực hiện tốt kế hoạch. Duy trì và đẩy mạnh việc xây dựng chuyên đề trong các tổ chuyên môn, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường; Nhà trường tiếp tục chỉ đạo tổ nuôi xây dựng kế hoạch cụ thể hơn, đầy đủ để thực hiện cho những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo quy định;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép; số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định;

c) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (Hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm căn cứ vào kế hoạch của PGD&ĐT huyện Đồng Phú về kế hoạch tuyển sinh vào trường mầm non, lớp 1 và lớp 6 trên địa bàn huyện Đồng Phú. Nhà trường xây dựng kế hoạch theo từng năm học đồng thời phối hợp với UBND xã Tân Lợi trong công tác tuyển sinh, tuyên truyền sâu rộng trong các ấp về kế hoạch tuyển sinh, thời gian tuyển sinh. CBQL, GV, NV làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cha mẹ học sinh hiểu rõ tầm quan trọng về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Nhà trường tạo điều kiện cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn xã đến trường, duy trì đạt phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi. Chính vì vậy hàng năm nhà trường huy động trẻ 5 tuổi ra trường đạt tỷ lệ 100%. Trường đạt tiêu chuẩn phổ cập theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cụ thể như sau [H1-1.2-10]; [H1-1.5-01].

Năm học	Tổng số trẻ 5 tuổi trên địa bàn	Tổng số trẻ 5 tuổi ra lớp	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	Ghi chú
2020 - 2021	78	78	100%	
2021 - 2022	84	84	100%	
2022 - 2023	84	84	100%	
2023 - 2024	90	90	100%	
2024 - 2025	95	95	100%	

b) Trong các năm qua, trẻ đến trường được tổ chức thành các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi quy định tại Điều lệ trường

mầm non: Trẻ nhóm trẻ từ 25 - 36 tháng; trẻ lớp mẫu giáo gồm: Trẻ lớp mầm từ 3 - 4 tuổi, trẻ lớp chồi từ trẻ 4 - 5 tuổi và trẻ lớp lá từ trẻ 5 - 6 tuổi **[H1-1.5-02]; [H1-1.5-03]**. Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập trong suốt 5 năm qua **[H1-1.1-03]**.

c) Căn cứ tình hình của địa phương nhà trường đã tổ chức 7/7 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được học 2 buổi/ngày, nhà trường có 100% trẻ học bán trú. **[H1-1.5-02]; [H1-1.1-03]**.

Mức 2:

Năm học 2024 - 2025 số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo được phân chia theo đúng độ tuổi quy định tại Điều lệ trường mầm non. Tuy nhiên do thiếu giáo viên, thiếu phòng học tại điểm lẻ (Thạch Màng). Nên nhà trường không thể phát triển thêm số lượng nhóm, lớp ở độ tuổi mẫu giáo 3-4 tuổi. **[H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]**.

Nhóm, lớp/Trường	Năm học 2020 - 2021	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 – 2024	Năm học 2024 – 2025
Nhóm 1 (24-36 tháng)	31 trẻ/ 2 nhóm. 15,5 trẻ/nhóm	15 trẻ/2 nhóm 7.5 trẻ/nhóm	19 trẻ/1 nhóm. 19 trẻ/ nhóm	20 trẻ/1 nhóm 20 trẻ / nhóm	21 trẻ/1 nhóm
Lớp mầm (3-4 tuổi)	50 trẻ/2lớp. 25 trẻ/lớp	33 trẻ/2lớp 16.5trẻ/ lớp	30 trẻ/ 1lớp. 25,5 trẻ/lớp	30 trẻ/1 lớp 30 trẻ/lớp	25 trẻ/ 1 lớp
Lớp chồi (4-5 tuổi)	73 trẻ/2lớp. 36,5 trẻ/lớp	41 trẻ/2 lớp 20.5 trẻ/lớp	70 trẻ/6lớp. 35 trẻ/lớp	64 trẻ/2 lớp 32 trẻ/lớp	57 trẻ/2lớp 28,5 trẻ/lớp
Lớp lá (5-6 tuổi)	83 trẻ/3lớp. 27,66 trẻ/lớp	74 trẻ/2lớp. 37 trẻ/lớp	86 trẻ/2 lớp. 43 trẻ/lớp	95 trẻ/3 lớp. 31,7 trẻ/lớp	97 trẻ/3lớp. 32,3 trẻ/lớp
Toàn trường	237 trẻ/9 nhóm lớp	163 trẻ/8 nhóm/lớp	226/ trẻ/7 nhóm/lớp	209 trẻ/ 7 nhóm/lớp	200 trẻ/ 7 nhóm/lớp

2. Điểm mạnh:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo được phân chia theo đúng độ tuổi quy định tại Điều lệ trường mầm non, khoản 1 Điều 15 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020. 100% trẻ đến trường được học hai buổi trên ngày và được học bán trú tại trường.

3. Điểm yếu:

Thiếu phòng học tại điểm Thạch Màng nên nhà trường không thể phát triển thêm số lượng nhóm, lớp ở độ tuổi mẫu giáo 3-4 tuổi. Do đó chưa đáp ứng nhu cầu trẻ đến trường, trong năm học 2024 – 2025.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì đủ số nhóm trẻ và lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định, phân chia trẻ theo độ tuổi, trẻ được học 2 buổi/ ngày và học bán trú tại trường.

Năm 2025 - 2026, hiệu trưởng tiếp tục duy trì sĩ số học sinh, phân chia nhóm lớp đúng độ tuổi theo khoản 1 Điều 15 Thông tư 52/2020/BGDĐT ngày 31/12/2020 không vượt số trẻ trên nhóm lớp quy định.

Nhà trường tiếp tục tham mưu các cấp lãnh đạo xây mới phòng học tại điểm Thạch Màng, bổ sung giáo viên đảm bảo đủ theo qui định. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng bố trí sắp xếp học sinh theo độ tuổi (nhà trẻ, mầm, chồi, lá) theo đúng chỉ tiêu điều lệ trường mầm non. Tiếp tục tuyển sinh trẻ 3-4 tại điểm thạch màng để các cháu được đến trường.

Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện đúng chỉ tiêu tuyển sinh, nhận và phân chia trẻ đúng độ tuổi đúng theo quy định nhằm đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục tốt nhất, Phối hợp với UBND xã Tân Lợi tuyên truyền thông tin rộng rãi đến người dân trên địa bàn kế hoạch tuyển sinh của trường nhằm huy động trẻ ở các độ tuổi ra lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định.*
- b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.*
- c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trong những năm qua nhà trường thực hiện lưu trữ đầy đủ các loại hồ sơ quản lý hoạt động chăm sóc giáo dục theo đúng quy định tại Điều 25 Điều lệ trường mầm non được ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/ 2015 và điều 21 Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 như: Hồ sơ quản lý trẻ; hồ sơ quản lý CBQL, GV, NV **[H1-1.6-01]**. Đối với hồ sơ quản lý nhân sự của nhà trường được lưu trữ riêng biệt mỗi người một túi hồ sơ cá nhân riêng và được cập nhật đầy đủ các quyết định, văn bằng, chứng chỉ, kết quả đánh giá cuối năm **[H1-1.6-02]**. Tất cả hệ thống hồ sơ sổ sách của nhà trường, của các bộ phận, hệ thống công văn đi, đến đều được lập danh mục hồ sơ lưu trữ và được lưu trữ đảm bảo theo quy định của Luật lưu trữ và Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của

Bộ GD&ĐT về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục. Nhà trường đã bố trí các tủ để lưu trữ hồ sơ các năm của nhà trường **[H1-1.6-03]**.

b) Hàng năm, nhà trường đều lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản định kỳ và đột xuất, theo quy định về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đồng Phú **[H1-1.6-04]**. Nhà trường thực hiện công khai tài chính theo quý thông qua cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường **[H1-1.1-04]**. Công khai niên yết hoạt động tài chính qua bảng công khai tại văn phòng nhà trường **[H1-1.6-05]**. Định kỳ nhà trường tổ chức tự kiểm tra tài chính, tài sản theo kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra tài sản, tài chính 3 lần/năm **[H1-1.6-06]; [H1-1.6-07]**. Quy chế chi tiêu nội bộ được nhà trường xây dựng hàng năm và được Công đoàn nhà trường xác nhận, đồng thời được bổ sung, cập nhật kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành về tài chính, tài sản **[H1-1.6-08]**.

c) Nhà trường thực hiện quản lý, sử dụng tài chính, đất đai, cơ sở vật chất tuân theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ GD&ĐT, đúng mục đích, không lãng phí, không làm thất thoát tài chính, tài sản trong nhà trường. Đồng thời thực hiện đúng theo Điều 23 của Điều lệ trường mầm non kèm theo văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 và khoản 1, 2, Điều 25 của Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT **[H1-1.6-09]**. Nhà trường đã sử dụng nguồn tài chính, tài sản, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, kiểm kê tài sản đúng theo quy định để phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường, không lãng phí **[H1-1.6-07]; [H1-1.6-10]**. Hàng năm có kế hoạch sửa chữa, bổ sung, mua sắm CSVC kịp thời tại 2 điểm trường nhằm đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, CSVC phục vụ cho hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại trường. Không đưa vào sử dụng những cơ sở vật chất đã hết niên hạn sử dụng khi chưa cải tạo sửa chữa **[H1-1.6-11]**. Đồng thời lập tờ trình, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt để tăng cường đầu tư CSVC nhằm duy trì nâng cao chất lượng CSVC của nhà trường **[H1-1.6-12]**.

Mức 2:

a) Trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường trong 05 năm qua, nhà trường rất chú trọng việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin một cách có hiệu quả như đăng ký và sử dụng các phần mềm quản lý hành chính: Phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý tài sản Misa, phần mềm Edu, phần mềm kế toán, quản lý các khoản thu, ứng dụng CNTT về thu học phí và dùng tiền mặt. Việc sử dụng các phần mềm trên đã giúp cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, văn thư, kế toán tiết kiệm thời gian và ứng dụng vào công việc quản lý hiệu quả các thông tin về quản lý hành chính và tài chính, tài sản nhà trường để phục vụ chế độ tổng hợp báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, số liệu báo cáo. Tuy nhiên việc ứng dụng CNTT giáo viên mới về trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc ứng dụng CNTT trong việc đổi mới phương pháp dạy học sáng tạo trên các phần mềm chuyên đổi số. Thiết lập các trang facebook, thực hiện website nhà trường để cung cấp các thông tin, hình ảnh, hoạt động của nhà trường đến CMT **[H1-1.6-13]**.

b) Trong năm học 2024-2025 nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo Kết luận của thanh tra số 03/KL-ĐTTr ngày 25/10/2024 Kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật đối với các khoản thu, chi ngoài ngân sách đối với Trường Mầm non Tân Lợi. **[H1-1.6-09]**.

Mức 3:

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý, thu, chi của các cấp, căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị. Nhà trường có xây dựng kế hoạch ngắn hạn để huy động nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và hoạt động của nhà trường để phục vụ các hoạt động cho trẻ **[H1-1.6-14]**. Năm học 2024 - 2025 vận động trao tặng 1 nhà vòm từ cổng trường vào. **[H1-1.6-15]**. Xây dựng kế hoạch ngắn hạn trung hạn, dài hạn, để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp để đưa các mục tài chính tiền lương, đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động, trẻ và bổ sung CSVN trang thiết bị để thực hiện chương trình GDMN nhằm đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin về ND, CS&GD trẻ em.

2. Điểm mạnh:

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được thực hiện cập nhật và lưu trữ đầy đủ, khoa học. Nhà trường có lưu trữ hồ sơ đúng quy định thực hiện tốt công tác tài chính rõ ràng. Hàng năm nhà trường thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng theo quy định; Công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản 03 lần/năm theo quy định; Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng vào đầu năm, có bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Nhân viên kế toán - văn thư, CBQL ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường, thực hiện hiệu quả các phần mềm, tiết kiệm thời gian. Thực hiện thu chi quyết toán đúng quy định hàng năm. Trong 5 năm qua nhà trường thực hiện tốt việc quản lý tài chính, tài sản. Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp..

3. Điểm yếu:

Tuy nhiên việc ứng dụng CNTT giáo viên mới về trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc ứng dụng CNTT trong việc đổi mới phương pháp dạy học sáng tạo trên các phần mềm chuyển đổi số.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2025 - 2026 nhà trường tiếp tục tổ chức lưu trữ hồ sơ theo đúng Luật lưu trữ. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản hiện có đúng mục đích, có hiệu quả nhằm phục vụ các hoạt động quản lý, chăm sóc và giáo dục trẻ. Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận kế toán, tiếp tục lập dự toán, thực hiện thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định. Thực hiện công khai tài chính trong và ngoài ngân sách đúng quy định. Định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm. Căn cứ các văn bản hướng dẫn việc thực hiện tài chính, hàng năm nhà trường xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, đồng thời được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các văn bản hiện hành. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính đúng mục đích và có hiệu quả nhằm phục vụ tốt các hoạt động giáo dục. Tránh tình trạng lạm thu, chi không đúng mục đích... tuyệt đối không để vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài sản, tài chính trong nhà trường.

Hiệu trưởng nhà trường tạo điều kiện cho những giáo viên mới về công tác tham gia đăng ký học về kỹ năng tin học, về CNTT để áp dụng cho việc thiết kế bài dạy trong các phần đạt hiệu quả. Động viên, khuyến khích giáo viên tham gia khóa học AI để phát triển chuyên môn một cách toàn diện,

Hiệu trưởng giao cho kế toán tham mưu xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn , ngắn hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ năm học 2024-2025 [**H1-1.7-01**]. Hàng năm, bộ phận chuyên môn nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng GV yếu kém, GV dạy giỏi... nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL-GV-NV [**H1-1.7-02**]. Bên cạnh đó, nhà trường sắp xếp tạo mọi điều kiện cho CBQL-GV-NV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể: tạo điều kiện cho GV tham gia học các lớp cao đẳng, đại học mầm non, GV có trình độ khác chuyên ngành tham gia học lớp SPMN đúng chuyên ngành. Tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn hè do Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức đồng thời tạo điều kiện cho CBQL tham gia các lớp bồi dưỡng theo quyết định số 2447/QĐ-SGDĐT Bình Phước ngày 12/8/2021 cử cán bộ viên chức tham gia bồi dưỡng quản trị nhà trường năm 2021 và Công văn số 2955/UBND-NC ngày 29/9/2023 về việc cử viên chức đi bồi dưỡng theo Kế hoạch số 179/KH- UBND ngày 30/05/2023 của UBND tỉnh lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục, tham gia các lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch 281/KH-UBND ngày 04/10/2022 Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đào tạo bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025 (Thay thế kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh như: Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, kỹ năng CNTT) ,bồi dưỡng giáo viên cốt cán, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cốt cán tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập, bồi dưỡng kiến thức tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ.[**H1-1.7-03**]. Nhân viên cấp dưỡng tham gia học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cấp dưỡng mầm non do học viện nghiên cứu thực hành tâm lý giáo dục và đào tạo phát triển nguồn nhân lực cấp giấy chứng nhận QĐ số 06/QĐ-IPERPHRD-28/03/ 2025 [**H1-1.7-04**]. Tuy nhiên còn 1 số giáo viên chưa mạnh dạn đăng ký các lớp bồi dưỡng theo theo kế hoạch lộ trình đạt chuẩn của UBND tỉnh.

b) Hàng năm, căn cứ vào trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác tình hình thực tế của GV, nhà trường, hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân, đúng người, đúng việc, nhằm phát huy được năng lực của mỗi CBQL- GV- NV trong nhà trường nhằm thúc đẩy các bộ phận hoạt động có chất lượng, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường sử dụng CBQL-GV-NV rõ ràng, hợp lý [**H1-1.7-05**].

c) CBQL-GV-NV toàn trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 37 của Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT

ngày 24/12/2015 và khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 29 của Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 cụ thể: Được tôn trọng bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể; được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường; Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Được tạo điều kiện để nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật như khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, chính sách quy định đối với nhà giáo. Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng chế độ tiền lương, tiền thưởng, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, hưởng chế độ vào các ngày lễ Tết; Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật như nghỉ các chế độ nghỉ ốm, thai sản, các chế độ chính sách theo Luật lao động đã quy định mang tính dân chủ công khai [H1-1.7-06]. Được khen thưởng, tặng danh hiệu thi đua hàng năm[H1.1.7-07].

Mức 2:

Căn cứ vào năng lực của CBQL-GV-NV hiệu trưởng phân công nhiệm vụ hợp lý, đề ra các biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL-GV-NV nhằm xây dựng, phát triển nâng cao chất lượng của nhà trường. Nhà trường sắp xếp tạo mọi điều kiện cho CBQL-GV-NV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể: Tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn hè do Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức đồng thời tạo điều kiện cho CBQL tham gia các lớp bồi dưỡng theo Quyết định số 2447/QĐ-SGDĐT Bình Phước ngày 12/8/2021 cử cán bộ viên chức tham gia bồi dưỡng quản trị nhà trường năm 2021 và Công văn số 2955/UBND-NC ngày 29/9/2023 về việc cử viên chức đi bồi dưỡng theo Kế hoạch số 179/KH- UBND ngày 30/05/2023 của UBND tỉnh. Lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục, tham gia các lớp bồi dưỡng theo kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 04/10/2022. Kế hoạch triển khai thực hiện. Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục Mầm non giai đoạn 2018 - 2025 (Thay thế Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh như: Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, kỹ năng CNTT)bồi dưỡng giáo viên cốt cán, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cốt cán tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập, bồi dưỡng kiến thức tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ.[H1-1.7-03]. Tuy nhiên hàng năm, nhà trường đã đưa ra những biện pháp phù hợp với thực tiễn để phát huy năng lực của CBQL-GV-NV cụ thể như: Tổ chức các buổi thao giảng, dự giờ, sinh hoạt chuyên môn để nâng cao tay nghề, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, viết và áp dụng sáng kiến, nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng giảng dạy, quản lý, kỹ năng giao tiếp, ứng xử, phối kết hợp với phụ huynh trong công tác... Qua đó đưa ra những góp ý giúp GV phát huy điểm mạnh đồng thời khắc phục những mặt còn hạn chế từ đó có các giải pháp để bồi dưỡng chuyên môn cho GV hợp lý hơn[H1-1.7-08];[H1-1.7-9]. Đồng thời hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học sát thực tế, có các biện pháp thực hiện cụ thể để triển khai đến đội ngũ CBQL-GV-NV được biết và cùng phối hợp thực hiện trong việc xây dựng và phát triển nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-10].

2. Điểm mạnh:

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ năm học 2024 -2025 , và theo năm học, có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng giáo viên yếu kém, giáo viên dạy giỏi. Tạo điều kiện CBQL-GV-NV tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ... dự giờ góp ý nâng cao tay nghề cho GV

nhằm phát huy năng lực của CBQL-GV-NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

Nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng đúng vị trí việc làm, cho CBQL-GV-NV phù hợp với năng lực trình độ từng người để phát huy được năng lực đội ngũ, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Luôn thực hiện nghiêm túc đầy đủ về chế độ chính sách cho CBQL-GV-NV. Nhà trường có biện pháp để phát huy được năng lực của CBQL-GV-NV nhằm xây dựng, phát triển nâng cao chất lượng của nhà trường. Nhà trường cùng Công đoàn quan tâm động viên kịp thời cho đội ngũ CBQL-GV-NV, nhằm động viên khích lệ tinh thần giúp họ phát huy năng lực. Tuy nhiên vẫn còn một số giáo viên chưa mạnh dạn đăng ký các lớp bồi dưỡng theo kế hoạch, lộ trình đạt chuẩn của UBND tỉnh.

3. Điểm yếu:

Còn 1 số giáo viên chưa mạnh dạn đăng ký các lớp bồi dưỡng theo theo kế hoạch lộ trình đạt chuẩn của UBND tỉnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì những kết quả đã đạt được. Bên cạnh đó tập trung vào các nội dung sau:

Năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tiếp tục rà soát trình độ đội ngũ cử giáo viên trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho những giáo viên lớn tuổi chưa nắm vững về phương pháp mới ra trường (Theo kế hoạch lộ trình đạt chuẩn của UBND tỉnh) dự kiến dự trù kinh phí. Tùy thuộc vào trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng của mỗi giáo viên, nhà trường trình cấp thẩm quyền hỗ trợ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ.

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1.Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

a) Hàng năm vào đầu năm học, cán bộ quản lý nhà trường cùng các tổ trưởng tổ chuyên môn căn cứ vào Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009, Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày

30 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng BGD&ĐT và hiện nay là Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 ban hành Chương trình GDMN và kế hoạch thời gian năm học của UBND tỉnh Bình Phước ban hành hàng năm, các hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ, thực hiện chuyên môn của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Phước căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với các quy định hiện hành **[H1-1.8-01]**. Chỉ đạo tổ khối trưởng căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục cho từng khối, lớp phù hợp độ tuổi GV xây dựng kế hoạch giáo dục năm, chủ đề, kế hoạch giáo dục hằng ngày phù hợp với điều kiện của trường, lớp, nhu cầu và khả năng nhận thức của trẻ tại các nhóm, lớp **[H1-1.8-02]**. **[H1-1.8-03]**.

b) Căn cứ kế hoạch giáo dục, nhà trường triển khai đến các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ và chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng lứa tuổi và được thực hiện đầy đủ như: kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần, ngày của lớp, nhóm phù hợp với điều kiện của trường, lớp, nhu cầu và khả năng nhận thức của trẻ tại các nhóm, lớp. Kế hoạch giáo dục của các nhóm, lớp đều được cán bộ quản lý và tổ trưởng phê duyệt, tất cả giáo viên thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động trong ngày đảm bảo các mục tiêu, nội dung của Chương trình GDMN nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện. Tuy nhiên, còn một số giáo viên lập kế hoạch ngày xác định mục đích yêu cầu còn chung chung, chưa cụ thể, còn nhầm lẫn giữa kiến thức và kỹ năng. **[H1-1.7-09]**.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, định kỳ được rà soát, đánh giá kế hoạch hoạt động giáo dục kịp thời. Qua các tiết dự giờ, thao giảng; Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, kiểm tra các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo, kiểm tra giờ ăn, giờ ngủ, kiểm tra bếp ăn, tiếp phẩm, kiểm tra ký duyệt giáo án GV, qua đó nhận định, đánh giá để có sự điều chỉnh kịp thời hàng tháng, nhà trường tổ chức cuộc họp chuyên môn để triển khai và rút kinh nghiệm những mặt còn tồn tại hạn chế, nhằm điều chỉnh kế hoạch giáo dục, mục tiêu dạy trẻ của GV một cách kịp thời. **[H1-1.4-08];[H1-1.7-09];[H1-1.7-10]**.

Mức 2:

Hàng tháng, nhà trường đều đưa ra các biện pháp chỉ đạo bộ phận chuyên môn, tổ khối, có biện pháp kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất, kiểm tra giờ ăn, giờ ngủ, kiểm tra bếp ăn, tiếp phẩm, dự giờ GV; kiểm tra chuyên đề. Sau các cuộc kiểm tra, các bộ phận có nhận định, đánh giá cho từng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Kế hoạch dạy của GV trước khi lên lớp được duyệt của tổ khối trưởng, phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, để có sự thay đổi, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình từng nhóm, lớp trước khi tổ chức các hoạt động trên lớp **[H1-1.7-09];[H1-1.8-01];[H1-1.8-04]**.

2. Điểm mạnh:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được CBQL, GV, NV trong nhà trường thực hiện đầy đủ. Hàng tháng, nhà trường đều đưa ra các biện pháp chỉ đạo bộ phận chuyên môn, tổ khối, có biện pháp kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất, kiểm tra giờ ăn, giờ ngủ, kiểm tra bếp ăn, dự giờ giáo viên; kiểm tra chuyên đề... sau các cuộc kiểm tra, các bộ phận có nhận định, đánh giá cho từng hoạt

động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Kế hoạch dự của giáo viên trước khi lên lớp được duyệt của tổ khối trưởng, phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn để có sự thay đổi, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình từng nhóm, lớp trước khi tổ chức các hoạt động trên lớp. Chính nhờ các biện pháp trên, chất lượng chăm sóc giáo dục nhà trường ngày càng nâng cao. Được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả qua các đợt kiểm tra.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, còn một số giáo viên lập kế hoạch ngày xác định mục đích yêu cầu còn chung chung, chưa cụ thể, còn nhầm lẫn giữa kiến thức và kỹ năng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục duy trì những kết quả đã đạt được, bên cạnh đó tập trung xây dựng một số yêu cầu sau:

Năm học 2025 - 2026, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với các quy định hiện hành; Căn cứ vào kết quả thực hiện của năm trước, rút kinh nghiệm những vấn đề còn tồn tại, hạn chế; Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục ngày càng có chất lượng, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường. Tiếp tục chỉ đạo các bộ phận và giáo viên thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tổ chức thực hiện kế hoạch đầy đủ, khắc phục những nguyên nhân gây chậm tiến độ của công việc. Định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục một cách phù hợp. Thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đề ra để chỉ đạo các bộ phận thực hiện kế hoạch một cách đầy đủ.

Năm học 2025 - 2026, hiệu trưởng giao phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn giúp giáo viên nắm bắt tiếp cận và điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp với nhóm lớp mình phụ trách, xác định rõ kiến thức, kỹ năng cho tiết học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (Nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, đầu mỗi năm học, nhà trường căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp, xây dựng Kế hoạch năm học, nội quy, quy định, quy chế làm việc liên quan đến các hoạt động của nhà trường theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ/CP ngày 9/1/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ

quan hành chính nhà nước, Thông tư số 11/2020/TT-BGD ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo GD&ĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; Công đoàn nhà trường triển khai các tổ chuyên môn, tổ chức hội nghị viên chức người lao động (VCNLD) tại các tổ, tiến hành lấy ý kiến đóng góp xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường báo cáo về Công đoàn nhà trường tổng hợp báo cáo tại Hội nghị VCNLD đầu năm để hội nghị thảo luận biểu quyết thống nhất, tất cả CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến các nội dung, các chỉ tiêu trong năm học.[H1-1.9-01];[H1-1.9-02]. Tuy nhiên có 1 số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia góp ý kiến trong hội nghị, trong các cuộc họp.

b) Nhà trường luôn thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị. Thực hiện công khai minh bạch cho cha mẹ trẻ về các chế độ miễn giảm học phí, các khoản đóng góp của phụ huynh đều được công khai. CBQL, GV, NV thực hiện đầy đủ các chế độ và đã thực hiện tốt ba công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06 /2024 Quy định công khai trong các hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ giáo dục quốc dân: Công khai đầy đủ chất lượng nhà trường, đội ngũ. Ngoài ra nhà trường xây dựng kế hoạch tiếp công dân và phân công lịch trực tiếp dân để tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị. Vì vậy nhiều năm liền nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cha mẹ trẻ và CBQL, GV, NV [H1-1.9-03];[H1-1.9-04].

c) Quy chế dân chủ sau khi được thống nhất tại Hội nghị VCNLD đầu năm. Nhà trường đã triển khai thực hiện hiện tại đơn vị theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ/CP ngày 9/1/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước, Thông tư số 11/2020/TT-BGD ngày 19/5/2020 của BGD&ĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; Định kỳ hàng năm, nhà trường thực hiện báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm đánh giá kết quả thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường gửi về Phòng GD&ĐT [H1-1.9-05].

Mức 2:

Hàng năm, Ban Thanh tra nhân dân trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm có nội dung giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của trường. Thực hiện giám sát việc tuyển dụng, sử dụng và thực hiện các chế độ chính sách đối với viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật, việc chi trả chế độ cho học sinh; việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện nhiệm vụ năm học của đơn vị; việc sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác, sử dụng các loại quỹ, chấp hành chế độ quản lý tài chính, tài sản và công tác tự kiểm tra tài chính của đơn vị; Việc thực hiện nội quy, quy chế của nhà trường; Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động.[H1-1.9-06]. Ngoài ra các thành viên trong Hội đồng trường thực hiện việc giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường [H1-1.1-08]. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch có hiệu quả. Nhà trường thường xuyên công khai các hoạt động của trường như: Công khai các vấn đề liên quan đến chế độ, chính sách của đội ngũ, công tác phân công nhiệm vụ, công khai tài chính, kết quả đánh giá, xếp loại GV, kết quả thi đua, kế hoạch tuyển sinh đến tất cả CBQL, GV, NV đảm bảo công khai, minh bạch qua cuộc họp liên tịch, hội đồng, qua zalo nhà trường, niêm yết công khai tại văn phòng[H1-1.9-04];[H1-1.9-07].

2. Điểm mạnh:

Kế hoạch năm học, nội quy, quy định, quy chế dân chủ nhà trường hàng năm được CBQL, GV, NV bàn bạc, trao đổi, thảo luận và có ý kiến đóng góp và đưa đến thống nhất tại Hội nghị VCNLĐ đầu năm học. Nhiều năm liền nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cha mẹ trẻ và CBQL, GV, NV. Hàng năm, Ban Thanh tra nhân dân, Hội đồng trường, nhà trường thực hiện tốt việc theo dõi, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường, các hoạt động của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ kịp thời về Phòng GD&ĐT.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến trong hội nghị, trong các cuộc họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục phát huy những kết quả đạt được. Định kỳ hàng năm nhà trường phối kết hợp công đoàn triển khai và tổ chức hiệu quả Hội nghị VCNLĐ đầu năm để lấy ý kiến đóng góp, xây dựng kế hoạch hoạt động, nội quy, quy định và quy chế dân chủ nhà trường; khuyến khích, động viên tạo điều kiện để GV, nhân viên mạnh dạn hơn trong công tác góp ý, xây dựng cho các hoạt động của trường. Bên cạnh đó nhà trường tiếp tục xây dựng quy chế dân chủ phù hợp với nhiệm vụ và điều kiện của trường. Nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng 3 công khai, thực hiện nghiêm yết công khai các biểu mẫu theo quy định. Hội đồng trường, Ban Thanh tra nhân dân, Công đoàn, phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ trong thực hiện cũng như kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường ngày càng hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ, an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;*

b) *Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường*

c) *Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

a) *Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy nổ; An toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.*

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, hiệu trưởng nhà trường căn cứ các tiêu chí tại Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 08/10/2013 của UBND tỉnh Bình Phước để xây dựng kế hoạch đảm bảo ANTT; Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định về khu dân cư xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”; Hàng năm đưa ra kế hoạch phối hợp với công an xã Tân Lợi về ANTT phù hợp với thực tế của trường. **[H1-1.10-01]**. Nhằm đảm bảo VSATTP tại đơn vị nhà trường thực hiện tốt công văn số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế về hướng dẫn kiểm thực 3 bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống **[H1-1.10-02]**. Lựa chọn và ký hợp đồng với các cửa hàng cung cấp thực phẩm có đủ tư cách pháp nhân và được cơ quan cấp trên thẩm duyệt, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, thực hiện chế biến thức ăn đúng quy trình bếp một chiều **[H1-1.10-03]**. Căn cứ vào Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm hàng năm được UBND xã ký xác nhận cam kết cơ sở đủ điều kiện VSATTP, hàng năm nhà trường đã tạo điều kiện cho nhân viên cấp dưỡng khám sức khỏe định kỳ và tổ chức đánh giá kiểm tra và công nhận kết quả kiểm tra kiến thức VSATTP cho 4 nhân viên cấp dưỡng. Hàng năm nhà trường có thực hiện cam kết VSATTP. **[H1-1.10-04]**. Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phòng, chống tai nạn thương tích theo Thông tư số 13/2010/TT-BGDĐT ngày 15/4/2010 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong các cơ sở GDMN, Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong các cơ sở giáo dục mầm non phù hợp với trường, lớp, địa phương. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá nội dung thực hiện theo bản kiểm tra đã ban hành **[H1-1.10-05]...[H1-1.10-06]**; Để đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ tại đơn vị, hàng năm nhà trường đã xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy theo các nội dung quy định tại văn bản hợp nhất số 17/2013/VBHN-VBQH hợp nhất Luật Phòng cháy chữa cháy. Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ ban hành chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Thông tư hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục; Nhà trường trang bị đầy đủ bình chữa cháy, tiêu lệnh phòng cháy, chữa cháy bố trí tại một số khu vực trong nhà trường, thành lập đội phòng cháy chữa cháy... nhờ vậy nhiều năm qua không có trường hợp cháy, nổ xảy ra tại đơn vị **[H1-1.10-07];[H1-1.10-08]**; để phòng tránh nguy cơ các dịch bệnh có thể xảy ra, nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động phòng, chống dịch bệnh cho từng năm học đồng thời đưa ra các

nội dung như: Chú trọng vệ sinh môi trường, phòng nhóm lớp sạch sẽ, đảm bảo cho trẻ rửa tay bằng xà phòng... phối hợp với Trạm Y tế xã Tân Lợi để có biện pháp phòng chống dịch bệnh thường gặp, tuyên truyền một số bệnh thường gặp qua bảng tuyên truyền và lồng ghép trong các hoạt động dạy học hằng ngày thực hiện hiệu quả tại đơn vị **[H1-1.10-09]**. Các nội dung về an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai, chống các tệ nạn xã hội trong nhà trường đều được tuyên truyền, triển khai. Hàng năm, nhà trường tổ chức cho CBQL-GV-NV đăng kí không vi phạm tệ nạn xã hội, không hút thuốc, không vi phạm luật giao thông đạt kết quả tốt **[H1-1.10-10]**, việc phòng, chống bạo lực học đường được nhà trường triển khai, tuyên truyền nội dung thông qua bảng biểu, qua cuộc họp hội đồng hàng tháng và xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch chuyên đề “Phòng chống bạo hành trẻ trong nhà trường”. Chính vì vậy trong năm học 2024-2025 không có tình trạng bạo lực học đường xảy ra trong nhà trường **[H1-1.10-11]**. Tuy nhiên ở trường mầm non trẻ còn nhỏ, sức đề kháng của trẻ yếu hay bệnh lây cho nhau, vì vậy phòng chống các dịch bệnh theo mùa vẫn còn gặp khó khăn.

b) Nhà trường có thực hiện hộp thư góp ý, đường dây nóng thông qua số điện thoại, qua Group zalo các thành viên BGH nhà trường, BDDCMTE **[H1-1.10-12]**, đồng thời hàng tuần nhà trường bố trí người, xếp lịch tiếp công dân để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân **[H1-1.9-03]**. Nhà trường luôn đảm bảo an toàn cho CBQL-GV-NV, trẻ em trong nhà trường bằng cách bảo vệ trực 24/24 giờ, đóng mở cổng cẩn thận, thông báo cho cha mẹ trẻ về quy định nội quy nhà trường, giờ giấc đón trả trẻ, không để người lạ vào trường tùy tiện, đón trả trẻ đúng người thân, ai đến liên hệ công việc phải có báo trước, giữ mối liên hệ chặt chẽ với công an xã để kịp thời phối hợp khi có dấu hiệu nghi ngờ mất an toàn. Trong những năm qua nhà trường luôn đảm bảo an toàn, ANTT trong trường học nhằm đảm bảo an toàn cho CBQL-GV-NV và trẻ trong nhà trường **[H1-1.10-02]**.

c) Nhiều năm qua CBQL-GV-NV trong nhà trường thực hiện tốt Bộ Quy tắc ứng xử, kế hoạch phòng chống bạo hành. Tạo môi trường thân thiện, GV luôn quan tâm, yêu thương, chăm sóc trẻ tận tình, chu đáo, được phụ huynh tin yêu, luôn tạo cho trẻ niềm vui khi đến trường, đối xử công bằng vi phạm pháp luật về bình đẳng giới xảy ra trong nhà đối với trẻ, kế hoạch phòng chống bạo hành. Tạo môi trường thân thiện, khuyến khích trẻ tham gia tích cực các hoạt động. Không có hiện tượng kỳ thị, không có các hành vi bạo lực xảy ra tại đơn vị, trường **[H1-1.1-03];[H1-1.10-13]** .

Mức 2:

a) Hàng năm, nhà trường tổ chức phổ biến, hướng dẫn CBQL-GV-NV về việc thực hiện các phương án đảm bảo ANTT, vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai, phòng, chống dịch bệnh, phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường, thông qua một số hình thức phổ biến như: Lồng ghép thông qua các cuộc họp hội đồng, họp bán trú và qua bảng tuyên truyền, bảng tin của nhà trường, gửi video, clip có các nội dung trên qua Group zalo của nhà trường, qua loa phát thanh tại trường **[H1-1.10-14]**. Nhà trường đã tổ chức diễn tập PCCC cho CBQL-GV-NV **[H1-1.1-04];[H1-1.9-07]**. Nhân viên cấp dưỡng tham gia học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cấp dưỡng mầm non do học viện nghiên cứu thực hành tâm lý giáo dục và đào tạo phát triển nguồn nhân lực cấp giấy chứng nhận QĐ số 06/QĐ-IPERPHRD-28/03/ 2025 **[H1-1.7-04]**.

b) Để ngăn chặn, phòng ngừa kịp thời các biểu hiện về bạo lực học đường, đảm bảo ANTT. Nhà trường thường xuyên thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin và có biện pháp ngăn chặn kịp thời như: qua dự giờ, qua trò chuyện với trẻ tại các nhóm, lớp, trao đổi phụ huynh để thu thập thông tin. Thông qua các buổi họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn BGH nhà trường luôn đưa ra những nhận xét, đánh giá và xử lý nghiêm các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, ANTT để từ đó có các biện pháp ngăn chặn kịp thời **[H1-1.1-04]**. Trong năm học qua, nhà trường không xảy ra hành vi bạo lực học đường, mất ANTT

2. Điểm mạnh:

Hàng năm đưa ra kế hoạch phối hợp với công an xã Tân Lợi về ANTT phù hợp với thực tế của trường; VSATTP; Phòng chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy, nổ; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phòng chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Bếp ăn nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; Nhà trường luôn đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV, trẻ em trong nhà trường. CBQL-GV-NV trong nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, không có các hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

CBQL-GV-NV được phổ biến, hướng dẫn các phương án đảm bảo ANTT, vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng chống tai nạn thương tích, chống cháy nổ, an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai, phòng, chống dịch bệnh, phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường, thông qua một số hình thức phổ biến cuộc họp hội đồng, họp bán trú và qua bảng tuyên truyền, bảng tin của nhà trường, gửi video, clip có các nội dung trên qua Group zalo của nhà trường... Trong năm học 2024-2025 nhà trường không xảy ra hành vi bạo lực học đường, không xảy ra ANTT.

3. Điểm yếu:

Ở trường mầm non trẻ còn nhỏ, sức đề kháng của trẻ yếu hay bệnh lây cho nhau. Vì vậy phòng chống các dịch bệnh theo mùa vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2025-2026, căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của các cấp nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp đảm bảo ANTT; Kế hoạch phòng, chống cháy nổ, phòng tránh hiểm họa thiên tai; Kế hoạch phòng, chống tai nạn thương tích; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm; Kế hoạch phòng tránh các tệ nạn xã hội. Duy trì, hàng năm trường đạt chuẩn phòng chống tai nạn, thương tích, an toàn, ANTT. Tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, thường xuyên trao đổi phụ huynh, nắm bắt tình hình của trẻ, khi phát hiện có dấu hiệu lập tức thông báo cho phụ huynh phối hợp để tránh tình trạng lây lan trong nhà trường, chỉ đạo GV đảm bảo vệ sinh trường lớp, khử khuẩn, rửa đồ dùng đồ chơi bằng dung dịch Cloramin B thường xuyên... Tiếp tục duy trì việc thực hiện hộp thư góp ý, đường dây nóng, qua Zalo, điện thoại BGH nhà trường... để tiếp nhận và xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của người dân, đảm bảo an toàn cho CBQL-GV-NV và trẻ em trong nhà trường.

Hàng năm, nhà trường triển khai và thực hiện tốt Bộ quy tắc ứng xử trong đơn vị, xây dựng môi trường an toàn, thân thiện, không để hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, triển khai và thực hiện tốt về bình đẳng giới trong nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo hiệu

phó chuyên môn, bán trú phổ biến, hướng dẫn các phương án đảm bảo ANTT, VSATTP; An toàn phòng chống tai nạn thương tích, chống cháy nổ, an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai, phòng, chống dịch bệnh, phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường, thông qua cuộc họp hội đồng, qua Group zalo của trường, qua bảng tuyên truyền, loa phát thanh nhà trường...

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường đã xây dựng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và được Phòng GD&ĐT Đồng Phú phê duyệt. Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020 - 2025 có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL-GV-NV, cha mẹ trẻ và cộng đồng. Trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non. Trường có Chi bộ độc lập và tổ chức Công đoàn, Chi đoàn theo đúng quy định và đúng thành phần. Không có CBQL-GV-NV vi phạm bị kỉ luật về đạo đức nhà giáo, chuyên môn, nghiệp vụ. Tập thể nhà trường luôn đoàn kết, hàng năm không có đơn thư tố cáo xảy ra tại trường. Quá trình xây dựng các kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường có sự tham gia đóng góp ý kiến của các thành viên trong Hội đồng trường; Của CBQL-GV- NV trong toàn trường, cha mẹ trẻ và cộng đồng khu phố. Nhà trường có đầy đủ các hội đồng theo quy định hiện hành. Các hội đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Hoạt động của các hội đồng được định kỳ rà soát, đánh giá để điều chỉnh và có giải pháp thực hiện hiệu quả, phối hợp với nhà trường trong các hoạt động, góp phần nâng cao chất lượng ND, CS&GD trẻ trong nhà trường. Nhà trường có Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể gồm Công đoàn và Đoàn TNCSHCM, đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Các đoàn thể đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả và thiết thực cho các hoạt động của nhà trường, của cộng đồng, địa phương.

Nhà trường có hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng theo quy định. Hàng năm, các tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện hiệu quả các chuyên đề trong năm có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Đặc biệt, các tổ chuyên môn đã thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trường luôn thực hiện tốt quy chế dân chủ trong các hoạt động nhà trường. Thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo quy định, qua các đợt kiểm tra, nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học phù hợp với mục tiêu, nội dung Chương trình GDMN, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi và đảm bảo số lượng theo quy định. Tất cả trẻ đến trường đều được học 2 buổi/ngày và được ăn bán trú tại trường. Năm học 2024-2025 nhà trường luôn đảm bảo ANTT; VSATTP; An toàn, phòng tránh TNNT; Không để xảy ra cháy nổ, dịch bệnh; Luôn đảm bảo việc phòng chống bạo lực học đường, phòng chống các tệ nạn xã hội; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới xảy ra trong nhà trường.

Điểm yếu cơ bản

Trong quá trình giám sát kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường, một số

thành viên trong Hội đồng trường chưa phát huy hết tinh thần tự giác, chưa sâu sát và chặt chẽ trong quá trình giám sát, chưa đưa ra các giải pháp thiết thực để thực hiện tốt việc giám sát. Khi xây dựng các Kế hoạch phát triển giáo dục chưa có sự tham gia của cộng đồng. Các Kế hoạch phát triển giáo dục chưa được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng GD&ĐT.

Công tác giám sát của Hội đồng trường đôi lúc chưa kịp thời, vì ngoài các thành viên của Hội đồng trường là CBQL, GV, NV trong trường thì còn có cả chính quyền địa phương và Ban ĐDCMTE.

Chi đoàn còn gặp một số khó khăn khi huy động các đoàn viên tham gia phong trào, do 100% đoàn viên trong Chi đoàn là nữ và đang tuổi sinh đẻ, nên có một số đoàn viên mang thai, nghỉ thai sản và có con nhỏ.

Một số thành viên của các tổ chuyên môn khi tham gia sinh hoạt chuyên môn chưa mạnh dạn đề ra giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động của tổ và tham gia đóng góp ý kiến thảo luận để nội dung sinh hoạt chuyên môn đạt hiệu quả hơn.

Thiếu phòng học tại điểm Thạch Màng nên nhà trường không thể phát triển thêm số lượng nhóm, lớp ở độ tuổi mẫu giáo 3-4 tuổi. Do đó chưa đáp ứng nhu cầu trẻ đến trường, trong năm học 2024 – 2025.

Tuy nhiên việc ứng dụng CNTT giáo viên mới về trường còn gặp nhiều khó khăn trong việc ứng dụng CNTT trong việc đổi mới phương pháp dạy học sáng tạo trên các phần mềm chuyển đổi số.

Còn 1 số giáo viên chưa mạnh dạn đăng ký các lớp bồi dưỡng theo theo kế hoạch lộ trình đạt chuẩn của UBND tỉnh.

Tuy nhiên, còn một số giáo viên lập kế hoạch ngày xác định mục đích yêu cầu còn chung chung, chưa cụ thể, còn nhầm lẫn giữa kiến thức và kỹ năng.

Vẫn còn một số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến trong hội nghị, trong các cuộc họp.

Ở trường mầm non trẻ còn nhỏ, sức đề kháng của trẻ yếu hay bệnh lây cho nhau. Vì vậy phòng chống các dịch bệnh theo mùa vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

- Tổng số tiêu chí: 10

- Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Trong năm vừa qua, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, nhà trường hiện có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên bao gồm 29 người (03 cán bộ quản lý, 16 giáo viên, 04 cấp dưỡng, 01 kế toán, 02 bảo vệ, 01 phục vụ, 01 y tế, 01 văn thư). Trong đó: có 03 cán bộ quản lý gồm 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng theo quy định. BGH nhà trường đã có thời gian công tác liên tục và lâu năm trong ngành giáo dục. Có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý, nhiệt tình trong công tác, được tập thể tin nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống. Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng đều có trình độ đạt trên chuẩn và đã được học qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, lớp trung cấp lý luận chính trị theo quy định, có năng lực quản lý và triển khai tốt các hoạt động giáo dục,

nắm vững Chương trình GDMN, biết ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý chuyên môn. Vào cuối năm học nhà trường tổ chức đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV mầm non theo các văn bản hướng dẫn kịp thời và đúng quy định. Trong năm học 2024 - 2025 vừa qua hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức khá. Năm học 2024-2025 nhà trường có 87,5% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên; trong đó có 31,25% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt. Đội ngũ CBQL, GV, NV có phẩm chất đạo đức, có năng lực, đáp ứng được mục tiêu của nhà trường.

Năm học 2024-2025 GV đạt trình độ chuẩn trở lên theo quy định 16/16 tỷ lệ 100%. Trong đó GV đạt trên chuẩn 11/16 tỷ lệ 68,75%, GV đạt chuẩn 5/16 tỷ lệ 31,25% (hiện 05 giáo viên có trình độ Cao đẳng Mầm non đang tham gia học Đại học Mầm non). Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng với quy định tại Điều 72 của Luật Giáo dục 2019 và Nghị định số 71/2020/NĐCP lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của GV mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Nhà trường có bố trí phân công công việc cho nhân viên phù hợp với vị trí việc làm, năng lực, trình độ đào tạo, phù hợp với chức năng nhiệm vụ, tạo mọi điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn phù hợp với chức danh, đội ngũ nhân viên có tinh thần tự học hỏi và bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn hàng năm nhân viên trong nhà trường được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Hiện có đội ngũ nhân viên gồm 04 cấp dưỡng, 02 bảo vệ, 01 nhân viên y tế, 01 văn thư, tuy nhiên căn cứ theo Thông tư 16/2022/TT-GBĐĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông thì nhà trường vẫn chưa có nhân viên thư viện để quản lý về công tác thư viện.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Đồng chí Lê Thị Lan giữ chức vụ hiệu trưởng có 22 năm giữ chức vụ quản lý; phó hiệu trưởng Lê Thị Thanh phụ trách chuyên môn có 20 năm giữ chức vụ quản lý, phó hiệu trưởng Nguyễn Thị Hiếu phụ trách công tác bán trú có 11 năm

giữ chức vụ quản lý. [H2-2.1-01]; [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]. Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng có trình độ ĐHSPMN, có chứng chỉ Anh văn - Tin học ứng dụng trình độ B [H2-2.1-02], đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng quản lý giáo dục [H2-2.1-03], có bằng Trung cấp lý luận chính trị theo quy định [H2-2.1-04]. Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 4 [H2-2.1-05]. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý nhà trường và có đủ sức khỏe [H2-2.1-06].

b) Vào cuối năm học nhà trường tổ chức đánh giá chuẩn hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng theo quy định. Nhà trường tổ chức đánh giá chuẩn hiệu trưởng và phó hiệu trưởng theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ GD&ĐT. Căn cứ nội dung tiêu chí của từng tiêu chuẩn từng cá nhân hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tự nâng cao tinh thần học tập, bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Có phẩm chất nghề nghiệp tốt. Có khả năng tổ chức xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường, quản lý nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục tại đơn vị. Xây dựng môi trường trong và ngoài lớp ngày càng khang trang. Phát triển tốt mối quan hệ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh và các tổ chức trong và ngoài nhà trường nhằm huy động và sử dụng nguồn lực để phát triển nhà trường. Chính vì vậy trong năm học 2024-2025 nhà trường tự đánh giá chuẩn hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều đạt mức tốt [H2-2.1-07]

c) Trong những năm qua, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng của nhà trường đều được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ do Sở GD&ĐT tỉnh Bình Phước và Phòng GD&ĐT huyện Đồng Phú tổ chức đầy đủ theo các văn bản triệu tập [H1-1.7-03].

Chỉ báo a Mức 2 và Mức 3

Năm học 2024-2025 đánh giá chuẩn hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng được nhà trường đánh giá theo quy định chuẩn hiệu trưởng, đều đạt mức tốt. [H2-2.1-07]. Tuy nhiên, tiêu chí về khả năng sử dụng ngoại ngữ của hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng chỉ đạt ở mức khá chưa đạt mức tốt.

Chỉ báo b Mức 2

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đã tham gia lớp bồi dưỡng LLCT và có bằng Trung cấp LLCT - hành chính [H2-2.1-04]. Đồng thời hàng năm, CBQL tham gia lớp Bồi dưỡng chính trị hệ do Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đồng Phú phối kết hợp Phòng GD&ĐT tổ chức [H2-2.1-08]. Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng đều được GV, nhân viên trong trường tín nhiệm, được thể hiện trong nhận xét, đánh giá viên chức CBQL cuối năm [H2-2.1-06].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng có trình độ đào tạo đạt trên chuẩn so với quy định. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đã có chứng nhận bồi dưỡng quản lý giáo dục và có bằng Trung cấp lý luận chính trị. Có thời gian công tác trong ngành giáo dục liên tục và lâu dài, đảm bảo thời gian công tác theo quy định, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý nhà trường và có đủ sức khỏe. Được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao. Đánh giá chuẩn hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều được đánh giá chuẩn đạt mức tốt.

3. Điểm yếu

Tiêu chí về khả năng sử dụng ngoại ngữ của hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng chỉ đạt ở mức khá chưa đạt mức tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý nhà trường cố gắng tiếp tục duy trì và phát huy những thành tích đạt được trong những năm học qua đồng thời tiếp tục bồi dưỡng năng lực quản lý, nâng cao năng lực chuyên môn, căn cứ vào kết quả đánh giá xếp loại và kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng để đề ra kế hoạch bồi dưỡng cụ thể cho từng nội dung một cách có hiệu quả, để tạo niềm tin trong CBQL, GV, NV và đáp ứng với nhu cầu đổi mới hiện nay.

Vào cuối năm học cán bộ quản lý tổ chức đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Thông tư số 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở GDMN. Trên cơ sở đó, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tích cực tự học, tự rèn để khắc phục những tiêu chí còn hạn chế ở những năm trước nhằm đạt chuẩn mức tốt ở các tiêu chí trong những năm tiếp theo.

Từ năm học 2025 đến năm 2028, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng tranh thủ thời gian tham gia lớp bồi dưỡng ngoại ngữ tại các trung tâm ngoại ngữ hoặc học Online trên mạng Internet, để nâng cao ngoại ngữ nhằm ứng dụng vào công tác quản lý. Ngoài ra, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng còn tìm tòi, học hỏi từ đồng nghiệp để nâng cao công tác quản lý đáp ứng với yêu cầu đổi mới hiện nay.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có số lượng GV đảm bảo quy định theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDDT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định và theo quy định Điều 5 Thông tư liên tịch số 19/ 2023/TTLT-BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Nhà trường bố trí, sắp xếp hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định, cụ thể: năm học 2024 - 2025 nhà trường có 16 GV/7 nhóm, lớp. **[H1-1.7-05]; [H2-2.2-01]; H2-2.2-02].**

b) Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 11/16 GV có trình độ ĐHSPTN, tỷ lệ đạt 68,75%, 5/16 GV có trình độ CĐSPTN tỷ lệ đạt 31,25%, không có GV trình độ trung cấp. Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng với quy định tại Điều 72 của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của GV mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, hiện trường có 05 GV có trình độ CĐSPTN đang tham gia học ĐHSPTN nhằm nâng cao trình độ đào tạo để đạt trình độ trên chuẩn theo quy định. Kế hoạch số 281/KH-UBND tỉnh ngày 04/10/2022 Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025 **[H2-2.2-01]; [H2-2.2-03]; [H2-2.2-04].**

Chỉ báo c Mức 1, chỉ báo a Mức 2 và Mức 3:

Trong năm học vừa qua, nhà trường căn cứ vào các văn bản hướng dẫn đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV, nhà trường tổ chức triển khai, thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV mầm non. Năm học 2024 - 2025 nhà trường tổ chức đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV mầm non theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDDT ngày 08/10/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp GV mầm non. Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV mầm non của nhà trường trong năm qua có 100% GV được đánh giá ở mức đạt trở lên, không có GV xếp loại không đạt. Năm học 2024-2025 đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá chưa đạt 80%, mức tốt chưa đạt 30%. **[H2-2.2-05]**, cụ thể như sau:

- Năm 2024 - 2025 có 16/16 GV được đánh giá, kết quả đánh giá: mức tốt 5/16 GV tỷ lệ 31,25%, mức khá 9/16 GV tỷ lệ 56,25%, mức đạt 2/16 GV tỷ lệ 12,5%.

Chỉ báo b Mức 2:

Đội ngũ GV của nhà trường luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đều thực hiện tốt đạo đức nhà giáo quy định tại Điều 6 Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDDT của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo và những việc viên chức không được làm quy định tại Điều 19 mục 6 của Luật Viên chức sửa đổi ngày 25/11/2019. Quy tắc ứng xử tại đơn vị hàng năm, nội quy, quy chế tại đơn vị được CBQL, GV, NV trong nhà trường nghiêm túc thực hiện tốt. Chính vì vậy năm học 2024-2025 nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên **[H2-2.2-06].**

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ GV đủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDDĐT- BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình GDMN theo quy định; GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt tỷ lệ 68,75%. Trong năm học 2024-2025 nhà trường không có GV bị hình thức kỷ luật nào. 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên.

3. Điểm yếu

Đánh giá chuẩn nghề nghiệp xếp mức khá chưa đạt 80%, mức tốt chưa đạt 30%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026 nhà trường, công đoàn tiếp tục động viên, tạo điều kiện tốt nhất cho GV có trình độ đạt chuẩn tiếp tục tham gia lớp đại học sư phạm vào các ngày thứ 7, chủ nhật trong năm, dịp hè nhằm nâng cao tỷ lệ GV đạt trình độ đào tạo trên chuẩn đến năm 2027 đạt 100%.

Căn cứ nội dung yêu cầu cần đạt ở các tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, GV tiếp tục rèn luyện, học tập, nâng cao phẩm chất đạo đức, phát triển chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng môi trường giáo dục, phát triển mối quan hệ giữa nhà trường và gia đình, đồng thời học tập, rèn luyện nâng cao trình độ ngoại ngữ để dần nâng cao chất lượng đạt chuẩn nghề nghiệp GV hàng năm đạt chuẩn nghề nghiệp GVMN ở mức khá trên 80%, đạt mức tốt trên 30%. CBQL, GV, NV tiếp tục thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nhà giáo, nội quy, quy chế đơn vị. Phấn đấu không để xảy ra bất cứ hình thức kỷ luật nào đối với GV tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) Hàng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong năm học 2024-2025, nhà trường có đội ngũ nhân viên kiêm nhiệm đảm nhiệm các nhiệm vụ, đáp ứng nhu cầu ND, CS&GD trẻ trong đó: có 01 kế toán trong biên chế và 09 nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (04 cấp dưỡng, 02 bảo vệ, 01 phục vụ, 1 y tế, 01 văn thư) **[H2-2.3-01]**. Nhà trường phân công cho nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhận một số nhiệm vụ. Nhân viên kế toán, cấp dưỡng kiêm nhiệm tổ trưởng, GV kiêm nhiệm tổ trưởng, chủ tịch công đoàn, thanh tra nhân dân, bí thư chi đoàn, thủ quỹ. GV kiêm thủ quỹ chưa được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm **[H1-1.7-05]**. Đồng thời vì đội ngũ giáo viên nhân viên chưa có chuyên môn nghiệp vụ về công tác thư viện theo Điều 9 tại Thông tư 16/2022/TT-GBDDT ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông nên nhà trường vẫn chưa thể sắp xếp kiêm nhiệm về công tác thư viện cho giáo viên và nhân viên.

b) Căn cứ vào trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi cá nhân, Hiệu trưởng ra quyết định phân công công việc phù hợp cho nhân viên trong trường được hợp lý, qua đó giúp đội ngũ nhân viên phát huy được năng lực của cá nhân trong công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, đội ngũ giáo viên nhân viên chưa có chuyên môn nghiệp vụ về công tác thư viện theo Điều 9 tại Thông tư 16/2022/TT-GBDDT ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông nên nhà trường vẫn chưa thể sắp xếp kiêm nhiệm về công tác thư viện cho giáo viên và nhân viên. **[H1-1.7-05]**.

c) Trong năm qua, nhà trường có đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình trong công việc, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, làm việc đúng chức năng, nhiệm vụ của mình với tinh thần tự giác cao chính vì vậy hàng năm 100% nhân viên trong trường đều thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao: Nhân viên hành chính thực hiện tốt công tác cập nhật thông kê số liệu báo cáo, chi trả kịp thời chế độ chính sách cho đội ngũ viên chức đơn vị, lưu trữ hồ sơ đảm bảo theo quy định, bảo vệ thực hiện tốt công tác an ninh, bảo quản tốt cơ sở vật chất nhà trường không để xảy ra mất tài sản trong nhà trường. Nhân viên cấp dưỡng tuân thủ các quy định về VSATTP trong chế biến thức ăn cho trẻ, không để xảy ra ngộ độc. Năm học 2024-2025 nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật dưới bất cứ hình thức nào, các nhân viên đều hoàn thành nhiệm vụ được giao và được đánh giá xếp loại HTNV trở lên **[H2-2.2-06]** cụ thể:

- Năm 2024 - 2025: Tổng số 10/10 nhân viên được đánh giá, trong đó: 10 HTTNV.

Mức 2:

a) Nhà trường có số lượng nhân viên đảm bảo theo quy định tại khoản 3, Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Nhà trường có số lượng nhân viên đảm bảo để sắp xếp, bố trí các công việc phù hợp, hợp lý về cơ cấu đáp ứng nhu cầu ND, CS&GD, trong đó: có 01 kế toán trong biên chế và 09 nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (04 cấp dưỡng, 02 bảo vệ, 01 phục vụ, 1 y tế, 01 văn thư) nhà trường chưa có nhân viên thư viện để bảo quản và quản lý công tác thư viện. Số lượng nhân viên trong năm 2024-2025 qua như sau: **[H2-2.2-02]; [H2-2.3-01]**

- Năm học 2024 - 2025: Tổng số nhân viên là 10 người, trong đó: 01 nhân viên kế toán, 02 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ, 04 nhân viên cấp dưỡng, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên văn thư.

b) Trong năm học 2024-2025 nhìn chung tất cả nhân viên trong nhà trường đều có tinh thần trách nhiệm, thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, 100% nhân viên thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của ngành, đơn vị và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Vì vậy năm học 2024-2025 nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, không có nhân viên vi phạm nội quy nhà trường hoặc không hoàn thành nhiệm vụ [H2-2.2-06]. Cụ thể kết quả đánh giá năm học 2024-2025 của nhân viên như sau:

- Năm 2024 - 2025: Tổng số 10/10 nhân viên được đánh giá, trong đó: 10 HTTNV;
Mức 3:

a) Các nhân viên của nhà trường đều có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm của mỗi người: nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp Đại học kế toán. [H2-2.3-03]. Nhân viên văn thư có bằng Trung cấp văn thư, nhân viên y tế có bằng Trung cấp y tế. Tuy nhiên 04 nhân viên cấp dưỡng chưa được bồi dưỡng chưa có chứng chỉ nghề nấu ăn. Nhân viên bảo vệ chưa có nghiệp vụ công tác bảo vệ. Năm học 2024 - 2025 nhà trường không có nhân viên thư viện.

b) Trong năm học nhân viên kế toán, văn thư, y tế được tham gia đầy đủ các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ kế toán, văn thư [H2-2.3-02], nhân viên cấp dưỡng được bồi dưỡng về kiến thức VSATTP do trường tổ chức đánh giá kiến thức [H1-1.7-04]. Bảo vệ chưa có chứng chỉ tập huấn nghiệp vụ công tác bảo vệ trường học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định (có nhân viên, GV kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công), có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm và được phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ theo năng lực thực tế của mỗi cá nhân, qua đó giúp đội ngũ nhân viên phát huy được năng lực trong công việc, đồng nhân viên kế toán, văn thư, y tế và cấp dưỡng được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

Đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình trong công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, làm việc đúng chức năng, nhiệm vụ của mình với tinh thần tự giác cao. Năm học 2024-2025 không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Trường còn 04/04 nhân viên cấp dưỡng chưa được bồi dưỡng chưa có chứng chỉ nghề nấu ăn. Nhân viên bảo vệ chưa có giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ công tác bảo vệ trường học, GV kiêm thủ quỹ chưa được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

Nhà trường chưa có nhân viên thư viện để thực hiện công tác quản lý thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp lãnh đạo mở lớp để nhân viên bảo vệ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng. Đồng thời tiếp tục tham mưu các cấp bố trí nhân viên thư viện cho trường nhằm đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục trẻ tại trường.

Tiếp tục động viên, khuyến khích nhân viên cấp dưỡng, bảo vệ chưa có chứng chỉ nghề tham gia bồi dưỡng để có chứng chỉ nghề theo quy định (nếu có lớp bồi dưỡng).

Năm học 2025-2026 căn cứ vào năng lực chuyên môn, trình độ đào tạo của từng cá nhân, nhà trường phân công kiêm nhiệm những công việc phù hợp với năng lực từng vị trí việc làm.

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật

Đội ngũ CBQL, GV, NV đảm bảo đủ số lượng đảm bảo theo quy định tại Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, đáp ứng yêu cầu dạy và học. BGH có trình độ chuyên môn trên chuẩn, đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp quản lý đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Đội ngũ GV có tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức, lối sống tốt, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trường có 68,75% GV trên chuẩn trình độ đào tạo. 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên.

Đội ngũ nhân viên nhiệt tình trong công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, làm việc đúng chức năng, nhiệm vụ của mình với tinh thần tự giác cao. 100% CBQL, GV, NV không vi phạm đạo đức nhà giáo. Trong học 2024-2025 không có CBQL, GV, NV bị hình thức kỷ luật.

Điểm yếu cơ bản

Tiêu chí về khả năng sử dụng ngoại ngữ của hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng chỉ đạt ở mức khá chưa đạt mức tốt.

Đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV xếp mức khá chưa đạt 80%, mức tốt chưa đạt 30%.

Trường còn 04/04 nhân viên cấp dưỡng chưa được bồi dưỡng chưa có chứng chỉ nghề nấu ăn. Nhân viên bảo vệ chưa có giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ công tác bảo vệ trường học, GV kiêm thủ quỹ chưa được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

Nhà trường chưa có nhân viên thư viện để thực hiện công tác quản lý thư viện.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 2: 03

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 03

Số tiêu chí đạt không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

Mở đầu:

Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học là một yếu tố quan trọng không thể thiếu trong môi trường giáo dục, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học quyết định sự duy trì và phát triển của nhà trường, chính vì thế trong những năm học qua Trường Mầm non Tân Lợi đã cố gắng nỗ lực đề cập cố và bổ sung những cơ sở vật chất và trang thiết bị còn thiếu nhằm

xây dựng môi trường nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục ngày càng phát triển, bền vững.

Trường Mầm non Tân Lợi hiện có điểm chính và một điểm lẻ, điểm chính được xây dựng tại ấp Đồng Bia xã Tân Lợi huyện Đồng Phú và một điểm lẻ được xây dựng tại ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi huyện Đồng Phú, điểm chính và điểm lẻ đều phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương, môi trường đảm bảo an toàn và có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em. Tổng diện tích toàn trường là 14.648m²/209 trẻ điểm chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 07879 ngày 06/07/2016 của UBND tỉnh Bình Phước cấp, có diện tích đất 12.944,1m² và một điểm lẻ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT46085 ngày 28/03/2024 do UBND tỉnh Bình Phước cấp, có diện tích đất 1.703,9m² đảm bảo bình quân tối thiểu cho một trẻ, mật độ sử dụng đất đảm bảo theo quy định, trong đó: diện tích xây dựng công trình không quá 40% và diện tích sân vườn không dưới 40% và diện tích giao thông nội bộ không dưới 20% Công trình xây dựng trong nhà trường là kiên cố. Trường có cổng, biển tên trường, tường rào bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ, trường có cây xanh, bóng mát, cây cảnh được cắt tỉa gọn gàng, sân trường rộng rãi, có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động phát triển vận động cho trẻ, khuôn viên sân trường sạch sẽ, thoáng mát. Có đủ khối phòng hành chính quản trị để nhà trường hoạt động. Trường có 7 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, 01 phòng tổ chức hoạt động giáo dục nghệ thuật và 01 phòng giáo dục thể chất 01 phòng thư viện. Bếp ăn điểm chính đảm bảo diện tích, có đầy đủ đồ dùng, dụng cụ phục vụ tốt cho các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng trẻ, đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trường có đầy đủ các phòng thuộc khối phụ trợ. Nhà trường được trang bị thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi; đồ chơi ngoài trời theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 ban hành Danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non; Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14/9/2012 ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non, tuy nhiên vẫn chưa đầy đủ. Hệ thống cấp nước sạch đảm bảo đủ cho trẻ sinh hoạt hằng ngày, hệ thống cấp điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo an toàn đối với trẻ, tuy nhiên do trên địa bàn xã Tân Lợi chưa có đơn vị thu gom rác nên nhà trường đã tự xử lý rác thải hằng ngày để đảm bảo vệ sinh môi trường

Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

a) *Vị trí đặt trường, điểm trường;*

b) *Quy mô;*

c) *Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sân xây dựng các hạng mục công trình.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào điều kiện địa phương của xã Tân Lợi điểm chính của nhà trường được đặt tại ấp Đồng Bia, điểm lẻ được đặt tại ấp Thạch Màng xã Tân Lợi huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, vị trí đặt trường và điểm trường phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương, đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học [H3-3.1-01]. Môi trường xung quanh đảm bảo an toàn đối

với trẻ, cán bộ giáo viên nhân viên. Có kết nối giao thông thuận lợi, tạo điều kiện cho phụ huynh đưa đón con em tới trường học tập, không để xảy ra tình trạng ùn tắc hoạt tại nạn giao thông xảy ra trước cổng trường, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ như chú trọng kích thước cổng và giao thông bên trong dự án, công trình đảm bảo có chiều rộng lớn hơn 3,5m; chiều cao thông thủy lớn hơn 4,24m để các phương tiện phòng cháy chữa cháy lưu thông khi cần thiết. Các phòng làm việc, phòng học đều được thiết kế xây dựng cửa ra vào, cửa sổ đảm bảo dễ mở và thoát hiểm, hệ thống điện lắp đặt an toàn, có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy. **[H3-3.1-02] [H3-3.1-03]**

b) Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, trường có quy mô từ 7 đến 9 nhóm, lớp, cụ thể như sau:

Năm học	Điểm chính	Điểm TM	Điểm 61	Tổng
2020 - 2021	4	4	1	9
2021 - 2022	4	4	0	8
2022 - 2023	4	3	0	7
2023 - 2024	5	2	0	7
2024 - 2025	5	2	0	7

Hiện tại trường đóng trên địa bàn xã Tân Lợi có 4.099 nhân khẩu là trường thuộc xã có quy mô dân số dưới 5000 người, Đến thời điểm báo cáo nhà trường có 7 nhóm lớp, căn cứ theo khoản 2 Điều 5 Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học thì nhà trường đảm bảo đạt về quy mô nhóm lớp **[H3-3.1-04]**. Số nhóm lớp tại trường có chiều hướng giảm từ 9 nhóm lớp còn 7 nhóm lớp do từ năm học 2021 – 2022 nhà trường xóa bỏ điểm 61 hộ dân, đồng thời do thiếu giáo viên nên không duy trì nhóm 1B và lớp mầm 2.

c) Nhà trường có tổng diện tích đất là 14.648m²/209 trẻ (điểm chính 12.944,1m², điểm lẻ 1.703,9m²) bình quân tối thiểu cho một trẻ là 70m²/trẻ, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN- BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. **[H3-3.1-01];[H3-3.1-05]**

Đối với diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình của Trường Mầm non Tân Lợi như sau: **[H3-3.1-06]; [H3-3.1-07]**.

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích/ phòng hiện có	Diện tích quy định	Ghi chú
I. Khối phòng hành chính quản trị					
1	Phòng hiệu trưởng	1	29,7m ²	12m ² – 15m ²	

2	Phòng phó hiệu trưởng	2	29,7m ²	10m ² – 12m ²	
3	Văn phòng	1	47,52m ²	> 30m ²	
4	Phòng dành cho nhân viên	1	57,72m ²	>16m ²	
5	Phòng bảo vệ	1	15,21m ²	> 9m ²	
6	Khu vệ sinh dùng cho CBQL, GV, NV	1	21,66m ²	> 9m ²	
7	Khu để xe của CBQL, GV, NV	1	87,75m ²	2,5m ² /xe máy	
II. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em					
<i>Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em tại điểm chính</i>					
1	Khu sinh hoạt chung	5	57,72m ²	24m ² /nhóm 36m ² /lớp	
	Khu vệ sinh	5	13,26m ²	> 12m ²	
	Kho nhóm/ lớp	5	13,26m ²	6m ²	
	Hiên chơi, đón trẻ	5	27,3m ²	0,50m ² /trẻ	
<i>Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em tại điểm lẻ</i>					
2	Khu sinh hoạt chung (chòi 2)	1	37,26m ²	24m ² /nhóm 36m ² /lớp	
	Khu vệ sinh (chòi 2)	1	13,73m ²	> 12m ²	
	Hiên chơi, đón trẻ (chòi 2)	1	14,49m ²	0,50m ² /trẻ	
	Kho nhóm/ lớp (chòi 2)	0			Không có
3	Khu sinh hoạt chung (lá 3)	1	46,08m ²	24m ² /nhóm 36m ² /lớp	
	Khu vệ sinh (lá 3)	1	6,8m ²	> 12m ²	Chưa đủ diện tích
	Kho nhóm/ lớp (lá 3)	1	14,62m ²	6m ²	
	Hiên chơi, đón trẻ (lá 3)	1	27,75m ²	0,50m ² /trẻ	
4	Phòng giáo dục thể chất	1	57,72m ²	60m ²	Chưa đủ

					diện tích
5	Phòng giáo dục nghệ thuật	1	57,72m ²	60m	Chưa đủ diện tích
6	Sân chơi	2	2.654,93 m ²	1m ² / trẻ nhà trẻ 2m ² / trẻ mẫu giáo	
7	Thư viện	1	57,72m ²	> 48m ²	
III. Khối phòng tổ chức ăn					
<i>Bếp điểm chính</i>					
1	Nhà bếp	1	85m ²	0,30m ² /trẻ em	
	Kho lương thực	1	12m ²	12m ²	
	Kho thực phẩm	1	10m ²	10m ²	
<i>Bếp điểm lẻ</i>					
2	Nhà bếp	1	19,38m ²	0,30m ² /trẻ em	Chưa đủ diện tích
IV. Khối phụ trợ					
1	Phòng họp	1	71,28m ²	1,20m ² /người	
2	Phòng Y tế	1	57,72m ²	10m ²	
3	Nhà kho điểm chính	1	95,20m ²	40m ²	
	Nhà kho điểm lẻ	1	37,26m ²	40m	Chưa đủ diện tích
4	Sân vườn	1	8.869m ²	3m ² /trẻ em	
V. Các công trình khác					
1	Phòng kế toán, văn thư	1	29,7m ²	> 15m ²	

Các hạng mục công trình xây dựng của khối hành chính quản trị nhìn chung đã đảm bảo về diện tích. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ ở điểm lẻ có phòng vệ sinh của lớp lá 3 chưa đủ diện tích theo quy định, phòng giáo dục thể chất và phòng giáo dục nghệ thuật do sử dụng lại từ phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ còn thừa nên diện tích chưa đảm bảo. Khối phòng tổ chức ăn tại điểm lẻ chưa đủ diện tích nhưng bếp ăn vẫn đảm bảo thực hiện bếp theo quy trình bếp 1 chiều và đảm bảo về vệ sinh an toàn thực phẩm. Khối phụ trợ còn phòng kho tại điểm lẻ chưa đủ diện tích theo quy định do sử dụng lại từ phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ còn thừa.

2. Điểm mạnh

Trường Mầm non Tân Lợi có điểm chính và điểm lẻ được đặt ở vị trí thuận lợi phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương. Môi trường xung quanh đảm bảo an toàn đối với trẻ em, cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường. Có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em đến trường hằng ngày của phụ huynh, nhà trường luôn đảm bảo đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ theo quy định. Nhà trường có tổng diện tích đất là 14.648m²/209 trẻ (điểm chính 12.944,1m², điểm lẻ 1.703,9m²) bình quân tối thiểu cho một trẻ là 70m²/trẻ, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN- BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Diện tích sàn xây dựng một số hạng mục công trình như khối phòng hành chính quản trị đảm bảo các quy định tại tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non hiện hành; các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, khối phụ trợ tương đối đảm bảo theo quy định tối thiểu theo khoản 4 Điều 5 Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

3. Điểm yếu

Do dư phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em so với nhu cầu sử dụng nên nhà trường tận dụng để bố trí làm các phòng theo chức năng sử dụng như: phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng kho tại điểm lẻ dẫn đến phòng giáo dục nghệ thuật và phòng giáo dục thể chất, phòng kho tại điểm lẻ chưa đảm bảo diện tích theo quy định.

Khu vệ sinh tại phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại điểm lẻ (lá 3) và nhà bếp chưa đảm bảo diện tích theo quy định.

Quy mô nhóm, lớp tuy đã đạt theo khoản 2 Điều 5 Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, nhà trường thuộc xã có mật độ dân số dưới 5000 người, nhưng với mật độ dân cư ngày càng phát triển của xã Tân Lợi thì cần phải phát triển thêm về quy mô nhóm, lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận trong nhà trường tiếp tục phát huy và sử dụng có hiệu quả các công trình xây dựng hiện có đồng thời hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với UBND xã Tân Lợi bàn giao đất tại điểm lẻ (Thạch Màng) để xây mới khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ và khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ tại điểm lẻ. Hiệu trưởng tham mưu với UBND huyện Đồng Phú xin cải thiện lại diện tích phòng giáo dục thể chất và giáo dục nghệ thuật cho đủ diện tích.

Hiệu trưởng căn cứ tình hình thực tế, đề nghị điều động thêm giáo viên để phát triển quy mô 9 nhóm, lớp trong đó duy trì và mở thêm 1 nhóm 1B và 1 lớp mầm tại điểm lẻ để thuận tiện cho phụ huynh đưa trẻ đến trường .

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối

thiếu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.

Mức 2:

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phụ trợ.

Mức 3:

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng:

Chỉ báo a Mức 1 và chỉ báo a Mức 2:

Nhà trường có đủ các phòng khối hành chính quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN- BGDDT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học như: có 1 phòng làm việc riêng cho hiệu trưởng và 2 phòng làm việc cho các phó hiệu trưởng; 01 văn phòng; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng dành cho nhân viên, 01 khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV và 01 nhà để xe cho CBQL, GV, NV.[H3-3.2-01]

Phòng hiệu trưởng, phòng các phó hiệu trưởng được đặt ở vị trí thuận tiện cho yêu cầu quản lý của nhà trường; văn phòng trường được đặt ở vị trí thuận tiện để nhà trường tiếp đón khách đến liên hệ công việc; phòng dành cho nhân viên được bố trí thuận tiện cho nhân viên nghỉ ngơi và sinh hoạt; phòng bảo vệ được đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi để bảo quản tài sản; khu vệ sinh cho CBQL, GV, NV được bố trí nam nữ riêng biệt đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh. Khu để xe cho CBQL, GV, NV được bố trí hợp lý bên trong khuôn viên nhà trường [H3-3.2-02].

Các phòng đều trang bị tương đối đầy đủ máy móc, thiết bị làm việc như:

Phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được trang bị tủ để tài liệu, phương tiện làm việc như máy tính, máy in tuy nhiên chưa có bàn ghế tiếp khách, bàn ghế làm việc đang sử dụng lại từ bàn ghế cũ của giáo viên ở các phòng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em còn thừa.

Văn phòng trường có bàn ghế để tiếp khách, có quạt, có các bảng biểu tủ sách pháp luật, nhưng chưa có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng.[H1-1.6-07]

Phòng dành cho nhân viên có tủ để đồ dùng cá nhân cho nhân viên.

Phòng bảo vệ có quạt, bàn ghế và sổ ghi chép thông tin người đến liên hệ công tác tại trường.

Khu vệ sinh dành CBQL, GV, NV có trang bị đầy đủ các thiết bị vệ sinh.

Nhà trường có khu để xe cho CBQL, GV, NV có mái che được bố trí đảm bảo an toàn, tiện lợi khi ra vào và đủ chỗ cho 100% CBQL, GV, NV của trường **[H3-3.2-02]**

Chỉ báo b mức 1 và chỉ báo b mức 2 và mức 3

Nhà trường có 7 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, bảo đảm đủ mỗi nhóm, lớp có một phòng, bao gồm các phân khu chức năng:

Khu sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học, chơi, ăn khu sinh hoạt chung đồng thời sử dụng làm phòng ngủ cho trẻ. Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em bảo đảm mỗi nhóm, lớp đều có 01 kho, trong kho có trang bị tủ, kệ để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập cho trẻ đảm bảo theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN- BGDDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024, tuy nhiên còn 1 phòng học ở lớp chòi 2 chưa có phòng kho để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập **[H3-3.1- 06]**

Khu vệ sinh của trẻ được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ, đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN- BGDDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học cụ thể: toàn trường có 7 nhà vệ sinh/7 nhóm, lớp, được bố trí nam nữ riêng biệt và khép kín chung với phòng học, có vách ngăn cao 1,30m, khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng trong các phòng vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn 8 trẻ/chậu rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi, thuận tiện cho trẻ sử dụng và GV để quan sát trẻ, tuy nhiên chưa có bồn tiêu treo hoặc máng tiêu dành cho trẻ em trai.

Các nhóm, lớp đều có hiên chơi phía trước thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt cho trẻ em khi trời mưa, nắng; xung quanh hiên chơi của nhóm, lớp có lan can bao quanh bằng các thanh sắt hộp và xây cao 1,2m² đảm bảo an toàn cho trẻ.

Nhà trường lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng theo quy định tại Thông tư số 22/2016/TT/BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 Thông tư qui định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc; các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ có trang bị hệ thống quạt đầy đủ đảm bảo, an toàn theo quy định **[H3-3.2-03]**

Trường có 01 phòng giáo dục thể chất và 01 phòng giáo dục nghệ thuật (được sử dụng từ phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em còn dư) liên thông với các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em, được bố trí tại điểm chính, tuy nhiên phòng giáo dục thể chất và phòng giáo dục nghệ thuật chưa có đủ đồ dùng trang thiết bị cần thiết theo quy định tại Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở GD&ĐT công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước để tổ chức hoạt động giáo dục nghệ thuật, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường chưa có phòng làm quen ngoại ngữ và phòng làm quen tin học **[H3-3.1-06]; [H3-3.1-07]; [H1-1.6-07]; [H3-3.2-04]. [H3-3.2-05].**

Sân chơi tại điểm chính và điểm lẻ của trường đều được lắp đặt các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non;

nhu thiết bị đồ chơi ngoài trời dùng cho nhà trẻ có 01 cầu trượt đơn, thiết bị đồ chơi dùng cho trẻ mẫu giáo như 1 bộ vận động đa năng, 1 cầu trượt đôi, 1 nhà banh [H1-1.6-07] Tuy vẫn còn thiếu một số đồ dùng, đồ chơi, thiết bị theo quy định nhưng nhà trường đã được UBND huyện Đồng Phú phê duyệt kinh phí mua sắm đồ dùng, đồ chơi, ngoài trời là 1.202.000.000đ sẽ cấp phát trong thời gian tới, đảm bảo đầy đủ theo quy định, bên cạnh đó hàng năm nhà trường có tổ chức làm bổ sung một số thiết bị đồ chơi ngoài danh mục như: thang leo bằng lốp xe, như các loại xe, bập bênh, cà kheo ...các đồ chơi phù hợp với thực tế và đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.2-06].

Nhà trường sử dụng 01 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em còn dư để bố trí làm phòng thư viện. Thư viện của nhà trường cơ bản bảo đảm tiêu chuẩn CSVC mức độ 2 theo quy định Tiêu chuẩn thư viện trường mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo khoản 1 Điều 6 Chương II Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 ban hành quy định Tiêu chuẩn thư viện cơ sở GDMN và phổ thông như sau: được bố trí tại tầng trệt gần các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, thuận lợi cho việc tiếp cận và sử dụng của trẻ em. Diện tích của phòng thư viện là 57,72 m². Đối với 30% trẻ toàn trường đảm bảo 0,90m²/trẻ đạt so với yêu cầu theo khoản 1 Điều 6 Chương II Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 ban hành quy định Tiêu chuẩn thư viện cơ sở GDMN và phổ thông. Trong phòng có bố trí các khu chức năng bao gồm: không gian đọc cho trẻ em và giáo viên là toàn bộ không gian bên trong phòng. Không gian mở được bố trí bên ngoài thư viện, bảo đảm thoáng mát, yên tĩnh và cách xa các khu vực dễ gây ô nhiễm, an toàn, thuận lợi cho người sử dụng thư viện; nhà trường bố trí các kệ ở xung quanh tường trong phòng để làm khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin (sách, tài liệu...) bảo đảm đủ diện tích để chứa các tài nguyên thông tin và bảo đảm việc quản lý, phù hợp với đặc thù của từng loại tài nguyên thông tin; khu vực mượn trả và quản lý được nhà trường bố trí bên trong thư viện.

Về các yêu cầu kỹ thuật của phòng thư viện: nền và sàn thư viện được lát gạch men phù hợp với các quy định về tiêu chuẩn xây dựng hiện hành, dễ làm vệ sinh, hàng ngày được lau chùi sạch sẽ tuy nhiên chưa trang bị thảm lót sàn. Phòng thư viện có 02 cửa ra vào phù hợp với các quy định về tiêu chuẩn xây dựng hiện hành, đáp ứng yêu cầu chiếu sáng tự nhiên, thông gió thoáng khí cho phòng, che chắn được gió lạnh, mưa hắt, nắng chiếu xuyên phòng, đồng thời thuận tiện, an toàn trong sử dụng, dễ vệ sinh, làm sạch. Hệ thống chiếu sáng trong thư viện gồm chiếu sáng từ ánh sáng tự nhiên, chiếu sáng từ hệ thống đèn điện đảm bảo theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng. Thư viện có các cửa ra vào rộng rãi nên thông gió tự nhiên và bên trong có trang bị quạt điện bảo đảm các hoạt động thư viện và bảo quản tài nguyên thông tin. Thư viện của nhà trường bảo đảm các yêu cầu về phòng, chống thiên tai; có trang bị tiêu lệnh chữa cháy và bình chữa cháy đảm bảo tuân thủ quy định tại các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về an toàn cháy, trong đó có bố trí không gian đọc chung cho trẻ em và giáo viên có phòng đọc cho trẻ em tối thiểu 25 chỗ cho trẻ em, diện tích 1,5 m²/chỗ và phòng đọc cho giáo viên tối thiểu 15 chỗ, diện tích 2,4 m²/ chỗ. Bố trí các khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin bảo đảm diện tích kho sách kín 2,5 m²/1000 đơn vị tài nguyên thông tin; kho sách mở 4,5 m²/1000 đơn vị tài nguyên thông tin; khu vực mượn trả và quản lý chiếm 06 m² [H3-3.1-07]; [H3-3.2-07].

Chỉ báo c Mức 1 và chỉ báo c Mức 2.

Khối phòng tổ chức ăn của trường Mầm non Tân Lợi có 2 bếp ăn, 1 bếp ăn tại điểm chính và 1 bếp ăn tại điểm lẻ. Bếp ăn tại điểm chính của nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của

Bộ GD&ĐT nhà bếp được xây dựng độc lập với các khối phòng chức năng khác, có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động bếp một chiều. Có 02 kho bếp riêng biệt, là kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm như tủ lạnh, kệ, tủ. Tại 2 bếp ăn của trường đều có tủ lạnh dành riêng để lưu mẫu thức ăn hằng ngày, mẫu thức ăn được lưu trong 24h và được ghi chép sổ lưu và hủy mẫu theo quy định [H3-3.2-08]. Tuy nhiên bếp ăn tại điểm lẻ chưa có kho lương thực và kho thực phẩm nhưng vẫn đảm bảo thiết kế theo quy trình bếp 1 chiều và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.1-06]; [H3-3.1-07]

Nhà trường có đầy đủ khối phụ trợ cụ thể như sau:

Nhà trường có 01 phòng họp tại điểm chính sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp tuy nhiên chưa có đầy đủ bàn ghế và trang thiết bị theo quy định.

Có 01 phòng y tế tại điểm chính đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu, có đầy đủ các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, có bảng biểu tuyên truyền, quạt, tủ đựng hồ sơ, tủ đựng các loại thuốc theo quy định, cân, giường bệnh.

Nhà trường có 02 nhà kho tại điểm chính và điểm lẻ để dụng cụ chung và học phẩm của trường, có quạt, bóng điện đầy đủ.

Sân vườn tại điểm chính và điểm lẻ được nhà trường bố trí sân vườn riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm như vườn rau của bé, bé sẽ được cô giáo hướng dẫn cách chăm sóc, thu hoạch các loại rau củ quả. Vườn hoa của bé trồng nhiều loại hoa cho trẻ quan sát, bãi cỏ luôn xanh sạch để trẻ tham gia vui chơi, trải nghiệm. Khu vui chơi cát nước tại đây trẻ sẽ được hòa mình vào thiên nhiên chơi với cát và với nước. Vườn cổ tích có nhiều con vật mô phỏng lại các câu chuyện cổ tích cho trẻ tham quan khám phá và học tập [H3-3.2-09]

Điểm chính và điểm lẻ của trường đều có cổng trường và được xây kiên cố đảm bảo vững chắc, an toàn. Khuôn viên có tường rào xây bao quanh kiên cố cao 2m ngăn cách bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ. Cổng trường, điểm trường đảm bảo theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN- BGDDT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Cổng trường, điểm trường đều có gắn biển tên trường bảo đảm theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 52/2020/TT-BGDDT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường mầm non [H3-3.2-10]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính quản trị theo quy định. Khối Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em có đủ phòng so với số nhóm, lớp theo độ tuổi hiện có. Các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em ở điểm chính có đầy đủ các phân khu chức năng như: khu sinh hoạt chung cũng là nơi ngủ; khu vệ sinh riêng biệt cho trẻ trai, trẻ gái; kho nhóm, lớp. Có 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng thư viện, có sân chơi... đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Khối phụ trợ có đầy đủ các phòng theo quy định; cổng và tường rào được xây dựng vững chắc, bảo đảm an toàn. Sân vườn có các khu vực dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm.

3. Điểm yếu

Phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng chưa có bàn ghế tiếp khách, bàn ghế làm việc còn sử dụng lại từ bàn ghế giáo viên ở các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ còn thừa. Văn phòng và phòng họp chưa có đủ máy móc thiết bị văn phòng.

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các nhà vệ sinh bé trai chưa có bồn tiểu treo hoặc máng tiểu cho trẻ em trai, vách ngăn các bồn tiểu chưa đảm bảo tối thiểu 1,5m. Phòng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ em ở điểm lẻ (chòi 2) chưa có kho trong lớp. Phòng giáo dục thể chất phòng giáo dục nghệ thuật chưa có đủ các trang thiết bị đồ dùng theo quy định. Chưa có phòng làm quen tin học và ngoại ngữ.

Phòng thư viện, chưa được trang bị thảm lót, sân chơi chưa có đủ các loại đồ chơi theo quy định theo Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non; Bếp ăn tại điểm lẻ chưa đảm bảo theo quy định do chưa có 2 kho bếp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tham mưu với Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Đồng Phú đẩy nhanh tiến độ mua sắm tập trung các hạng mục thiết bị văn phòng như bàn ghế, máy móc đồ dùng, đồ dùng trang thiết bị tại các khối phòng hành chính quản trị, khối phụ trợ, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất, phòng thư viện kịp thời cấp phát về trường trong thời gian sớm nhất để đưa vào sử dụng kịp thời.

Sau khi nhà trường tiếp nhận các đồ dùng đồ chơi theo Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non, thì hiệu trưởng chỉ đạo bảo quản và giữ gìn đồ dùng đồ chơi nhằm duy trì về độ bền của đồ dùng đồ chơi.

Hiệu trưởng có kế hoạch tham mưu với các cấp có thẩm quyền cải tạo, sửa chữa, các phòng vệ sinh bổ sung thêm bồn tiểu treo hoặc máng tiểu dành cho trẻ em trai, và vách ngăn giữa các bồn cầu đảm bảo theo quy định, cải tạo phòng thư viện. Xây mới phòng làm quen tin học và phòng làm quen ngoại ngữ, xây mới nhà bếp và khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em tại điểm lẻ dự kiến kiến trong giai đoạn 2025 - 2028, với kinh phí khoảng 5.150.000.000 đồng từ nguồn ngân sách nhà nước.

Hàng năm, hiệu trưởng chỉ đạo kế toán, bảo vệ và các bộ phận có liên quan kiểm tra hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống quạt; kiểm kê tài sản các phòng theo định kỳ 3 lần/năm, để đánh giá thực trạng CSVC hiện có và có kế hoạch mua sắm, tu sửa, bổ sung CSVC, trang thiết bị các phòng đáp ứng đủ cho các hoạt động ND, CS&GD trẻ em;

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

Mức 1

a) *Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc và khu thu gom rác thải;*

b) *Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;*

c) *Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.*

Mức 2

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

Mức 3

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường đảm bảo hệ thống cấp nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành (đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT -BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học). Trường Mầm non Tân Lợi tự cung cấp nguồn nước bảo đảm tiêu chuẩn về nước ăn uống theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống.

Về nước uống và nước sinh hoạt:

Điểm chính và điểm lẻ của trường đều sử dụng hệ thống nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho CBQL, GV, NV và trẻ sử dụng. Nhà trường trang bị 02 máy lọc nước cho trẻ uống và sử dụng nấu ăn tại điểm chính và điểm lẻ. Điểm chính có 01 giếng khoan, điểm lẻ có 01 giếng khoan, trước khi đưa vào sử dụng, nước được xử lý qua hệ thống lọc, đối với nước uống sau khi lọc cấp dưỡng đun sôi để nguội cho cháu uống, các nguồn nước đều có giấy kiểm định đạt chất lượng nguồn nước sạch tại khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế quy định về công tác Y tế trường học [H3-3.3-01].

Nhà trường luôn đảm bảo cấp đủ nước uống cho học sinh, tối thiểu 0,5 lít về mùa hè, 0,3 lít về mùa đông cho một học sinh trong một buổi học, riêng nước sinh hoạt cho học sinh nhà trường luôn đảm bảo tối thiểu 4 lít cho một học sinh trong một buổi học.

Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy để đưa nước thải về hầm chứa nước thải của nhà trường đảm bảo theo quy định theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.3-02].

Nhà trường có hệ thống cấp điện bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường, đảm bảo theo điểm b khoản 5 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 [H3-3.3-03].

Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy theo quy định, có hệ thống phòng cháy, chữa cháy gồm: hệ thống báo cháy ở các dãy phòng tại điểm chính, có 12 bình chữa cháy được trang bị phù hợp ở nơi mà những người theo đường thoát nạn sẽ dễ dàng nhìn thấy, gần lối ra vào phòng, cầu thang, hành lang và lối đi, ở nhà xe, nhà bếp đều được trang bị bình phòng cháy chữa cháy, ngoài ra, còn trang bị các tiêu lệnh phòng cháy, chữa cháy; một số dụng cụ phá dỡ thô sơ... ở điểm chính và điểm lẻ bảo đảm theo các quy định hiện hành. Nhà trường đã phối kết hợp với Công an huyện Đông Phú tổ chức tập huấn về PCCC cho CBQL, GV, NV nhằm cung cấp kiến thức và một số kỹ năng

ứng phó khi xảy ra cháy nổ **[H3-3.3-04] [H3-3.3-05]**

Đối với hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại của CBQL, GV, NV trong nhà trường, các máy tính, Tivi được kết nối mạng Internet do Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông quân đội Viettel cung cấp nhằm phục vụ các hoạt động của trường, các đường truyền Internet tốc độ cao, sóng Wifi ổn định luôn đảm bảo tín hiệu kết nối **[H3-3.3-06]**.

Khu thu gom rác thải: do địa bàn xã Tân Lợi chưa có cơ sở thu gom thác thải hằng ngày nên nhà trường tự thu gom và xử lý bảo đảm theo quy định tại khoản 4, mục VII, phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 07:2010/BYT) vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 46/2010/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”. Hồ rác được bố trí độc lập, có thùng đựng rác và phân loại rác thải, khu tập trung rác thải được bố trí cách xa các khu vực khác 50m và nằm cuối chiều gió, rác được nhân viên phục vụ thu gom và đốt hằng ngày không để ứ đọng gây ô nhiễm môi trường **[H3-3.3-07]**.

b) Chỉ báo b mức 1, mức 2, mức 3

Nhà trường có khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ tất cả được xây dựng kiên cố 100%, đảm bảo theo quy định tại Điều 2 Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN- BGDDT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.**[H3-3.1-06]**

c) Nhà trường có các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDDT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN hiện tại nhà trường có 03 bộ thiết bị dạy học đồ dùng đồ chơi cho lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi còn thiếu 2 bộ cho lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi, 1 bộ cho lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi, và 1 bộ cho nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi nhưng nhà trường đã được UBND huyện Đồng Phú phê duyệt kinh phí mua sắm đồ dùng đồ chơi trong lớp với số tiền 1.202.000.000 sẽ được cấp trong thời gian tới. **[H1-1.6-07]**.

Đồ dùng đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư số 32/2012/TT-BGDDT, ngày 14/9/2012 ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non chưa đầy đủ nhưng đã được UBND huyện Đồng Phú phê duyệt kinh phí mua sắm đồ dùng đồ chơi trong lớp với số tiền 1.202.000.000 sẽ được cấp trong thời gian tới.

Mức 2:

Các hạng mục công trình như khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ, khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ được xây dựng kiên cố tỷ lệ công trình kiên cố đạt 100% **[H3-3.1-06]; [H3-3.1-07]**.

Mật độ sử dụng đất của nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDDT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT cụ thể như sau: diện tích xây dựng công trình (gồm các khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em, khối phòng phụ trợ, khối phòng tổ chức ăn, khu vệ sinh của nhà trường, khu nhà xe) là 2.119,22 m², chiếm tỷ lệ 14,47%, đảm bảo diện tích xây dựng công trình không quá 40% và diện tích sân vườn (gồm cây xanh, sân chơi, bãi tập) là 8.869m², chiếm tỷ lệ 60,54%, đảm bảo diện tích sân vườn không dưới 40%; còn lại

diện tích giao thông nội bộ trong nhà trường là 3.660 m², chiếm tỷ lệ 24,98% [H3-3.1-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo hệ thống cấp nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nguồn nước uống và nước sinh hoạt theo quy định hiện hành. Hệ thống cống rãnh thoát nước đảm bảo theo quy định theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Có hệ thống cấp điện; có kết nối mạng Internet phục vụ các hoạt động của trường, các đường truyền internet tốc độ cao, sóng Wifi ổn định luôn đảm bảo tín hiệu kết nối; Tỷ lệ công trình kiên cố của nhà trường đạt 100% và cấp công trình trong nhà trường từ cấp IV trở lên. Mật độ sử dụng đất của nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm yếu

Vẫn còn thiếu một số thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi; đồ chơi ngoài trời theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN; Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14/9/2012 ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non nhưng đã được UBND huyện Đồng Phú phê duyệt kinh phí mua sắm sẽ được cấp trong thời gian tới.

Nhà trường tự thu gom và xử lý rác do chưa có cơ sở thu gom rác tại xã Tân Lợi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận trong nhà trường tiếp tục phát huy và sử dụng có hiệu quả các công trình xây dựng; tiếp tục quán triệt và chỉ đạo các bộ phận (giáo viên, nhân viên) có liên quan bảo quản, giữ gìn và sử dụng có hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị trong lớp và ngoài trời; chủ động tham mưu với các cấp lãnh đạo và huy động mọi nguồn lực trong xã hội để mua sắm thêm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi từng bước trang bị đầy đủ về CSVC, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ công tác ND, CS&GD trẻ đáp ứng theo yêu cầu mới của GDMN hiện nay. Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tham mưu với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Đồng Phú đẩy nhanh tiến độ mua sắm tập trung các hạng mục thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời đã được cấp kinh phí, cấp phát về trường trong thời gian sớm nhất để đưa vào sử dụng kịp thời.

Hiệu trưởng chỉ đạo bảo vệ thường xuyên kiểm tra các hệ thống điện, thiết bị PCCC tại điểm chính và điểm lẻ để có kế hoạch sửa chữa kịp thời nhằm đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và trẻ. Chỉ đạo bộ phận kế toán tiếp tục hợp đồng các nhà mạng kết nối mạng Internet phục vụ các hoạt động của trường. Dự kiến 50.000.000đ/năm, hoàn thành vào tháng 9, 10 hàng năm, từ nguồn kinh phí hoạt động nhà trường.

Hiệu trưởng tham mưu với UBND xã Tân Lợi liên hệ với các cơ sở thu gom rác hàng ngày để đảm bảo vệ sinh môi trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật

Vị trí đặt điểm chính và điểm lẻ của Trường Mầm non Tân Lợi đều phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương xã Tân Lợi, môi trường xung quanh bảo đảm an toàn đối với trẻ em, CBQL, GV, NV. Có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em đến trường; đảm bảo đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ theo quy định. Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (bao gồm các điểm trường) là 14.648 m², bình quân tối thiểu đạt 70m² cho một trẻ em vượt so với quy định. Diện tích sàn xây dựng một số hạng mục công trình như khối phòng hành chính quản trị, khối phụ trợ đảm bảo theo quy định tối thiểu.

Khối phòng hành chính quản trị của nhà trường đảm bảo đủ các phòng, diện tích sàn xây dựng đảm bảo theo quy định. Khối Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ có đủ phòng so với số nhóm, lớp theo độ tuổi hiện có. Các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở điểm chính có đầy đủ các phân khu chức năng như: khu sinh hoạt chung cũng là nơi ngủ; khu vệ sinh riêng biệt cho trẻ trai, trẻ gái; kho nhóm, lớp... Có 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng thư viện, có sân chơi rộng rãi thoải mái cho trẻ. Khối phòng tổ chức ăn tại điểm chính có nhà bếp và 02 kho bếp riêng biệt (kho lương và kho thực phẩm) đảm bảo quy trình bếp một chiều. Khối phụ trợ có đầy đủ các phòng theo quy định; cổng và tường rào được xây dựng vững chắc, bảo đảm an toàn. Sân vườn có các khu vực dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm.

Nhà trường đảm bảo hệ thống cấp nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nguồn nước uống và nước sinh hoạt theo quy định hiện hành. Hệ thống cống rãnh thoát nước đảm bảo theo quy định theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Có hệ thống cấp điện; có kết nối mạng Internet phục vụ các hoạt động của trường, các đường truyền Internet tốc độ cao, sóng Wifi ổn định luôn đảm bảo tín hiệu kết nối; Tỷ lệ công trình kiên cố của nhà trường đạt 100% và cấp công trình trong nhà trường từ cấp IV trở lên. Mật độ sử dụng đất của nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT.

Điểm yếu cơ bản

Quy mô nhóm, lớp tuy đã đạt theo khoản 2 Điều 5 Văn bản hợp nhất số 14/2024/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 Thông tư ban hành Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, nhà trường thuộc xã có mật độ dân số dưới 5000 người, nhưng với mật độ dân cư ngày càng phát triển của xã Tân Lợi thì cần phải phát triển thêm về quy mô nhóm, lớp.

Khối phòng hành chính quản trị như phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng chưa có bàn ghế tiếp khách, bàn ghế làm việc còn sử dụng lại từ bàn ghế giáo viên ở các phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ còn thừa. Văn phòng chưa có đủ máy móc thiết bị văn phòng.

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các nhà vệ sinh bé trai chưa có bồn tiểu treo hoặc máng tiểu cho trẻ em trai, vách ngăn các bồn tiểu chưa đảm bảo tối thiểu 1,5m. Phòng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ em ở điểm lẻ (chòi 2) chưa có kho trong lớp. Nhà vệ sinh lớp lá 3 chưa đủ diện tích, phòng giáo dục thể chất phòng giáo dục nghệ thuật chưa có đủ các trang thiết bị đồ dùng theo quy định.

Phòng thư viện, chưa được trang bị thảm lót, chưa có nhân viên phụ trách công tác thư viện.

Chưa có phòng tin học và phòng ngoại ngữ. Bếp ăn tại điểm lẻ chưa đảm bảo theo quy định. Nhà trường chưa có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN. Và đồ chơi ngoài trời theo Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục MN và Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở GD&ĐT công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Địa bàn xã Tân Lợi chưa có cơ sở thu gom rác nên nhà trường phải tự xử lý rác hằng ngày.

Tổng số tiêu chí: 03

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường đã xây dựng tốt mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để cùng nhau chăm lo cho sự nghiệp giáo dục mầm non. Từ đó ngày càng nhận được sự quan tâm phối hợp có hiệu quả của các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội cùng các bậc cha mẹ trẻ em và cộng đồng nhân dân trong việc quản lý tổ chức thực hiện hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong nhiều năm qua. Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ em được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em (Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011), có kế hoạch hoạt động theo năm học và triển khai thực hiện theo đúng tiến độ. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng theo quy định. Đồng thời thực hiện tốt việc tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu và kế hoạch phát triển của nhà trường. Việc tổ chức, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong trường cũng như việc đầu tư cơ sở vật chất ngày một khang trang và bổ sung trang thiết bị dạy học, ĐDDC đáp ứng được yêu cầu công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường. Phối kết hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân tổ chức tốt các hoạt động lễ hội hàng năm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em.
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học.
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Đầu năm học 2024 - 2025 giáo viên chủ nhiệm các nhóm, lớp tổ chức họp toàn thể cha mẹ trẻ em của lớp và bầu Ban đại diện cha mẹ trẻ em của lớp. Mỗi nhóm/lớp có một BĐDCMTE gồm từ 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 ủy viên, BĐDCMTE các nhóm/lớp được đa số các cha mẹ trẻ em tín nhiệm đề cử và thể hiện trong biên bản các cuộc họp [H4-4.1-01]. Sau khi các nhóm/lớp đã bầu được BĐDCMTE của lớp, hiệu trưởng nhà trường tổ chức hội nghị BĐDCMTE các nhóm, lớp đầu năm học bầu BĐDCMTE của trường [H4-4.1-02]. BĐDCMTE của các nhóm/lớp và của trường được thành lập và tổ chức hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo BĐDCMTE của nhóm/lớp và của trường họp ít nhất 3 lần/năm để thông qua kế hoạch, chương trình hoạt động cả năm học, họp đánh giá kết quả năm học [H4-4.1-01];[H4-4.1-02]. Tuy nhiên, một số cha mẹ trẻ em đi làm công ty, đi cạo mủ gửi con cho ông bà chăm sóc và đưa đón con đến trường nên ít tham gia vào các cuộc họp cha mẹ trẻ tại lớp, tại trường do đó cũng ảnh hưởng đến công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ trẻ em hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD & ĐT. Hàng năm, BĐDCMTE của trường xây dựng kế hoạch hoạt động năm học theo nhiệm kỳ trong đó nêu rõ các nhiệm vụ cụ thể, mục tiêu phấn đấu, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ và thời gian thực hiện các nhiệm vụ đó. Kế hoạch hoạt động của BĐDCMTE bám sát với mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường, đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của nhà trường họp thường kỳ theo chương trình hoạt động cả năm học và họp đột xuất khi có công việc với nhà trường, tiến hành tổ chức xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch đến tất cả cha mẹ trẻ em toàn trường và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đúng kế hoạch đề ra đúng tiến độ, công khai, dân chủ. Trong năm học, BĐDCMTE phối hợp với nhà trường, nhóm, lớp trong các hoạt động như tổ chức các cuộc họp định kỳ, tham gia các ngày lễ, hội của nhà trường: Ngày hội bé đến trường, ngày tết Trung thu, lễ tổng kết. Nhà trường kết hợp với BĐDCMTE tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em như phòng chống bạo hành, Luật Trẻ em và phòng chống các dịch bệnh, hỗ trợ nâng cấp khu vui chơi, khu vận động, vườn cổ tích,... Cuối năm học có đánh giá báo cáo tổng kết các hoạt động của BĐDCMTE. [H4-4.1-01];[H1-1.1-03].

Mức 2:

Năm học 2024 - 2025, BĐDCMTE luôn phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ như công tác Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tuyên truyền vận động trẻ em trong độ tuổi ra lớp, hoạt động ngày lễ hội, làm đồ dùng đồ chơi, hoạt động lao động trải nghiệm trong nhà trường. Đặc biệt BĐDCMTE phối hợp tốt với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm nhóm/lớp trong việc chăm sóc sức khỏe; giáo dục lễ giáo; giáo dục và rèn kỹ

năng sống, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng xã hội cần thiết để hình thành nề nếp và những thói quen tốt cơ bản, thiết thực, gần gũi cho trẻ trong những năm đầu đời. Thường xuyên trao đổi trực tiếp với cha mẹ trẻ qua sổ bé ngoan, zalo của nhóm/lớp, trao đổi qua gặp gỡ trực tiếp tại giờ đón, trả trẻ. Trao đổi với cha mẹ trẻ em qua điện thoại về thông tin, tình hình của trẻ tại lớp khi cần thiết. Phối hợp cùng nhà trường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về GDMN như: chế độ ăn trưa, miễn giảm học phí và chi phí học tập cho trẻ mầm non theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021. Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 Nghị định quy định chính sách phát triển GDMN, thông tư về chế độ của trẻ thuộc diện vùng khó khăn, trẻ khuyết tật, hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ mồ côi. Tuyên truyền về Luật Giáo dục, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, tuyên truyền phòng chống bạo hành, phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước,... Từ đó, cha mẹ trẻ và cộng đồng biết được các quyền của trẻ em và trách nhiệm của cha mẹ trẻ trong hoạt động phối hợp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ **[H4-4.1-06]**. Ngoài ra BDDCMTE còn phối hợp với nhà trường tuyên truyền đến CMTE vận động cho trẻ đi học đảm bảo chỉ tiêu huy động trẻ đến trường, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, đối với những học sinh có hoàn cảnh khó khăn hay nghỉ học, BDDCMTE nhóm, lớp, trường tổ chức gặp gỡ trực tiếp với cha mẹ trẻ nhằm mục đích thăm hỏi, biết lí do nhằm có hướng giải pháp thích hợp để tạo điều kiện cho các cháu được đi học chuyên cần hơn, tuyên truyền đến CMTE về quy tắc văn hóa ứng xử trong giao tiếp đối với CMTE, cán bộ, GV của trường nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ. **[H4-4.1-01];[H4-4.1-02]**.

Mức 3:

Trong những năm qua BDDCMTE thường xuyên phối hợp hiệu quả với nhà trường và xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4, Điều 6 của Điều lệ BDDCMTE như phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo kế hoạch hoạt động đã đề ra. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước về giáo dục đến cha mẹ trẻ em. Động viên cha mẹ đưa trẻ đi học đều để đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, hướng dẫn cha mẹ trẻ về công tác tổ chức và hoạt động BDDCMTE của lớp **[H4-4.1-02]**. Phối hợp với nhà trường trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ một cách toàn diện về thể chất và tinh thần, phối kết hợp nhà trường trong việc phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, béo phì; giúp đỡ trẻ em nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn **[H1-1.1-03]**. Cùng nhà trường thực hiện hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, hỗ trợ ngày giờ công lao động, hỗ trợ quà nhân dịp tết Nguyên đán, tết Trung thu, ... để tặng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em nghèo. **[H1-1.1-03];[H4-4.1-04];[H4-4.1-05]**.

2. Điểm mạnh

BDDCMTE của nhóm/lớp và của trường được thành lập và tổ chức hoạt động theo đúng các quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD & ĐT. Hàng năm, BDDCMTE của trường có xây dựng kế hoạch hoạt động cho cả năm học và tổ chức thực hiện đảm bảo theo đúng tiến độ mà kế hoạch đã đề ra. BDDCMTE phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ một cách toàn diện về thể chất và tinh thần, phối kết hợp nhà trường trong việc phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, béo phì; giúp đỡ trẻ em nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Cùng nhà trường thực hiện hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung

tâm”, hỗ trợ ngày giờ công lao động, hỗ trợ quà nhân dịp tết Nguyên đán, tết Trung thu, ... để tặng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em nghèo.

3. Điểm yếu

Một số cha mẹ trẻ đi làm công ty, đi cạo mủ cao su gửi con cho ông bà chăm sóc và đưa đón con đến trường nên ít tham gia vào các cuộc họp tại nhóm/lớp, tại trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026 và những năm học tiếp theo, nhà trường và CMTE duy trì việc thành lập BDDCMTE các nhóm/lớp và nhà trường, tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ. Căn cứ vào tình hình thực tế BDDCMTE xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học và tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ. Duy trì về thời gian và số lần họp định kỳ 03 lần/năm học và họp đột xuất khi cần thiết. Bố trí, sắp xếp thời gian tổ chức cuộc họp hợp lý để tất cả cha mẹ trẻ có điều kiện để tham gia. Đối với những cha mẹ trẻ vắng, giáo viên chủ nhiệm và trưởng ban đại diện cha mẹ trẻ em các nhóm, lớp cần có các giải pháp kết nối với một số cha mẹ trẻ trong lớp trong việc phổ biến, tuyên truyền, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ như kết nối bằng điện thoại, Group zalo, facebook. Đối với những cha mẹ trẻ làm công nhân, thường xuyên tăng ca giáo viên nên liên lạc với cha mẹ trẻ qua zalo cá nhân hoặc gọi trực tiếp tuyên truyền nhiều hơn nhằm nâng cao công tác phối kết hợp. Nhà trường tiếp tục duy trì công tác phối hợp với BDDCMTE của trường, lớp thông qua các cuộc họp định kỳ, đột xuất để bàn và tiếp thu các biện pháp phối hợp giáo dục trẻ. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ, đưa ra các biện pháp mang tính khả thi nhằm vận động tối đa số trẻ ra lớp, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, tạo điều kiện để trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được đến trường. Tăng cường công tác tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú, đa dạng để thu hút cha mẹ trẻ cùng tham gia phối hợp thực hiện tốt việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, cũng như việc phối hợp giữa BDDCMTE với nhà trường và xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ BDDCMTE, đặc biệt là vận động kêu gọi sự đóng góp, ủng hộ của các tổ chức, mạnh thường quân để giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em nghèo...

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng chiến lược và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2024 - 2025 Trường Mầm non Tân Lợi chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, UBND xã Tân Lợi để thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục của nhà trường như tham mưu Đảng ủy xã Tân Lợi đưa vào Nghị quyết các nội dung liên quan đến công tác giáo dục ở địa phương. Nhà trường đã gửi đến UBND xã Tân Lợi kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học để UBND xã nắm bắt, chỉ đạo các cấp hỗ trợ nhà trường về công tác tuyên truyền đến người dân có con em trong độ tuổi mầm non đến trường và thực hiện công tác phổ cập mầm non trẻ em 5 tuổi trên địa bàn xã, kế hoạch năm học của nhà trường hàng năm; chỉ đạo hỗ trợ nhà trường thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra. Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn phối hợp với nhà trường trong công tác vận động học sinh trong độ tuổi ra lớp, vận động tặng quà cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện công tác phổ cập mầm non trẻ em 5 tuổi [H1-1.2-10];[H5-5.4-02]. Tham mưu UBND xã Tân Lợi hỗ trợ nguồn nhân lực lao động, vệ sinh, làm đồ dùng đồ chơi. Từ đó giúp nhà trường thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục đã đề ra [H4-4.2-01].

Trong năm học, nhà trường tổ chức các hoạt động hướng dẫn tuyên truyền về chiến lược, mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường, về chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục trong từng giai đoạn để toàn thể cộng đồng hiểu và nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân, đoàn thể trong việc chăm sóc giáo dục trẻ, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường bằng nhiều hình thức như qua cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ em ở các nhóm, lớp. Gửi các bài tuyên truyền có nội dung nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, tuyên truyền dịch bệnh, kế hoạch tuyển sinh của nhà trường,... để tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh của xã đến toàn bộ người dân; qua trao đổi giữa cán bộ, GV và cha mẹ trẻ hàng ngày khi đón trẻ, trả trẻ, tuyên truyền ở bảng tin trường và bảng tin các lớp [H1-1.1-05];[H4-4.2-02].

Nhà trường thường xuyên tham mưu với ngành, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, BĐDCMTE huy động và tiếp nhận các nguồn tài trợ, tặng quà cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn vào đầu năm học mới, [H4-4.2-01]; [H4-4.2-03];[H4-4.1-05];[H1-1.1-03]. Ngoài ra nhà trường cùng phối hợp BĐDCMTE tham gia hỗ trợ ngày công cùng nhà trường xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm như năm học 2024 - 2025 vận động CMTE tham gia hỗ trợ ngày giờ công trang trí khu vui chơi vận động, mái vòm trong khuôn viên sân trường,... [H1-1.1-03];[H4-4.1-04]. Tuy nhiên, đa số cha mẹ trẻ em là công nhân đi làm công ty, đi cạo mủ cao su thuê nên nguồn kinh tế còn khó khăn vì vậy việc vận động xã hội hóa chưa đạt hiệu quả cao.

Mức 2:

Để thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2024 - 2029 [H1-1.1-01], nhà trường tham mưu với Đảng ủy, UBND xã Tân Lợi tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện kế hoạch chiến lược xây dựng và phát

triển nhà trường về nguồn nhân lực, về cơ sở vật chất, về thực hiện chương trình giáo dục, công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ, huy động các nguồn lực xây dựng và tu sửa CSVC cho nhà trường. Có kế hoạch chiến lược và các biện pháp cụ thể để xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, qua việc gửi kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019 - 2024 và xin ý kiến đóng góp của các cấp [H1-1.1-10]. Đồng thời tham mưu Đảng ủy xã Tân Lợi đưa vào Nghị quyết đảng ủy chỉ đạo các nội dung liên quan công tác giáo dục ở địa phương như kế hoạch phát triển mạng lưới trường lớp, công tác phổ cập giáo dục, công tác xây dựng CSVC đảm bảo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia, phối hợp các áp tuyên truyền vận động người dân cho con em đi học... [H4-4.2-01].

Trong năm học, nhà trường phối hợp với BDDCMTE và các tổ chức, đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, các cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: Lễ hội Bé đến trường, tết Trung thu, 20/11, lễ Tổng kết năm học, ... cho trẻ tham gia, trải nghiệm. Các hoạt động có tính giáo dục cao giúp cho trẻ mạnh dạn, tự tin, phát triển tốt về mọi mặt [H1-1.1-03]; [H4-4.2-04]; [H4-4.2-05].

Mức 3:

Trong năm học, nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch tham mưu với Đảng ủy xã Tân Lợi để có thể xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương trong tương lai. Đến nay, tại điểm chính của trường có CSVC tương đối khang trang, đáp ứng tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; quy hoạch khu vực sân chơi đảm bảo các hoạt động vui chơi, giải trí để tổ chức các trò chơi dân gian, trò chơi vận động và tham gia các hoạt động văn hóa trong các ngày lễ, tết... [H3-3.2-09]. Ngoài ra, nhà trường phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong việc thực hiện xây dựng môi trường văn hóa trường học như ăn mặc lịch sự khi đưa, đón trẻ, không hút thuốc trong trường, giao tiếp lịch sự với đội ngũ viên chức của nhà trường. Từ năm học 2024 - 2025, trường luôn được công nhận là đơn vị đạt chuẩn văn hóa [H4-4.2-06]

2. Điểm mạnh

Trong năm học nhà trường đã tham mưu kịp thời cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện tốt kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường, kế hoạch tuyển sinh và kế hoạch giáo dục trong năm học. Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Nhà trường làm tốt công tác huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Phối kết hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống địa phương.

3. Điểm yếu

Đa số cha mẹ trẻ em là công nhân đi làm công ty, đi cạo mủ cao su thuê nên nguồn kinh tế còn khó khăn vì vậy việc vận động xã hội hóa chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, nhà trường tiếp tục duy trì tham mưu các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ nhà trường thực hiện có hiệu quả các kế hoạch giáo dục của nhà trường đã đề ra theo từng học kỳ, theo năm học và theo giai đoạn. Phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch,

phù hợp với truyền thống của địa phương và điều kiện của nhà trường. Tiếp tục vận động các tổ chức, cá nhân đóng góp vật chất, kinh phí, phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường, việc sử dụng các nguồn lực này được công khai rộng rãi một cách minh bạch.

Năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo, nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân, đoàn thể ở địa phương tổ chức được một số hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ nhân các ngày lễ. Phối kết hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên làm tốt công tác tuyên truyền vận động đoàn viên thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình nhằm phấn đấu hàng năm nhà trường được Liên đoàn Lao động huyện Đồng Phú công nhận cơ quan đơn vị đạt chuẩn văn hóa. Phấn đấu đến năm học 2025 – 2026 xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Phối hợp tốt với cha mẹ trẻ, linh hoạt trong các hình thức vận động, thay thế vận động kinh phí bằng vận động ngày công lao động để xây dựng môi trường bên ngoài ngày một khang trang hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ trẻ em của các nhóm/lớp và của nhà trường. BĐDCMTE xây dựng kế hoạch và hoạt động theo đúng các quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD & ĐT. Tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ. Phối kết hợp có hiệu quả với nhà trường và xã hội trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Ban đại diện cha mẹ trẻ các nhóm/lớp, và nhà trường thường xuyên làm tốt công tác huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định để xây dựng CSVC. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu kịp thời với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện có hiệu quả phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường, góp phần thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục.

Điểm yếu cơ bản

Một số cha mẹ trẻ đi làm công ty, đi cao mủ cao su gửi con cho ông bà chăm sóc và đưa đón con đến trường nên ít tham gia vào các cuộc họp tại nhóm/lớp, tại trường do đó cũng ảnh hưởng đến công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

Đa số cha mẹ trẻ em là công nhân đi làm công ty, đi cao mủ cao su thuê nên nguồn kinh tế còn khó khăn vì vậy việc vận động xã hội hóa chưa đạt hiệu quả cao.

Tổng số tiêu chí: 02

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 02

Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ

Mở đầu:

Trong năm học 2024 - 2025 Trường Mầm non Tân Lợi luôn xác định nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, để từ đó xác định các nhiệm

vụ khác theo định hướng tập trung các điều kiện nhân lực, vật lực đảm bảo chất lượng hiệu quả tốt nhất. 100% số trẻ đến trường được an toàn về thể chất tinh thần, được phát triển khỏe mạnh theo độ tuổi. Nhà trường đã luôn thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường xây dựng và phát triển Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đảm bảo chất lượng, trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trên thế giới phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đồng Phú, tình hình thực tế của xã Tân Lợi, phù hợp với đặc điểm của nhà trường và năng lực của trẻ em. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Nhà trường có biện pháp phù hợp để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần giúp trẻ đạt được các mục tiêu của Chương trình GDMN.

Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ và điều kiện của nhà trường. Nhà trường luôn quan tâm xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo mọi cơ hội để tổ chức cho trẻ các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế, đảm bảo tất cả trẻ được tham gia vui chơi, trải nghiệm, khám phá theo phương châm “chơi mà học - học bằng chơi”.

Trong năm nhà trường phối hợp tốt với Trạm Y tế xã Tân Lợi tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Hợp đồng với Trung tâm Y tế huyện Đồng Phú khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, đảm bảo 100% trẻ trong nhà trường được khám sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng nhiều biện pháp phù hợp. Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong các năm qua luôn đảm bảo, hàng năm giảm được tỷ lệ suy dinh dưỡng, thừa cân so với đầu năm học, thực hiện đảm bảo cân đối chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường theo quy định, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. Nhà trường làm tốt công tác tư vấn cho cha mẹ trẻ các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ; tuyên truyền, vận động cha mẹ trẻ cho trẻ đến trường, vì vậy hàng năm tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt từ 95% trở lên và chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 91% trở lên. Trong năm, nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp điều kiện của địa phương và nhà trường.

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường mầm non

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, trường mầm non và khả năng nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong năm học 2024-2025 nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi nhà trường xây dựng Chương trình GDMN, bước tiếp theo là tổ chức thực hiện chương trình. Việc tổ chức thực hiện chương trình dựa trên chương trình đã xây dựng theo 4 độ tuổi: nhà trẻ độ tuổi 25 - 36 tháng và mẫu giáo độ tuổi 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi và 5 - 6 tuổi. Trong tổ chức thực hiện chương trình, nhà trường luôn đảm bảo 5 nội dung: mục tiêu giáo dục, chế độ sinh hoạt, nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe, giáo dục phát triển, đánh giá sự phát triển của trẻ và phối kết hợp giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.8-01]. Các nội dung giáo dục chủ yếu được tổ chức theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng phù hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương. Việc tổ chức thực hiện Chương trình GDMN được thực hiện đúng theo kế hoạch, từ kế hoạch giáo dục của nhà trường được triển khai đến toàn thể các tổ chuyên môn và giáo viên trong phiên họp đầu năm, để tổ trưởng tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện và hướng dẫn giáo viên lập kế hoạch giáo dục phù hợp từng độ tuổi và khả năng của trẻ [H1-1.8-02]. Các hoạt động cụ thể để tổ chức thực hiện Chương trình GDMN của nhà trường bao gồm: xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện chương trình, thực hiện kế hoạch chăm sóc, giáo dục trong nhóm lớp [H1-1.8-03]. Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của Phòng Giáo dục và Đào tạo, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học của nhà trường phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương theo sự chỉ đạo của ngành [H1-1.7-10]. Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường bộ phận chuyên môn, ban trú xây dựng kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H5-5.1-01].

b) Trong năm, căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhà trường đã phát triển Chương trình GDMN đang thực hiện đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình GDMN hiện hành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gộp chung thành Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD&ĐT về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non). Đồng thời, Chương trình GDMN của nhà trường đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương xã Tân Lợi và điều kiện thực tế nhà trường về CSVC, đội ngũ giáo viên, khả năng, nhu cầu và hứng thú của trẻ mầm non trong nhà trường [H1-1.6-07]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-03].

c) Chương trình GDMN được nhà trường rà soát, đánh giá việc thực hiện và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Cụ thể: hàng ngày giáo viên chú ý đến đánh giá trẻ cuối ngày, cuối chủ đề/tháng, đánh giá cuối giai đoạn để nắm bắt nội dung, mục tiêu đưa ra có phù hợp với trẻ hay không, để từ đó kịp thời điều chỉnh [H5-5.1-02]. Thông qua kiểm tra kế

hoạch giáo viên, qua các tiết dự giờ đột xuất và báo trước để đánh giá rút kinh nghiệm, nhằm giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời **[H1-1.7-08]**. Đồng thời, qua các buổi sinh hoạt của các tổ chuyên môn, của nhà trường giáo viên có ý kiến phản hồi về việc thực hiện Chương trình GDMN, từ đó nhà trường có căn cứ để điều chỉnh chương trình giáo dục cho phù hợp hơn với khả năng của trẻ, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương và quan trọng nhất là giúp trẻ đạt được kết quả mong đợi của các lĩnh vực giáo dục theo từng độ tuổi **[H1-1.4-08]; [H1-1.7-09]**. Ngoài ra nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch hoạt động của các lớp cho phù hợp **[H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]**.

Mức 2:

a) Trong năm, căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các hướng dẫn về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đồng Phú, nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường mầm non, phù hợp với quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, quan tâm đến năng lực cá nhân của từng trẻ, tạo điều kiện cho trẻ phát huy khả năng sáng tạo trong mọi hoạt động ở trường. Các nội dung giáo dục được giáo viên tổ chức theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng phù hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương, của nhà trường, của nhóm lớp. Nội dung giáo dục và các hoạt động giáo dục được giáo viên lựa chọn và thiết kế xoay quanh chủ đề tạo thành sự gắn kết, tác động hỗ trợ và bổ sung cho nhau một cách hợp lý, tự nhiên **[H1-1.8-02]**; khi giáo viên tổ chức hoạt động của một lĩnh vực giáo dục phát triển chủ động kết hợp một cách hợp lý nội dung giáo dục của lĩnh vực khác để tác động nhiều mặt phát triển khác nhau ở trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện các lĩnh vực, đạt được các mục tiêu giáo dục và kết quả mong đợi ở từng độ tuổi, giúp trẻ phát triển toàn diện các mặt: nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, thẩm mỹ, kỹ năng - tình cảm xã hội; kết quả đánh giá trẻ ở các tháng/chủ đề từng lĩnh vực đều đạt từ 85% trở lên **[H5-5.1-03]**. Bên cạnh đó, trẻ em đến trường được chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo sức khỏe, phát triển về cân nặng và chiều cao hợp lý, đảm bảo chế độ ăn đầy đủ hàng ngày và các điều kiện về vệ sinh cần thiết để phòng chống dịch bệnh **[H5-5.1-04]**.

b) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ, chú trọng các hoạt động chủ đạo của từng lứa tuổi; nhà trường phát triển chương trình đảm bảo tính vừa sức, tạo điều kiện cho trẻ phát huy khả năng, bộc lộ năng khiếu, tạo cơ hội cho trẻ tương tác với nhau. Ngoài ra, nhà trường còn phát triển chương trình dựa trên đặc điểm của vùng miền, do nhà trường nằm ở vùng người dân chủ yếu sinh sống bằng nghề làm nông, đặc biệt là trồng và khai thác cây cao su, điều, cha mẹ trẻ phần lớn là làm rẫy nên trong quá trình thực hiện Chương trình GDMN nhà trường đã phát triển chương trình phù hợp với nét văn hóa, đặc trưng trong đời sống kinh tế của người dân, gắn liền với cây điều, cây cao su để đưa vào chương trình. Từ chương trình giáo dục chung của nhà trường, mỗi giáo viên phát triển chương trình theo cách khác nhau, mỗi mặt phát triển của trẻ được giáo viên thiết kế phù hợp với hứng thú và khả năng khác nhau của từng trẻ. Trong phát triển Chương trình GDMN, các giáo viên nhận thức được nhu cầu và phát triển tối đa năng lực của mỗi cá nhân trẻ, tạo cho trẻ khám phá và thử nghiệm nhằm phát triển trí tuệ và phong phú. Qua đó, giúp trẻ phát triển toàn diện mọi mặt, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ **[H1-1.8-01]; [H1-1.8-03]**. Nhà trường còn quan tâm và đưa các nội dung giáo dục kỹ năng sống và tổ chức các ngày lễ hội như:

ngày hội Bé đến trường, tết Trung thu, Tết Nguyên đán, Quốc tế Thiếu nhi 1/6 [H4-4.2-04]. Bên cạnh đó, nhà trường còn kết hợp với Trung tâm Anh ngữ Quốc tế Việt Úc tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh trên tinh thần tự nguyện của các bậc cha mẹ [H5-5.1-05].

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ, chú trọng các hoạt động chủ đạo của từng lứa tuổi; nhà trường phát triển chương trình đảm bảo tính vừa sức, tạo điều kiện cho trẻ phát huy khả năng, bộc lộ năng khiếu, tạo cơ hội cho trẻ tương tác với nhau. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, nhà trường đã tham khảo phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới để xây dựng và phát triển chương trình giáo dục nhưng chưa hiệu quả [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

b) Trong năm, nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục của nhà trường đối với giáo viên và trẻ. Từ đó nhận định những điểm yếu, tồn tại và những mặt đã làm được để có kế hoạch điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục, tổ chức môi trường giáo dục tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo qua các hoạt động. Tiếp tục lồng ghép và thực hiện hiệu quả các nội dung giáo dục tích hợp trong thực hiện chương trình nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H5-5.1-02];[H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch và đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường mầm non; phát triển Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình GDMN, phù hợp điều kiện của địa phương xã Tân Lợi, nét đặc trưng về ngành nghề trồng và khai thác cây cao su, điều và điều kiện thực tế của nhà trường, cũng như phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ. Định kỳ vào cuối học kỳ I và cuối năm học, nhà trường tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời, nhằm cải tiến nội dung, hình thức tổ chức cũng như phương pháp giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương, phù hợp với từng độ tuổi nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường đã tham khảo phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới để xây dựng và phát triển chương trình giáo dục nhưng chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện Chương trình GDMN theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như sự hướng dẫn, định hướng của các cơ quan quản lý chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đồng Phú, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, của địa phương và phù hợp với khả năng, hứng thú, nhu cầu của trẻ để việc thực hiện chương trình có hiệu quả và chất lượng ngày càng nâng cao. Tạo điều kiện cho CBQL, GV đặc biệt là giáo viên cốt cán tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới - Khu vực ASEAN do các cấp tổ chức (nếu

có) để chương trình giáo dục ngày càng mang lại hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển toàn diện cho trẻ em. Hàng năm, nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó có kế hoạch hướng dẫn giáo viên điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường đầu tư kinh phí cho các hoạt động giáo dục STEM/STEAM nhằm giúp trẻ tự tin khi bước vào các hoạt động

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường luôn chú trọng chỉ đạo giáo viên đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục thông qua các buổi dự giờ của giáo viên [H1-1.7-08]. Trong năm các tổ, bộ phận chuyên môn thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn đã hướng dẫn, chỉ đạo giáo viên tổ chức thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục, trong đó chú trọng phương pháp thực hành, luyện tập, phương pháp trò chơi, nhằm kích thích trẻ tham gia vào các hoạt động và mang lại hiệu quả [H1-1.4-08]; [H1-1.7-09]; các phương pháp đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục của Chương trình GDMN theo quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm”, kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, giáo viên chú ý đến đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Quan trọng hơn nữa là các phương pháp giáo dục được áp dụng tại các nhóm, lớp luôn phù hợp với khả năng của trẻ và điều kiện của nhà trường phù hợp với trẻ ở các độ tuổi khác nhau và phù hợp với điều kiện của nhà trường về CSVC, khả năng của đội ngũ giáo viên, của trẻ trong nhà trường; thông qua các hoạt động học, các hoạt động vui chơi trong lớp và ngoài trời, hoạt động trải nghiệm, khám phá, tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học học bằng chơi” [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H5-5.2-01]. Tuy nhiên, trong năm học còn 01 GV hợp đồng

về trường từ tháng 11/2024, chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc tổ chức các hoạt động chưa linh hoạt, chưa sáng tạo trong việc thực hiện Chương trình GDMN.

b) Nhà trường đã chú trọng việc tạo môi trường giáo dục trong lớp và ngoài lớp học được CBQL, GV, NV trong trường xây dựng phong phú, đa dạng, trang trí đẹp, đặc biệt chú trọng xây dựng môi trường theo hướng mở nhưng vẫn đảm bảo an toàn để trẻ có nhiều cơ hội khám phá, thực hành từ đó đã tạo sự kích thích tích cực hoạt động ở trẻ, giúp trẻ hào hứng, phát huy tính sáng tạo khi vui chơi và trải nghiệm. Bố trí và sắp xếp môi trường theo quan điểm “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” đầu tư cải tạo, xây dựng sân chơi ngoài trời với nhiều khu vực cho trẻ chơi, trải nghiệm như khu vực chơi với cát, nước, vườn cỏ tích, vườn cây của bé, vườn rau, các nhà chơi bán hàng, gia đình, khu vui chơi vận động. Trong lớp, giáo viên bố trí nhiều góc chơi, đồ chơi để tạo điều kiện cho trẻ chơi, trải nghiệm ở các góc, trải nghiệm khám phá môi trường xung quanh, đơn giản bằng những vật dụng dễ tìm, gần gũi với trẻ, đảm bảo trẻ được chơi tất cả các đồ chơi, thiết bị trong và ngoài lớp học [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]. Giáo viên bố trí không gian, sắp xếp các khu vực chơi, hoạt động trong lớp hợp lý, thuận tiện, thẩm mỹ, linh hoạt và thân thiện, gần gũi, quen thuộc với cuộc sống thực hàng ngày của trẻ, bao gồm các khu vực chơi đóng vai (gia đình, bác sĩ, bán hàng), khu vực chơi xây dựng, khám phá khoa học (thiên nhiên, thí nghiệm), thư viện, nghệ thuật (tạo hình, âm nhạc), góc học tập (toán, chữ cái); đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị, nguyên vật liệu được lựa chọn và sử dụng đa dạng, linh hoạt, luôn thay đổi để tạo ra sự hấp dẫn mới lạ đối với trẻ, sưu tầm nhiều nguyên vật liệu khác nhau, kích thích sự phát triển của trẻ [H5-5.2-03]. Trong năm nhà trường có báo cáo tổng kết các hoạt động đã thực hiện trong năm học về Phòng Giáo dục và Đào tạo [H1-1.1-03].

c) Giáo viên đã tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng như chú trọng các hoạt động thực hành, trải nghiệm, tiếp xúc thiên nhiên, hoạt động trên đồ vật, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, phim ảnh, phát triển kỹ năng sống, khám phá phù hợp với từng độ tuổi của trẻ em ở nhóm, lớp. Phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường về môi trường giáo dục đã có, đã xây dựng được, để từ đó tổ chức các hoạt động học, hoạt động vui chơi cho trẻ được thể hiện sự hiểu biết, khả năng của trẻ với nhiều hình thức đa dạng như: trẻ được tham gia vào các hoạt động lễ hội, chơi ngoài trời, hoạt động với thiên nhiên chăm sóc cây xanh, vườn hoa, khám phá môi trường xung quanh, tham gia làm thí nghiệm, hoạt động học đều được tổ chức với nhiều hình thức khác nhau, hấp dẫn trẻ, chú trọng việc giáo dục “lấy trẻ làm trung tâm” giáo viên tạo cơ hội cho trẻ được thể hiện sự hiểu biết, khả năng của trẻ, giáo viên nêu gợi ý, hướng dẫn, khuyến khích trẻ phát huy khả năng và làm chủ các hoạt động [H5-5.2-03];[H5-5.2-04]. Bên cạnh đó trường còn tổ chức cho trẻ tham gia vào các hoạt động ngày hội, ngày lễ như: Bé vui đến trường, tết Trung thu, tết Nguyên đán, quốc tế thiếu nhi để trẻ được tham gia các hoạt động trải nghiệm [H4-4.2-04]; [H4-4.2-05].

Mức 2:

Trong năm, căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các hướng dẫn về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đồng Phú. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, nhà trường và nhu cầu của trẻ, nhà trường tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng,

chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế **[H1-1.7-10]; [H1-1.8-01]**. Mục tiêu giáo dục, giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp 1; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học tập suốt đời; nội dung giáo dục: bảo đảm tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc phát triển từ dễ đến khó; bảo đảm tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực. **[H1-1.8-01]; [H1-1.8-03]**. Phù hợp với sự phát triển tâm lý, sinh lý của trẻ em, hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học **[H1-1.8-03]**.

Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục giáo viên chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm lý, sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi giữa nhà trường và gia đình **[H1-1.8-03]**.

Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục giáo viên tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. **[H1-1.8-03]; [H5-5.2-04]**. Đối với công tác nuôi dưỡng nhà trường tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của lớp, khả năng của từng trẻ, nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế. Tổ chức tốt các hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hàng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ. Xây dựng thực đơn và tính khẩu phần ăn cho trẻ theo quy định, đảm bảo cơ cấu dinh dưỡng phù hợp với nhóm tuổi, thường xuyên lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe trong thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày; chất lượng bữa ăn của trẻ tại đơn vị bảo đảm tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT và an toàn vệ sinh thực phẩm và công văn số 3620/SGDĐT-GDMN ngày 13/9/2017 về việc tổ chức bữa ăn bán trú và nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ mầm non **[H5-5.1-01]**. Bên cạnh đó, việc tổ chức giờ ngủ cho trẻ cũng đảm bảo theo quy định trong chế độ sinh hoạt một ngày, cán bộ quản lý thường xuyên thăm lớp, kiểm tra giờ ngủ của trẻ tại các nhóm, lớp **[H1-1.7-08]**.

Mức 3:

Trong năm qua, nhà trường hướng dẫn, triển khai và cùng giáo viên tạo môi trường trong và ngoài lớp học theo tiêu chí lấy trẻ làm trung tâm để trẻ được học tập, trải

nghiệm, thực hành phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm; giáo viên tổ chức môi trường giáo dục an toàn, bố trí khu vực chơi và học trong lớp và ngoài lớp phù hợp, thuận tiện, không chỉ giúp trẻ phát triển thể chất mà còn thỏa mãn nhu cầu nhận thức, mở rộng hiểu biết của trẻ, kích thích trẻ hoạt động tích cực, sáng tạo. Môi trường trong lớp có không gian cho trẻ hoạt động, cách sắp xếp phù hợp, gần gũi, quen thuộc với cuộc sống thực, có các khu vực chơi đóng vai, khu vực chơi xây dựng, khám phá khoa học, thư viện, nghệ thuật, góc học tập, mảng tường của lớp được giáo viên thiết kế có các trò chơi cho trẻ hoạt động. Các đồ dùng và học liệu đã hỗ trợ giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục trẻ và để thu hút trẻ tham gia, cũng như tạo cho trẻ các cơ hội học tập khác. Giáo viên quan tâm xây dựng môi trường trong lớp học phù hợp, an toàn, sạch đẹp, hấp dẫn tạo cơ hội cho trẻ hoạt động, đáp ứng nhu cầu vui chơi của trẻ [H5-5.2-02]. Các góc chơi được sắp xếp, bố trí hợp lý, đảm bảo tính an toàn cho trẻ, môi trường được xây dựng theo hướng mở phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ, nhằm kích thích sự hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ được chơi và trải nghiệm. Môi trường bên trong lớp học: các mảng tường được trang trí sáng tạo bằng hình ảnh rồi các góc chơi được bố trí theo hướng mở để giáo viên dễ thay đổi tùy thuộc vào chủ đề chơi, các góc chơi đa dạng các loại đồ dùng đồ chơi và có nhiều nguyên vật liệu mở tạo hứng thú cho trẻ được hoạt động, lựa chọn các góc chơi theo ý thích, được khám phá, trải nghiệm phù hợp khả năng của trẻ theo phương châm “học mà chơi, chơi bằng học”. [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]. Môi trường ngoài lớp học được quy hoạch, thiết kế an toàn, phù hợp, sạch đẹp, thân thiện và hấp dẫn trẻ; bố trí đồ chơi ngoài trời, khu chơi vận động, khu vực trồng rau, khu chơi cát, chơi nước, sân trường vẽ một số trò chơi vận động, dân gian; đồ chơi, học liệu, trang thiết bị ở ngoài lớp học đảm bảo an toàn, vệ sinh, không có đồ sắc nhọn, không độc hại, được vệ sinh sạch sẽ, sửa chữa kịp thời, tạo hình ảnh và ấn tượng riêng của nhà trường theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H5-5.2-02]. Chính vì vậy, trong năm qua nhà trường đã tổ chức tốt môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm góp phần thực hiện hiệu quả chuyên đề [H1-1.4-12].

2. Điểm mạnh

Giáo viên đã thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện của trường, lớp. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học an toàn, lành mạnh, thân thiện, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Tổ chức các hoạt động thực hành trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và tình hình thực tế của đơn vị. Nhà trường đã đầu tư tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích trẻ hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ được vui chơi trải nghiệm, từ đó giúp cho trẻ “chơi mà học, học bằng chơi”.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, trong năm học còn 01 GV hợp đồng về trường từ tháng 11/2024, chưa có nhiều kinh nghiệm nên việc tổ chức các hoạt động chưa linh hoạt, chưa sáng tạo trong việc thực hiện Chương trình GDMN.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo nhà trường tổ chức phân công giáo viên có nhiều kinh nghiệm, chuyên môn vững cùng đứng lớp với giáo viên mới ra trường chưa có nhiều kinh nghiệm, giúp giáo viên biết cách vận dụng phương pháp linh hoạt,

sáng tạo hơn. Giao phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên như: dự giờ, thao giảng, sinh hoạt chuyên môn để giáo viên học tập, chia sẻ kinh nghiệm, vận dụng phương pháp linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, điều kiện của nhà trường, lớp. Hàng tháng phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, tổ khối trưởng tăng cường thao giảng, dự giờ, kiểm tra rút kinh nghiệm cho những giáo viên còn yếu kém, chưa sáng tạo. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn đánh giá những mặt làm được và những tồn tại hiện đang vướng mắc, tổ chức những tiết dạy tốt của giáo viên cốt cán cho giáo viên toàn trường học hỏi từ đó nhân rộng những phương pháp mới nhằm hoàn thành chương trình kế hoạch đề ra trong từng năm học.

Hàng năm, tiếp tục tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng và phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ vui chơi, trải nghiệm. Chỉ đạo giáo viên xây dựng môi trường trong và ngoài lớp đẹp, sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tế, có kiểm tra, đánh giá, bổ sung kế hoạch phù hợp.

Đầu các năm học nhà trường có kế hoạch đầu tư kinh phí xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học phù hợp với tình hình trường, lớp, chủ đề và theo hướng mở để trẻ tự khám phá, trải nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm học, nhà trường phối hợp với Trạm Y tế xã Tân Lợi tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như: tiêm vắc-xin, uống vitamin, hỗ trợ tài liệu tranh ảnh tuyên truyền về cách phòng và xử lý các loại bệnh thường gặp, cách phòng, chống dịch

bệnh xảy ra, khám - phát hiện và điều trị các bệnh thường gặp, cách chăm sóc sức khỏe và nuôi dưỡng trẻ nhằm giúp trẻ phát triển thể chất lẫn tinh thần **[H5-5.3-01]. [H5-5.3-02]**.

b) Trong năm, vào đầu năm học nhà trường phối kết hợp Trung tâm Y tế huyện Đồng Phú, tổ chức khám sức khỏe cho trẻ theo định kỳ 2 lần/năm. **[H5-5.3-03]**. Đảm bảo 100% trẻ được đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng hàng quý, cân, đo chiasm biểu đồ một năm học 4 lần: Tháng 9, tháng 12, tháng 3 và tháng 5. Đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được cân đo và chiasm biểu đồ hàng tháng. **[H5-5.1-04]. [H5-5.3-04]**.

Chỉ báo c mức 1 và chỉ báo c mức 2:

c) Tron năm, phó hiệu trưởng phụ trách bán trú căn cứ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường xây dựng Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ **[H5-5.1-01]**. Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định. 100% trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: nhà trường phối hợp với gia đình cùng chăm sóc trẻ, đối với trẻ béo phì: cho trẻ vận động nhiều hơn trẻ bình thường vào các thời điểm thích hợp, dần dần từ bài tập nhẹ đến mạnh, luyện tập thể dục hàng ngày. Nhà trường phối hợp với gia đình cùng chăm sóc bữa ăn cho trẻ, bữa ăn của trẻ tăng cường rau xanh, giảm dầu mỡ, hạn chế uống nước ngọt và ăn vặt. Đối với trẻ bị SDD: động viên khuyến khích trẻ ăn hết suất; nhà trường phối hợp gia đình cho trẻ ăn nhiều bữa trong ngày, uống thêm sữa, ăn bổ sung các loại thực phẩm làm từ sữa, ăn thêm trái cây, trứng gà, ăn các chất có chứa nhiều canxi kết hợp cho trẻ vận động phù hợp vừa sức **[H5-5.3-05]**. Chính nhờ các biện pháp trên, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học số trẻ suy dinh dưỡng ở thể nhẹ cân, thể thấp còi và trẻ thừa cân, béo phì đều giảm so với đầu năm, cụ thể:

+ Năm học 2024 - 2025:

- Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân: đầu năm 6/200 cháu, tỷ lệ 3%. Cuối năm còn 0/202 cháu, tỷ lệ 0%, so với đầu năm giảm 6 cháu tỷ lệ 3%

- Tỷ lệ SDD thể thấp còi: đầu năm 5/200 cháu, tỷ lệ 2,5%. Cuối năm còn 2/202 cháu, tỷ lệ 0,99%, so với đầu năm giảm 3 cháu tỷ lệ 1,51%

- Tỷ lệ trẻ cân nặng cao hơn tuổi: đầu năm 6/200 cháu, tỷ lệ 3%. Trong đó béo phì: 4 cháu. Cuối năm còn 0/202 cháu, tỷ lệ 0%, so với đầu năm giảm 6 cháu tỷ lệ 3%

- Tỷ lệ SDD thể còi cọc: đầu năm 5/200 cháu, tỷ lệ 2,5%. Cuối năm còn 0/202 cháu, tỷ lệ 0%, so với đầu năm giảm 5 cháu tỷ lệ 2,5% **[H5-5.1-04]; [H5-5.3-04]**;

Mức 2

a) Trong năm, thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh, Group Zalo, Facebook của các nhóm, lớp, của nhà trường, qua bài viết, bảng tin nhà trường, đều có tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ, người giám hộ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần như: cách chăm sóc sức khỏe cho trẻ, trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi, thừa cân, béo phì, các bệnh thường gặp ở trẻ nhỏ, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo hành trẻ em, phòng chống đuối nước, tạo tâm thế vui tươi thoải mái cho trẻ vui chơi học tập **[H4-4.1-01];[H4-4.2-02]**

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư 28/2016/TT-

BGDĐT, Công văn 3620/SGDĐT-GDMN ngày 13/9/2017 về việc tổ chức bữa ăn bán trú và nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ mầm non, chế độ ăn, khẩu phần ăn của trẻ phù hợp với độ tuổi, nhà trường áp dụng phần mềm Nutrikids, xây dựng thực đơn hàng ngày, hàng tuần đảm bảo chất lượng theo quy định. Nhà trường chú ý xây dựng và thay đổi thực đơn theo tuần, mùa, thực đơn đảm bảo đa dạng các loại thực phẩm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhu cầu, sở thích của trẻ. Hàng ngày, nhà trường tổ chức cho trẻ ăn gồm: 01 bữa chính (bữa trưa), 02 bữa phụ (uống sữa buổi sáng và ăn xế), chất lượng bữa ăn được đảm bảo theo quy định [H5-5.3-06]; [H5-5.3-07].

Mức 3

Trong năm học qua, nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, thực hiện có hiệu quả các biện pháp chăm sóc sức khỏe, xây dựng chế độ dinh dưỡng hợp lý, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt ngày cho trẻ; giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn yêu thương, chăm sóc trẻ tận tình. Kết quả đến cuối năm tỷ lệ trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường, cụ thể như sau [H5-5.1-04]; [H1-1.1-03]:

Năm học 2024-2025: Trẻ khỏe mạnh có cân nặng phát triển bình thường là 202/202 trẻ, tỷ lệ 100%; trẻ có chiều cao phát triển bình thường là 200/202 trẻ, tỷ lệ 99%.

2. Điểm mạnh

Trong năm, nhà trường phối hợp tốt với Trung tâm Y tế huyện Đồng Phú, Trạm Y tế xã Tân Lợi khám sức khỏe cho trẻ, tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ đúng quy định, được cân đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng theo quý. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng sức khỏe của trẻ cải thiện so với đầu năm học, trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt tỷ lệ cao. Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định khẩu phần ăn của trẻ phù hợp với độ tuổi, nhà trường áp dụng phần mềm Nutrikids, xây dựng thực đơn hàng ngày, hàng tuần đảm bảo chất lượng theo quy định.

3. Điểm yếu

Cuối năm vẫn còn trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn 2 cháu tỷ lệ: 1%, năm học

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo, nhà trường giao phó hiệu trưởng phụ trách bán trú tham mưu với Trạm Y tế xã Tân Lợi tổ chức khám sức khỏe cho trẻ theo đúng quy định 2 lần/năm. Chủ động phối hợp với tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Đảm bảo 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, hàng năm tiếp tục phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống còn 0,2%.

Nhà trường cùng giáo viên chủ nhiệm các nhóm, lớp tuyên truyền tới cha mẹ trẻ cách phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì bằng những biện pháp phù hợp với nhiều hình thức như: thông qua bảng tin, Website của trường, Group Zalo, Facebook. Trong từng năm học nhà trường tăng cường công tác tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ. Phó hiệu trưởng phụ trách bán trú tiếp tục đầu tư chất lượng điều tra khẩu phần ăn cho trẻ đảm bảo chế độ dinh dưỡng, cân đối phù hợp với độ tuổi, thực phẩm cần được

phối hợp đa dạng, thay đổi theo mùa, thực đơn cần đa dạng, phong phú nhằm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập được theo dõi thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân. Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Chỉ báo a Mức 1 và chỉ báo a Mức 2:

Trong năm học 2024-2025, nhà trường đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động cha mẹ trẻ duy trì việc đưa trẻ đến trường để đảm bảo tỷ lệ chuyên cần theo quy định. Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt từ 95% trở lên, tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 91% trở lên, tuy nhiên vẫn có trẻ đi học chưa đều, còn hay vắng, đi học không đúng giờ [H1-1.5-02]; [H5-5.4-01], cụ thể như sau:

+ Năm học 2024 - 2025 tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 97,3%, tỷ lệ ở các độ tuổi khác đạt 94,1%.

Chỉ báo b Mức 1, chỉ báo b Mức 2 và chỉ báo a Mức 3:

Trong năm qua, nhà trường rất chú trọng đến chất lượng hoàn thành chương trình GDMN cho trẻ 5 tuổi. Nhà trường cùng giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh cho trẻ đi học chuyên cần để không ảnh hưởng nhiều đến tỷ lệ hoàn thành chương trình GDMN của trẻ 5 tuổi [H1-1.5-02]. Đồng thời giúp trẻ đạt chuẩn kiến thức,

kỹ năng của độ tuổi, chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho trẻ vào lớp 1. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN trong năm học như sau:

Năm học 2024 - 2025 trẻ hoàn thành Chương trình GDMN là: 96/96 trẻ, đạt tỷ lệ 100% **[H5-5.4-02]**.

Chỉ báo c Mức 1:

Trong năm học 2024 - 2025 trường không có học sinh khuyết tật học hòa nhập **[H1-1.5-02]**.

Nhà trường luôn quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn theo quy định như chế độ hỗ trợ ăn trưa, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ mầm non theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực GD&ĐT; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 quy định chính sách phát triển GDMN cụ thể như sau **[H5-5.4-03]**:

	Chế độ hỗ trợ ăn trưa		Hỗ trợ chi phí học tập		Miễn giảm học phí	
	<i>Số trẻ</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Số trẻ</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Số trẻ</i>	<i>Số tiền</i>
Năm học: 2024 -2025		2.080.000		1.950.000		25.920.000
Kì I (T9-12/2024)	2	1.280.000	2	1.200.000	96	11.520.000
Kì II (T01-5/2025)	1	800.000	1	750.000	96	14.400.000

2. Điểm mạnh

Trong năm học, tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các khối lớp đều đạt tỷ lệ cao: 95% trở lên đối với trẻ 5 tuổi; 91% trở lên đối với trẻ dưới 5 tuổi. Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN 100%. Trong năm qua trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

3. Điểm yếu

Vẫn có trẻ đi học chưa đều, còn hay vắng, đi học không đúng giờ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền cho cha mẹ trẻ đưa trẻ đến lớp đều đặn, đúng giờ nhằm nâng tỷ lệ chuyên cần của các tháng lên cao hơn nữa. Đối với giáo viên các lớp 5 tuổi cần tích cực tăng cường công tác vận động cha mẹ trẻ cho trẻ đi học chuyên cần để duy trì hàng năm 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN. Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận kế toán phối hợp giáo viên chủ nhiệm để rà soát đúng đối tượng trẻ được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, để thực hiện hồ sơ trình các cấp phê duyệt để cấp kinh phí hỗ trợ, từ đó thực hiện chi trả đầy đủ chế độ cho trẻ theo quy định.

Hàng năm, phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục chỉ đạo giáo viên tổ chức tốt các hoạt động giáo dục hàng ngày, tạo môi trường phong phú, đa dạng. Đồng thời, hướng dẫn, chỉ đạo, khuyến khích giáo viên chọn các nội dung giáo dục, tổ chức các

hoạt động linh hoạt, phong phú, phù hợp độ tuổi, tạo sự hứng thú trong các hoạt động giáo dục để trẻ ham thích đến trường.

Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hiệu trưởng tổ chức kiểm tra nội bộ về hồ sơ chuyên môn, hồ sơ giáo dục trẻ, để đảm bảo trẻ 5 tuổi đều hoàn thành Chương trình GDMN, chuẩn bị các điều kiện và tăng cường khả năng sẵn sàng vào lớp 1 cho trẻ.

Hàng năm, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp chặt chẽ với chính quyền, đoàn thể, Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục tại địa phương nhằm huy động trẻ đến trường, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần và hoàn thành chương trình theo quy định. Đồng thời, hiệu trưởng tăng cường công tác tham mưu với các cấp kịp thời cho trẻ được hưởng các chế độ chính sách để hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh khó khăn được đến lớp, tạo điều kiện cho trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt.

Năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo, nếu có trẻ khuyết tật tham gia học hòa nhập tại trường, cán bộ quản lý sẽ hướng dẫn cha mẹ trẻ hoàn thiện hồ sơ, phối hợp với nhà trường nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Đồng thời, nhà trường thiết lập hồ sơ trẻ khuyết tật theo quy định; giáo viên luôn yêu thương, chăm sóc trẻ để trẻ hòa nhập một cách tốt nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch và đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường mầm non; phát triển Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình GDMN, phù hợp điều kiện của địa phương xã Tân Lợi, điều kiện thực tế của nhà trường, cũng như phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ. Nhà trường có tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời. Đa số giáo viên thực hiện các phương pháp linh hoạt, đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương. Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học chú trọng theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm. Việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục mầm non, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường và các nhóm, lớp. Các hoạt động giáo dục được tổ chức đa dạng phong phú với nhiều hình thức theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của lứa tuổi trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia các hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Trạm Y tế xã Tân Lợi trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. 100% trẻ đến trường được tổ chức cân đo, khám sức khỏe định kỳ và theo dõi biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Hàng năm, nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ của nhà trường luôn được quan tâm, chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định. 100% trẻ SDD, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học. Trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt tỷ lệ

đều trên 95%. Trong năm qua, tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt từ 95% trở lên; tỷ lệ chuyên cần của trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 91% trở lên. Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100% trong năm học. Nhà trường thực hiện đảm bảo chế độ, chính sách cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đầy đủ theo quy định.

Điểm yếu cơ bản

Nhà trường đã tham khảo phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới để xây dựng và phát triển chương trình giáo dục nhưng chưa hiệu quả.

Còn 01 GV mới hợp đồng nên chưa linh hoạt, chưa sáng tạo, khi thực hiện các hoạt động giáo dục tại lớp chưa thật sự lôi cuốn trẻ tham gia các hoạt động. Cuối năm vẫn còn trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi. Vẫn có trẻ đi học chưa đều, còn hay vắng, đi học không đúng giờ.

Tổng số tiêu chí: 04 tiêu chí.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: *Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa tại địa phương.*

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ GD & ĐT theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009, Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 20/12/2016 và Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 21/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN và được hợp nhất tại Văn bản số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của Bộ GD & ĐT về ban hành Chương trình giáo dục mầm non phù hợp văn hóa địa phương với độ tuổi và điều kiện của nhà trường; tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, nhà trường chưa tham khảo và áp dụng hiệu quả các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới vào trong chương trình giáo dục của nhà trường **[H1-1.8-01];[H1-1.8-02]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ GD & ĐT theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009. Thông tư số 28/2016 /TT-BGDĐT ngày 20/12/2016 và Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 21/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN và được hợp nhất tại Văn bản số 01/VBHN-Bộ GD & ĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD & ĐT về ban hành Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường văn hóa tại địa phương.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tham khảo và áp dụng hiệu quả các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới vào trong chương trình giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2025 - 2026 cho đến những năm học tiếp theo, nhà trường tạo điều kiện cho CBQL, GV, đặc biệt là GV cốt cán tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới (Bộ GD & ĐT tổ chức nếu có); khuyến khích, động viên GV tự học tham khảo tài liệu, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới để vận dụng phát triển chương trình giáo dục của nhà trường ngày càng mang lại hiệu quả cao, góp phần giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ em.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 2: Ít nhất 90% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá, trong đó ít nhất 40% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ GV đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 87,5 % GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, chưa đạt so với quy định ít nhất 90%; trong đó có 31,25 % GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt, chưa đạt so với quy định ít nhất 40% [H2-2.2-05]. Chất lượng đội ngũ GV đạt trình độ trên chuẩn 68,75 %, đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh

Chất lượng đội ngũ GV đạt trình độ trên chuẩn 68,75%, đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên đạt 87,5% chưa đạt so với quy định ít nhất 90%; mức tốt 31,25% chưa đạt so với quy định ít nhất 40%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy những điểm mạnh đã đạt được, đồng thời phấn đấu trong chu kỳ 2024 - 2028 có 90% GV đạt chuẩn nghề nghiệp xếp loại khá trở lên, trong đó có 40% giáo viên đạt mức tốt.

Hiệu trưởng nhà trường tạo điều kiện động viên khuyến khích GV tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phấn đấu đến năm học 2027 - 2028 có 90% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường MN; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Mầm non Tân Lợi có tổng diện tích đất sử dụng là 14.648m²/209 trẻ (điểm chính 12.944,1m², điểm lẻ 1.703,9m²) bình quân tối thiểu cho một trẻ là 70m²/trẻ, đảm bảo theo quy định tại khoản 3, Điều 5, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD & ĐT, ban hành Quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường có nhiều cấp học [H3-3.1-01].

Sân chơi chung có cây xanh bóng mát, có các khu vực chơi với cát, nước, khu vui chơi vận động có mái che, các nhà chòi, quầy bán hàng, vườn cỏ tích, vườn cây của bé, vườn rau cho bé hoạt động trải nghiệm. Khu vực trong và ngoài lớp học, nhà trường đều có bố trí các góc chơi, đồ chơi đảm bảo đủ, an toàn, phù hợp với trẻ đồ chơi đồ chơi có nhiều đồ chơi mở, nguyên vật liệu tận dụng từ thiên nhiên như: lá cây, hạt các loại, vỏ sò... tạo cơ hội cho trẻ được vui chơi, khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện. [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có sân vườn và khu vực chơi cho trẻ có diện tích vượt so với quy định. Sân chơi có khu vực chơi như: khu vực chơi với cát, nước, khu vui chơi vận động có mái che, các nhà chòi, quầy bán hàng, vườn cỏ tích, vườn cây của bé, vườn rau; khu vực trong và ngoài lớp học nhà trường đều có bố trí các góc chơi, đồ chơi đảm bảo đủ, an toàn cho trẻ chơi, khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

3. Điểm yếu: Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tham mưu đầu tư CSVC như: mua sắm bổ sung đồ dùng đồ chơi, sơn sửa các đồ chơi ngoài trời, trồng bổ sung một số loại cây xanh vào vườn cây của bé, vườn cỏ tích, đầu tư thêm các góc chơi, khu vực chơi ngoài trời, tổ chức đa dạng các trò chơi cho trẻ được khám phá, được trải nghiệm nhiều hơn, giúp trẻ phát triển toàn diện.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4: 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em, khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục. Bếp ăn có đủ đồ dùng như: xe đẩy cơm, máy xay thịt, tủ hấp cơm, tủ lạnh, chén, thìa, xoong... đồ dùng được trang bị 100% bằng chất liệu nhôm và inox [H1-1.6-07]. Các nhóm, lớp học đều có tivi, 100% tivi được kết nối internet và được sử dụng hiệu quả trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường [H3-3.3-06]. Nhà trường có khu vực dành riêng cho trẻ vui chơi phát triển vận động nhưng chưa tổ chức được 02 môn thể thao phù hợp cho trẻ lứa tuổi mầm non. Đồng thời nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý cho trẻ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khối phòng hành chính quản trị, phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được xây dựng kiên cố. Có tương đối đầy đủ các trang thiết bị phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng cho trẻ vui chơi phát triển vận động.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ được 02 môn thể thao phù hợp cho trẻ lứa tuổi mầm non. Đồng thời nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục sử dụng có hiệu quả các khối phòng học, phòng hành chính quản trị và thiết bị hiện có. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học. Tham mưu cho UBND huyện xây dựng cho trường 01 phòng tư vấn tâm lý.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong năm học 2024 – 2025 nhà trường đã hoàn thành một số mục tiêu theo phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cụ thể như: nhà trường đã thực hiện đạt các chỉ tiêu về tỷ lệ huy động học sinh ra lớp, tỷ lệ học 2 buổi/ngày học bán trú; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 0,2%. Đội ngũ GV đủ về số lượng và đạt trình độ đào tạo trên chuẩn 68,75%; GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên đạt 87,5% chưa đạt so với quy định ít nhất 90%; mức tốt 31,25 % chưa đạt so với quy định ít nhất 40% [H1-1.1-03].

Cơ sở vật chất được xây dựng đầu tư đầy đủ đảm bảo cho công tác dạy học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ của nhà trường. Năm học 2024 - 2025 nhà trường tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện được xếp thứ 4, tham gia hội thi chuyên đề cấp huyện “xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” đạt giải ba [H1-1.4-14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện đạt các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu GDMN quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các nguồn lực của nhà trường. Nhà trường thực hiện hoàn thành tốt một số mục tiêu đã đề ra. Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường phù hợp với thực tế và đạt hiệu quả. Năm học 2024 - 2025 nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá cao khi tham gia các hội thi do Phòng tổ chức.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên đạt 87,5% chưa đạt so với quy định ít nhất 90%; mức tốt 31,25% chưa đạt so với quy định ít nhất 40%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường nhằm duy trì và phát huy những điểm mạnh đã đạt được, đồng thời căn cứ nội dung yêu cầu cần đạt ở các tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, bồi dưỡng GV học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để dần nâng cao chất lượng chuẩn nghề nghiệp giáo viên phấn đấu trong chu kỳ 2024 - 2028 có 90% GV đạt chuẩn nghề nghiệp xếp loại khá trở lên, trong đó có 40% giáo viên đạt mức tốt.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2024 - 2025 nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng phát triển nhà trường. Năm học 2024 - 2025 nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá cao khi tham gia các hội thi do Phòng tổ chức. Tuy nhiên, trong năm học này kết quả giáo dục và các hoạt động khác chưa vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế xã hội tương đồng được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

2. Điểm mạnh

Năm học 2024 – 2025 nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng phát triển nhà trường. Năm học 2024 - 2025 nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá cao khi tham gia các hội thi do Phòng tổ chức

3. Điểm yếu

Năm học 2024 – 2025 kết quả giáo dục và các hoạt động khác chưa vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế xã hội tương đồng được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn nghiêm túc thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường để phát huy những thành tích đã đạt được. Đồng thời phân công hiệu phó chuyên môn thường xuyên rà soát, đánh giá và có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV, tổ chức các tiết thao giảng, hội giảng, nhằm nâng cao chất lượng và đổi mới hình thức trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, đầu tư cho các hội thi của GV và trẻ để đạt thành tích cao hơn.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận đánh giá tiêu chí Mức 4

Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương. Tổ chức đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV đúng quy định; trình độ đào tạo của GV đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 68,75 %, đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Sân vườn và khu vực cho trẻ có diện tích đạt trên chuẩn quy định. Có sân chơi rộng rãi, thoáng mát, được bố trí, sắp xếp phù hợp và được quét dọn sạch sẽ hàng ngày, sân chơi có nhiều cây xanh, bóng mát, có đủ loại đồ chơi ngoài trời theo quy định. Có các khu vực chơi ngoài trời tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện. Nhà trường thực hiện các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển giáo dục phù hợp với mục tiêu GDMN quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các nguồn lực của nhà trường và đạt hiệu quả.

Điểm yếu cơ bản

Nhà trường chưa tham khảo và áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới vào trong chương trình giáo dục của nhà trường.

Tỷ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên đạt 87,5% chưa đạt so với quy định ít nhất 90%; mức tốt 31,25% chưa đạt so với quy định ít nhất 40%.

Chưa có phòng tư vấn tâm lý, chưa tổ chức đủ 2 môn thể thao cho trẻ chơi.

Năm học 2024 – 2025 kết quả giáo dục và các hoạt động khác chưa vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế xã hội tương đồng được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

Tổng số tiêu chí: 06

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 01

Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 05

Tự đánh giá: Chưa Đạt mức 4

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường MN Tân Lợi, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình thực hiện công tác tự đánh giá, nhà trường đã nghiêm túc và tuân thủ các bước theo quy trình tự đánh giá, sử dụng toàn bộ dữ liệu và phân tích, đánh giá một cách trung thực, khách quan, bám sát nội hàm các chỉ báo, tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non. Kết quả tự đánh giá của nhà trường như sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 22/22, chiếm tỷ lệ: 100%.
- + Số lượng và các tiêu chí không đạt Mức 1: 0/22, chiếm tỷ lệ: 0%.
- + Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 21/21, chiếm tỷ lệ : 100%.
- + Số lượng và các tiêu chí không đạt Mức 2: 0/21, chiếm tỷ lệ: 0%.
- + Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 7/15, chiếm tỷ lệ : 46,67%.
- + Số lượng và các tiêu chí không đạt Mức 3: 8/15, chiếm tỷ lệ: 53,33%.
- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
- + Số lượng các tiêu chí đạt Mức 4: 1/6 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 16,66%.
- + Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 4: 5/6 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 83,34%.
- Mức đánh giá của trường: Mức 2

Trên đây là Báo cáo tự đánh giá của Trường Mầm non Tân Lợi về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Nhà trường mong nhận được sự chỉ đạo quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ của các cấp lãnh đạo, các cấp ủy Đảng, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể. Từ đó, nhà trường sẽ có biện pháp từng bước cải tiến chất lượng nhằm đưa chất lượng ND, CS&GD trẻ của nhà trường ngày càng phát triển toàn diện và bền vững./.

Tân Lợi, ngày 20 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Lan

Phần IV. PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	01	H1-1.1-01	Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025	Số 251 /KH-MN ngày 30/12/2020	Trường MN Tân Lợi	
	02	H1-1.1-02	Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã Tân Lợi Nhiệm kỳ 2025-2030	Nghị quyết số -NQ/ĐH ngày năm 2025	Đảng ủy, HĐND xã Tân Lợi	
	03	H1-1.1-03	Báo cáo tổng kết năm học	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H1-1.1-04	Biên bản họp hội đồng sư phạm	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	05	H1-1.1-05	Biên bản họp đại diện cha mẹ trẻ em của nhà trường	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	06	H1-1.1-06	Hình ảnh bảng công khai niêm yết phương hướng chiến lược phát triển nhà trường	Thực hiện năm 2025	Trường MN Tân Lợi	

	07	H1-1.1-07	Kế hoạch Hội đồng trường	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	08	H1-1.1-08	Biên bản họp Hội đồng trường	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	09	H1-1.1-09	Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của thanh tra.	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	10	H1-1.1-10	Văn bản đóng góp ý kiến cho dự thảo kế hoạch chiến lược của phụ huynh học sinh, Hội phụ nữ, Đảng ủy, UBND xã Tân Lợi	Thực hiện năm 2025	Trường MN Tân Lợi	
Tiêu chí 1.2	01	H1-1.2-01	Quyết định thành lập Hội đồng trường Trường Mầm non Tân Lợi nhiệm kỳ 2024-2029	- Số 270/QĐ-PGDĐT ngày 24/01/2024	Phòng GD&ĐT huyện Đồng Phú	
	02	H1-1.2-02	Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	03	H1-1.2-03	Quyết định thành lập hội đồng thi đua khen thưởng	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H1-1.2-04	Quyết định thành lập hội đồng sáng kiến	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	

	05	H1-1.2-05	Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	06	H1-1.2-06	Nghị quyết hội đồng trường	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	07	H1-1.2-07	Kế hoạch phong trào thi đua	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	08	H1-1.2-08	Biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	09	H1-1.2-09	Biên bản họp hội đồng sáng kiến	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	10	H1-1.2-10	Kế hoạch tuyển sinh	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	11	H1-1.2-11	Kế hoạch tự đánh giá	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	12	H1-1.2-12	Báo cáo tự đánh giá	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	13	H1-1.2-13	Hình ảnh niêm yết công khai nghị quyết Hội đồng trường	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	14	H1-1.2-14	Biên bản họp hội đồng tuyển sinh	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	15	H1-1.2-15	Biên bản họp hội đồng tự đánh giá	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	16	H1-1.2-16	Quyết định, thông báo công nhận sáng kiến của các cấp hằng năm	Thực hiện năm học 2024-2025	UBND tỉnh Bình Phước Hội đồng sáng kiến huyện Đồng Phú	

Tiêu chí 1.3	01	H1-1.3-01	Quyết định chuẩn y BCH Công đoàn	Thực hiện năm học 2024-2025	LĐLĐ huyện	
	02	H1-1.3-02	Quyết định chuẩn y chi đoàn	Thực hiện năm học 2024-2025	Đoàn TN xã	
	03	H1-1.3-03	Kế hoạch hoạt động công đoàn	Thực hiện năm học 2024-2025	Công đoàn trường MN Tân Lợi	
	04	H1-1.3-04	Kế hoạch hoạt động chi đoàn	Thực hiện năm học 2024-2025	Chi đoàn trường MN Tân Lợi	
	05	H1-1.3-05	Biên bản họp công đoàn	Thực hiện năm học 2024-2025	Công đoàn trường MN Tân Lợi	
	06	H1-1.3-06	Biên bản họp chi đoàn	Thực hiện năm học 2024-2025	Chi đoàn trường MN Tân Lợi	
	07	H1-1.3-07	Quyết định thành lập chi bộ và chuẩn y đại hội Chi bộ-Bí thư, phó bí thư	Quyết định số 163-QĐ/ĐU ngày 23 tháng 1 năm 2025	Đảng ủy xã Tân Lợi	
	08	H1-1.3-08	Kế hoạch năm chi bộ	Thực hiện từ năm 2024-2025	Chi bộ MN Tân Lợi	
	09	H1-1.3-09	Nghị quyết chi bộ hàng năm	Thực hiện từ năm 2024-2025	Chi bộ MN Tân Lợi	
	10	H1-1.3-10	Đánh giá, xếp loại chi bộ hàng năm	Năm 2024	BCH Đảng bộ xã Tân Lợi	
	11	H1-1.3-11	Giấy khen, bằng khen chi bộ	Năm 2024	Huyện Ủy Đồng Phú, Đảng ủy xã Tân Lợi	
	12	H1-1.3-12	Báo cáo hoạt động công đoàn	Thực hiện năm học 2024-2025	Công đoàn trường MN Tân Lợi	

	13	H1-1.3-13	Kết quả xếp loại công đoàn hằng năm	Thực hiện năm học 2024-2025	CD trường MN Tân Lợi	
	14	H1-1.3-14	Báo cáo tổng kết hoạt động chi đoàn	Thực hiện năm học 2024-2025	BCH Chi đoàn	
	15	H1-1.3-15	Hình ảnh tham gia các hoạt động xã hội chi đoàn	Thực hiện năm học 2024-2025	Chi đoàn trường MN Tân Lợi	
	16	H1-1.3-16	Thông báo xếp loại chi đoàn của đoàn cấp trên	Thực hiện năm học 2024-2025	Đoàn xã Tân Lợi	
Tiêu chí 1.4	01	H1-1.4-01	Quyết định Bổ nhiệm Hiệu trưởng (Cô Lan)	Quyết định số 3477/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú	Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú	
	02	H1-1.4-02	Quyết định Bổ nhiệm HP Bán trú (Cô Hiếu)	Quyết định số 3004/QĐ- UBND ngày 05/07/2024 của UBND huyện Đồng Phú.	Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú	
	03	H1-1.4-03	Quyết định Bổ nhiệm HPCM (Cô Thanh)	Quyết định số 3901/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND huyện Đồng Phú	Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú	
	04	H1-1.4-04	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	05	H1-1.4-05	Quyết định tổ văn phòng	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	06	H1-1.4-06	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	

	07	H1-1.4-07	Kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	08	H1-1.4-08	Biên bản họp các tổ chuyên môn	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	09	H1-1.4-09	Kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	10	H1-1.4-10	Biên bản họp tổ văn phòng	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	11	H1-1.4-11	Kế hoạch các chuyên đề	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	12	H1-1.4-12	Báo cáo tổng kết chuyên đề	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	13	H1-1.4-13	Giấy khen các hội thi	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	01	H1-1.5-01	Hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
Tiêu chí 1.5	02	H1-1.5-02	Sổ theo dõi trẻ em	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	03	H1-1.5-03	Hồ sơ quản lý trẻ em	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	01	H1-1.6-01	Sổ lưu trữ công văn đi đến	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
Tiêu chí 1.6	02	H1-1.6-02	Hồ sơ quản lý nhân sự	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	03	H1-1.6-03	Danh mục hồ sơ nhà trường	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H1-1.6-04	Hồ sơ kế toán	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	

	05	H1-1.6-05	Hình ảnh bảng niên yết công khai tài chính	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	06	H1-1.6-06	Biên bản kiểm tra tài chính nhà trường	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	07	H1-1.6-07	Biên bản kiểm tra CSVC hằng năm	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	08	H1-1.6-08	Quy chế chi tiêu nội bộ	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	09	H1-1.6-09	Biên bản quyết toán hồ sơ tài chính năm 2024	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Thanh tra huyện Đồng Phú	
	10	H1-1.6-10	Trích xuất nội dung Phần mềm Misa	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	11	H1-1.6-11	Kế hoạch xây dựng, sửa chữa CSVC	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	12	H1-1.6-12	Tờ trình tham mưu xây dựng, sửa chữa CSVC	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	13	H1-1.6-13	Các phần mềm hợp đồng hoặc sử dụng phần mềm	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	14	H1-1.6-14	Kế hoạch thu, chi ngắn hạn	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	15	H1-1.6-15	Hình ảnh công tác XHHGD, biên bản bàn giao công trình XHHGD	Thực hiện năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	

	01	H1-1.7-01	Kế hoạch phát triển đội ngũ năm học 2024-2025	Số 375/KH-MN ngày 30/9/2024	Trường MN Tân Lợi	
Tiêu chí 1.7	02	H1-1.7-02	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	03	H1-1.7-03	Danh sách CBGV tham gia các lớp bồi dưỡng	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H1-1.7-04	Giấy chứng nhận tập huấn kiến thức VSATTP	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	05	H1-1.7-05	QĐ phân công nhiệm vụ CBQL- GV-NV	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	06	H1-1.7-06	Bảng cấp phát chi trả chế độ nghỉ ốm, thai sản	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	07	H1-1.7-07	Quyết định khen thưởng hàng năm	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	08	H1-1.7-08	Sổ dự giờ BGH (HPCM, HPBT)	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	09	H1-1.7-09	Biên bản sinh hoạt chuyên môn nhà trường	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	10	H1-1.7-10	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	

	01	H1-1.8-01	Kế hoạch giáo dục nhà trường	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	02	H1-1.8-02	Kế hoạch giáo dục của các nhóm lớp	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
Tiêu chí 1.8	03	H1-1.8-03	Kế hoạch chăm sóc giáo dục của giáo viên	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H1-1.8-04	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	01	H1-1.9-01	Bảng tổng hợp ý kiến hội nghị viên chức	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	02	H1-1.9-02	Nghị quyết hội nghị viên chức	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
Tiêu chí 1.9	03	H1-1.9-03	Kế hoạch tiếp công dân. Sổ tiếp công dân	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H1-1.9-04	Hồ sơ công khai chất lượng giáo dục hằng năm	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	05	H1-1.9-05	Báo cáo quy chế dân chủ cơ sở	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	06	H1-1.9-06	Kế hoạch hoạt động của ban thanh tra nhân dân	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	07	H1-1.9-07	Biên bản họp liên tịch	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	01	H1-1.10-01	Kế hoạch an toàn về ANTT	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	02	H1-1.10-02	Kế hoạch phối hợp về an ninh trật tự	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	

Tiêu chí 1.10	03	H1-1.10-03	Sổ kiểm thực 3 bước, sổ lưu mẫu thức ăn	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H1-1.10-04	Hợp đồng cung cấp thực phẩm, hợp đồng sữa	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	05	H1-1.10-05	Giấy cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	06	H1-1.10-06	Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	07	H1-1.10-07	Hình ảnh lắp đặt các khu vực bình phòng cháy, chữa cháy	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	08	H1-1.10-08	Kế hoạch phòng cháy nổ	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	9	H1-1.10-9	Kế hoạch tuyên truyền phòng chống, dịch bệnh	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	10	H1-1.10-10	Danh sách CBGVCMNV cam kết thực hiện các tệ nạn XH	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	11	H1-1.10-11	Kế hoạch phòng chống bạo lực học đường	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	12	H1-1.10-12	Hình ảnh hộp thư góp ý	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	13	H1-1.10-13	Báo cáo công tác bình đẳng giới	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	

	14	H1-1.10-14	Hình ảnh về phòng chống dịch bệnh	Thực hiện năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
Tiêu chí 2.1	01	H2-2.1-01	Quyết định thâm niên của BGH.	Thực hiện từ năm học 2024- 2025	UBND Huyện Đồng Phú.	
	02	H2-2.1-02	Bằng ĐHSP, chứng chỉ anh văn, chứng chỉ tin học của CBQL	Năm 2011, 2012. Năm 2016.	- ĐHTPHCM - Trường CĐSP BP - Trường CĐCN cao su	
	03	H2-2.1-03	Giấy chứng nhận BDNVQL	Năm 2008 Năm 2009 Năm 2017	Trường CĐSPBP Trường cán bộ quản lí giáo dục TPHCM.	
	04	H2-2.1-04	Bằng trung cấp LLCT- hành chính	Năm 2017 Năm 2018	Trường chính trị Bình Phước.	
	05	H2-2.1-05	Chứng nhận hoàn thành Chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 4	Số: 116/24 ngày 26/7/2024 Số: 118/24 ngày 26/7/2024 Số: 119/24 ngày 26/7/2024 Số: 3611 ngày 09/08/2013	Ban chỉ huy quân sự huyện Đồng Phú	
	06	H2-2.1-06	Biên bản đánh giá, xếp loại viên chức CBQL cuối năm.	Thực hiện từ năm học 2024- 2025	Trường MN Tân Lợi	

	07	H2-2.1-07	Kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn HT, PHT do nhà trường đánh giá.	Thực hiện từ năm học 2024- 2025	- Trường MN Lợi	
	08	H2-2.1-08	Công văn triệu tập bồi dưỡng, tập huấn LLCT. Học chính trị hè.	Thực hiện từ năm học 2024- 2025	- Đảng ủy xã Tân Lợi - Phòng GD & ĐT Đồng Phú. - Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đồng Phú	
Tiêu chí 2.2	01	H2-2.2-01	Bảng tổng hợp đội ngũ CB-GV-CNV hàng năm	Thực hiện từ năm học 2024- 2025	Trường MN Tân Lợi	
	02	H2-2.2-02	Quyết định giao chỉ tiêu biên chế hàng năm	Thực hiện từ năm học 2024- 2025	UBND Huyện Đồng Phú.	
	03	H2-2.2-03	Bảng chuyên môn, nghiệp vụ của GV.	Thực hiện từ năm học 2024- 2025	Trường Mầm non Tân Lợi	
	04	H2-2.2-04	Danh sách thông tin về trình độ đào tạo của giáo viên.	Thực hiện từ năm học 2024- 2025	Trường Mầm non Tân Lợi	
	05	H2-2.2-05	Bảng tổng hợp KQ đánh giá CNNGVMN	Thực hiện từ năm học 2024- 2025	Trường Mầm non Tân Lợi	
	06	H2-2.2-06	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá phân loại viên chức người lao động.	Thực hiện từ năm học 2024- 2025	Trường Mầm non Tân Lợi	
Tiêu chí 2.3	01	H2-2.3-01	Hợp đồng khoán việc	Thực hiện từ năm học 2024- 2025	UBND Huyện Đồng Phú. Trường MN Tân Lợi	
	02	H2-2.3-02	Bảng đại học kế toán	96/LT-01-2021	Trường ĐH Bình Dương	

	03	H2-2.3-03	Công văn triệu tập nhân viên tham gia tập huấn .	Thực hiện từ năm học 2024- 2025	- Phòng GD-ĐT Đồng Phú, SGD&ĐT, Phòng nội vụ, phòng TCKH, Sở Tài chính	
Tiêu chí 3.1	01	H3-3.1-01	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2 điểm.	GCN số 07879 ngày 06/07/2016 GCN số 46085 ngày 28/03/2024	Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Phước, sở TNMT tỉnh Bình Phước.	
	02	H3-3.1-02	Báo cáo an ninh trật tự, an toàn giao thông	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	03	H3-3.1-03	Báo cáo phòng chống cháy nổ	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H3-3.1-04	Báo cáo dân số trên địa bàn xã Tân Lợi	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	05	H3-3.1-05	Thống kê số liệu học sinh toàn trường hằng năm.	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	06	H3-3.1-06	Hồ sơ xây dựng nhà trường	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	07	H3-3.1-07	Bảng thống kê diện tích toàn trường	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	01	H3-3.2-01	Ảnh chụp khu để xe	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	02	H3-3.2-02	Biểu mẫu thống kê cơ sở vật chất về phòng học	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	

Tiêu chí 3.2	03	H3-3.2-03	Hình ảnh các thiết bị chiếu sáng	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H3-3.2-04	Hình ảnh chụp phòng nghệ thuật	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	05	H3-3.2-05	Hình ảnh chụp phòng thể chất	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	06	H3-3.2-06	Tổng hợp về đồ dùng tự tạo	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	07	H3-3.2-07	Hình ảnh chụp phòng thư viện	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	08	H3-3.2-08	Ảnh chụp tủ lưu mẫu	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	09	H3-3.2-09	Hình ảnh sân vườn của nhà trường	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	10	H3-3.2-10	Hình ảnh biển tên trường	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
Tiêu chí 3.3	01	H3-3.3-01	Kết quả xét nghiệm mẫu nước	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Phước Sở khoa học và công nghệ tỉnh Bình Phước Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3	
	02	H3-3.3-02	Hình ảnh cống thoát nước	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	

	03	H3-3.3-03	Hóa đơn thanh toán tiền điện	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Điện lực huyện Đồng Phú	
	04	H3-3.3-04	Hồ sơ phòng cháy chữa cháy	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	05	H3-3.3-05	Chứng nhận tập huấn PCCC	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Công an huyện Đồng Phú	
	06	H3-3.3-06	Hóa đơn thanh toán tiền Internet	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	07	H3-3.3-07	Hình ảnh xử lý rác	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
Tiêu chí 4.1	01	H4-4.1-01	Biên bản họp phụ huynh các lớp	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Ban đại diện CMTE lớp	
	02	H4-4.1-02	Biên bản họp Ban đại diện CMTE của Trường	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	03	H4-4.1-03	Kế hoạch hoạt động của BĐDCMTE của trường	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H4-4.1-04	Hình ảnh hoạt động của CMTE tham gia hỗ trợ ngày công lao động	Thực hiện từ năm học 2020 – 2021 đến năm học 2024 - 2025	Ban đại diện CMTE	
	05	H4-4.1-05	Danh sách học sinh nhận quà		Trường MN Tân Lợi	
	06	H4-4.1-06	Các văn bản tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em		Trường MN Tân Lợi	

	07	H4-4.1-07	Báo cáo hoạt động của Ban đại diện CMTE	Thực hiện từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024	Ban đại diện CMTE	
Tiêu chí 4.2	01	H4-4.2-01	Nghị quyết của Đảng ủy xã Tân Lợi	Thực hiện từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024	Trường MN Tân Lợi	
	02	H4-4.2-02	Hình ảnh tuyên truyền, bảng tuyên truyền đến phụ huynh các lớp	Thực hiện từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024	Trường MN Tân Lợi	
	03	H4-4.2-03	Hình ảnh các mạnh thường quân trao quà cho các cháu	Thực hiện từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024	Trường MN Tân Lợi	
	04	H4-4.2-04	Kế hoạch tổ chức các lễ hội trong năm học	Thực hiện từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024	Trường MN Tân Lợi	
	05	H4-4.2-05	Hình ảnh tổ chức các lễ hội cho trẻ: Ngày hội bé đến trường, tết trung thu, tổng kết	Thực hiện từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024	Trường MN Tân Lợi	
	06	H4-4.2-06	Văn bản công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa.	Thực hiện từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024	LĐLĐ huyện Đồng Phú	
Tiêu	01	H5-5.1-01	Kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	02	H5-5.1-02	Báo cáo tổng kết đánh giá thực hiện Chương trình GDMN.	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	

chí 5.1	03	H5-5.1-03	Bảng tổng hợp đánh giá trẻ	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H5-5.1-04	Sổ tổng hợp theo dõi sức khỏe toàn trường	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	05	H5-5.1-05	Hồ sơ hợp đồng cho trẻ học Anh văn	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
Tiêu chí 5.2	01	H5-5.2-01	Hình ảnh trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	02	H5-5.2-02	Hình ảnh môi trường trong và ngoài lớp học.	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	03	H5-5.2-03	1 số sản phẩm hoạt động của trẻ	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H5-5.2-04	1 số hình ảnh trẻ làm thí nghiệm, chơi trải nghiệm	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
Tiêu chí 5.3	01	H5-5.3-01	Hợp đồng trách nhiệm v/v CSSK giữa nhà trường và y tế	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	02	H5-5.3-02	Kế hoạch phối hợp với y tế địa phương về CSSK trẻ	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	03	H5-5.3-03	Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho học sinh	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	04	H5-5.3-04	Sổ theo dõi sức khỏe trẻ em	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	

	05	H5-5.3-05	Kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	06	H5-5.3-06	Sổ thực đơn hàng tuần	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	07	H5-5.3-07	Sổ điều tra khẩu phần ăn	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
Tiêu chí 5.4	01	H5-5.4-01	Sổ tổng hợp chuyên cần – bé ngoan toàn trường	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	02	H5-5.4-02	Quyết định trẻ hoàn thành CTGDMN 5 tuổi	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	
	03	H5-5.4-03	Hồ sơ các chế độ của trẻ	Thực hiện từ năm học 2024-2025	Trường MN Tân Lợi	